

# ĐỜI HẠ NGUỒN

---o O o---

của VƯƠNG KIM

## LỜI NÓI ĐẦU

Cuộc diễn-tiến nhân-loại là một vấn-đề mà phần đông những nhà bác-học tuyên-bố rằng: "*Tất cả sanh-vật sống trên quả địa-cầu đều tiến-hóa từ trạng-thái hạ-đẳng đến trạng-thái cao-đẳng ngày nay*".

Những luận-cứ này được các nhà theo thuyết tiến-hóa (Evolutionnistes) và khoa-học thừa-nhận, phổ-biến trong các học đường.

Dựa vào cuộc khai-quật những bộ xương người, các nhà theo thuyết tiến-hóa đoán định rằng: loài người tiến-hóa trải qua ba giai-đoạn: giai-đoạn loài cá, giai-đoạn có đuôi và giai-đoạn có lông.

Nhưng từ loài vật tiến lên loài người là cả một tiến-hóa liên-tiếp, như một sợi dây xích có những khoen nối liền nhau. Hằng triệu mắt khoen rất cần-thiết để nối liền con người văn minh ngày nay với một bộ phận có từ hằng triệu năm về trước, cũng như hằng triệu mắt khoen đã nối liền con người với hình-thái của loài khỉ nguyên-thỉ hay các loài vật sơ-đẳng. Trong sự nối liền ấy có những mắt khoen khiếm-khuyết (chainons manquants) giữa con người và loài khỉ nguyên-thỉ.

Đó là chủ-thuyết mà Đạt-nhĩ-văn (Darwin) đề-xướng trong quyển *Nhân-Loại Tổ-Tiên- Luận* của ông. Gần đây theo cuộc khám-phá người khỉ ở Phi-châu, người ta nhận rằng giống người khỉ ấy không thể nào là tổ-tiên nhân-loại được. Giáo-sư W. Branco ở Bá-linh nhận rằng: "Cổ sinh-vật học không nhận một tổ-tiên của nhân-loại nào cả." Giáo-sư Vinchow cũng phán rằng: "Người khỉ không từng có và mắt khoen khiếm-khuyết chỉ là một chuyện thần-thoại".

Bác-sĩ Clark tin rằng cuộc tiến-hóa diễn ra do những bước nhảy nối liền giữa một hình-thái đời sống này với một đời sống khác. Mỗi con người là một giống vật phức-tạp xuất-hiện như một sự sáng-tạo trực-tiếp và khác biệt. Một loài vật này có thể biến-hóa thành một loài vật khác, trải qua hàng vạn cuộc thay hình đổi dạng. Như rễ cây có thể biến thành loài lơu, loài dơi có thể biến thành loài chồn. Căn-cứ theo cuộc biến-hóa vượt bậc ấy, các nhà tiến-hóa lập thuyết rằng: "Con người từ những giống vật hạ-đẳng tiến-hóa, nhưng tiến-hóa vượt bậc."

Nói tóm lại, con người, theo thuyết tiến-hóa và biến-hóa, phát-sinh từ những giống vật hạ-đẳng tiến-hóa lên đến loài người ngày nay trải qua hằng triệu năm và lịch-sử nhân-loại bắt đầu từ trạng-thái thấp hèn tiến lên trạng-thái cao đẹp.

Các nhà xã-hội học cũng như các nhà nhân-chủng-học đồng

thanh cho rằng lịch-sử loài người có độ một vạn năm nay, còn trước đó là thời-kỳ hồng-hoang hay tiền-sử, thời-đại mà đời sống con người không khác con vật. Có nhà khoa-học còn chia lịch-sử nhân-loại làm ba thời kỳ: thời-kỳ thạch-khí là thời-kỳ con người dùng đồ đá để làm phương-thức sinh-hoạt, thời-kỳ đồng-khí là thời-kỳ đồ đá được thay thế bằng đồ đồng đồ sắt, thời-kỳ cơ-khí hiện nay là thời-kỳ nhân-loại dùng máy móc thay thế cho sức lao-động và thủ-công.

Cứ theo đó, các nhà bác-học đều nhận loài người từ trạng-thái thấp hèn tiến-hóa lên.

Nhưng thật ra loài người có phải từ loài vật tiến-hóa hay biến-hóa vượt bậc chẳng ?

Bác-sĩ Wilson ở Oxford đã nhấn mạnh rằng: "Tiến-hóa là một lý-thuyết rất giàu về ông kẻ, người cá và người nửa người nửa ngựa mà bất cứ chuyện thần-thoại nào cũng có kể qua."

Trong sách *Cuộc Tiến-Hoá Nghịch Với Thế-Giới Mới* (L'Évolution opposée au monde nouveau) của Cơ-đốc Phục-lâm có viết: "Thật vậy, người chủ-xương thuyết tiến-hóa đã thẩm-nhuần thần-thoại và trở thành nô-lệ cho mê-tín dị-đoan di lại từ lâu xa mà ngày nay cũng như xưa kia, người ta không thể minh-chứng. Tại đâu phần đông chúng chấp-nhận thuyết tiến-hóa ấy có từ thời thượng-cổ xa xăm ? Chúng áp-dụng nó bởi vì nó là tôn-giáo của chúng, một giáo-lý chính-tông mà các nhà bác-học đã nhận, và chúng ghê sợ sự công-kích của những nhà bác-học ấy nếu chúng không xuôi theo. Cuộc tiến-hóa không bao giờ được minh-chứng, cho nên nó đòi hỏi ở môn-đồ của nó một đức-tin mù-quáng. Chúng đòi hỏi ở những hóa-thạch (fossiles) không bao giờ có, ở những mắt khoen khiếm-khuyết tưởng tượng, ở những cơ-thể thô-sơ nhưng chẳng thô-sơ gì cả, ở những tế-bào hoàn toàn lỗ-lãng, ở những bằng chứng-nghiệm về máu trái ngược và ở khoa-học giải-phẫu không chứng-thực gì cả. Sự tin-tưởng ấy chỉ là một sự tin nhầm, nghĩa là một đức-tin đã chết, không căn-bản, tạo ra bởi lòng sợ-sệt cái gì mà giới trí-thức thích thuyết tiến-hóa đã nghĩ ra. Để làm bằng-chứng cho giáo-lý của chúng, nhiều nhà bác-học phủ-nhận khoa-học và ôm ấp cái tôn-giáo tân-thời ấy (thuyết tiến-hóa), kể cả giới đại học."

Đứng trên thuyết tiến-hóa, các nhà duy-vật không ngại đưa ra những lý-thuyết mà họ cho là thực-tế nhưng xét ra quá giản-dị, phiến-diện trong cái nhìn tổng-quan về quá-trình diễn-tiến nhân-loại.

Hầu hết các sách giáo-khoa và chủ-thuyết tiến-hóa nhận rằng giống người nguyên-thỉ sống trong trạng-thái cực kỳ ấu-trĩ. Ốc thiếu luận-lý và quan-sát đã đưa chúng đến tin-tưởng vật-linh và ma-thuật. Do sự tin-tưởng này mọi vật đều chứa đựng một cái gì trùng-phục và mọi hiện-tượng đều điều-khiển bởi một quyền-lực thiêng-liêng. Đó là nguồn-gốc phát-sinh sự sùng-bái thần-linh và vật-tổ (totem), dẫn khởi sự sùng-bái tổ-tiên và các nghi-thức tôn-giáo.

Dựa vào vũ-trụ-quan xây dựng trên thuyết tiến-hóa, các nhà

duy-vật đồng lý-luận cho rằng tôn-giáo sở dĩ có là vì tinh-thần con người chưa thoát ra khỏi nỗi lo sợ đối với các hiện-tượng thiên-nhiên.

Engels (Ăn-cách-tư) một tỷ tổ của thuyết duy-vật nói rằng: "Tôn-giáo phát sinh là do những quan-niệm thiển-cận của con người."

Nhưng tôn-giáo đâu phải là một hiện-tượng xuất-hiện do đầu óc sợ-sệt, thiếu suy-xét !

Đứng trên quan-điểm của Đạo Phật cũng như các đạo-giáo khác, ta sẽ thấy sự nhận xét của các nhà khảo-cổ hay duy-vật không đúng chân-lý và đó chỉ là phiến-diện của vấn-đề về sự tiến-hóa của loài người.

Các nhà khảo-cổ chỉ nhìn vào các xã-hội sơ-đẳng còn sót lại ở Phi-châu hay Úc-châu, hoặc căn-cứ theo kết-quả của những cuộc khai-quật tìm thấy những hóa-thạch rồi ước-đoán nếp sống con người nguyên-thỉ như thế này hay thế khác. Mà đã là sự ước-đoán thì dĩ-nhiên không thể hiểu một cách cùng tột.

Hơn nữa, các nhà khảo-cổ giới-hạn cuộc tiến-hóa nhân-loại trong khoảng thời-gian quá ngắn-ngủi, trong quá-trình diễn-tiến dằng-dặc hằng triệu triệu năm. Đó chẳng qua là đời sống vật-chất đã giới-hạn họ ở trong phạm-vi của khả-năng suy-luận; vì vậy mà sự lập luận của giới tiến-hóa hat duy-vật không vượt xa hơn được.

Cũng như Engels, Karl-Marx (Mã-khắc-tư) nhận rằng: "Lịch-sử của tất cả xã-hội từ trước đến nay chỉ là lịch-sử đấu-tranh giai-cấp giữa người tự-do và người nô-lệ, giữa quý-tộc với bình-dân, giữa địa-chủ với nông-nô, giữa chủ và thợ, nói tóm lại, hạng áp-bức và hạng bị áp-bức luôn luôn chống-báng nhau, gây thành một trận giặc không ngừng, khi thì bộc lộ khi thì ngấm-ngầm, một trận giặc luôn luôn chấm dứt hoặc bởi một cuộc biến-đổi cách-mạng của cả xã-hội, hoặc bởi sự huỷ-diệt của hai giai-cấp tranh chấp nhau."

Như thế Karl-Marx đã giới-hạn lịch-sử diễn-tiến nhân-loại trong một khoảng thời-gian rất ngắn không quá một vạn năm, vì như mọi người đều biết chế-độ nô-lệ đánh dấu trên lịch-sử nhân-loại vào độ thế-kỷ thứ bảy thứ sáu trước Tây-lịch.

Bởi nhân lịch-sử loài người quá thiển-cận nên các nhà tiến-hóa-luận và duy-vật-luận mới cho rằng con người thái-cổ quá thấp hèn về đời sống tinh-thần, xã-hội nhân-loại bắt đầu thành hình từ độ một vạn năm và phát-triển theo chiều tiến-hóa, chớ không phải thoái-hóa.

Nhưng thật ra, lịch-sử nhân-loại không bắt đầu từ độ một vạn năm trở lại đây mà đã diễn-tiến qua ba thời kỳ: Thượng-nguơn, Trung-nguơn và Hạ-nguơn.

Từ xã-hội Thượng-nguơn, con người huyền-linh đủ các đức-tính cao-khiết đã rơi dần xuống xã-hội Trung-nguơn rồi Hạ-nguơn là thời-kỳ con người tiến sâu vào đời sống ô-trước của vật-chất, mất cả bản-tính siêu-nhiên.

Xem đó, về phương-diện tinh-thần, loài người đang thoái-hóa, nhưng ngược lại đang tiến-hóa về phương-diện vật-chất.

Phải có cái nhìn tổng-quan suốt ba thời-kỳ đúng với lý Tam-nguơn, ta mới nhận rõ quá-trình diễn-tiến nhân-loại.

Và đó là **vũ-trụ-quan của Bửu-Sơn Kỳ-Hương**.

\*\*\*

## **THIÊN NHẤT** **LÝ TAM-NGUƠN**

Đông-Nhạc Thánh-đế đã nói rằng: "*Thiên địa tuần hoàn, châu nhi phục thi*". Trời đất xoay vần, giáp vòng trở lại chỗ ban đầu.

Đó là luật tuần-hoàn của vũ-trụ vạn-hữu. Như Xuân tàn thì Hạ đến, Hạ mãn thì Thu sang, Thu qua thì Đông lại ; rồi một khi Đông mãn thì trở lại Xuân, cứ xoay vần như thế mãi.

Trong Luận-ngữ có nói rằng: "*Thiên hà ngôn lai, tứ thời hành yên, vạn vật sanh yên*". Trời nói gì đâu, mà bốn mùa thường vận hành vậy, muôn vật vẫn sanh dục vậy; cũng đồng nhận cái luật tuần-hoàn của vũ-trụ. Cái luật này vận-hành tự-nhiên, không có một quyền-lực nào cản trở được.

Con người cũng như vạn vật không sao cưỡng lại sự chi-phối của luật xoay vần ấy.

Như hạt lúa đem gieo, mọc lên cây mạ. Cây mạ lớn lên thành cây lúa; cây lúa đơm bông kết hạt, rồi thì tàn tạ, di lại một số hạt. Hạt ấy đem gieo, đủ điều-kiện nhân-duyên sẽ thành cây lúa và cây lúa sẽ đơm bông kết hạt, y như hạt lúa lúc ban đầu.

Đến loài vật như gà vịt chẳng hạn, từ trong trứng nở ra, lần lần lớn lên, rồi thì đẻ ra trứng. Trứng ấy đem ấp sẽ sanh ra gà con, vịt con, và cứ như thế cái vòng sanh diệt tiếp nối không bao giờ dứt.

Con người cũng vậy, từ thế-hệ này sang thế-hệ khác, vẫn ở trong cái luật tuần-hoàn của sanh, lão và tử.

Xét rộng ra đến thế-giới, ta cũng thấy không ngoài cái vòng: Thành, Trụ, Hoại, Không, như các kinh Phật đã nhận.

Nói tóm lại, tất cả sự vật trong vũ-trụ vạn-hữu đều ở trong vòng cái luật xoay vần của ba thời-kỳ sanh, trưởng và diệt. Tuy Đức Phật chia làm bốn thời-kỳ, nhưng đáng kể chỉ có ba thời-kỳ: Thành, Trụ và Hoại mà thôi, vì thời-kỳ "*Không*" thuộc về vô-hình, cũng như thời-kỳ sau khi con người chết hoàn toàn thuộc về thần-thức, đều ở ngoài vòng tác-động của luật sanh diệt.

Sự phân định thời-gian sanh diệt của sự vật làm ba thời-kỳ đã được thuyết-minh trong nhiều kinh sách.

Như về Đạo Phật, các kinh điển đã phân-định từ lúc Đức Phật còn trụ thế thuyết-pháp cho đến ngày Phật-pháp biến hoại làm ba thời-kỳ là: Chánh-pháp, Tượng-pháp và Mạt-pháp.

Cũng như Đạo Phật, cuộc đời hay cuộc diễn-tiến nhân-loại phân làm ba nguơn là: Thượng nguơn, Trung-nguơn và Hạ-nguơn.

Có thể nói Đức Phật-Thầy Tây-An là người đầu tiên thức-tỉnh

người đời về lý Tam-nguơn để báo tin rằng thời-kỳ Hạ-nguơn đã cận, như hai câu thơ:

Hạ-nguơn đã cận người ôi !  
Nay Ta giáng bút để thôi coi đời.

Sau Đức Phật-Thầy còn có nhiều bậc giác-ngộ trong giáo-hệ Bửu-Sơn Kỳ-Hương cũng không dứt nhắc nhở đến lý Tam-nguơn trong thi văn hay Sám giảng.

Ông Sư-Vãi Bán-Khoai trong *Sấm Giảng Người Đời* có viết:

Hạ-nguơn nay đã hết rồi,  
Minh-hoàng cầu Phật lập đời Thượng-nguơn.

Nhứt là Đức Huỳnh giáo-chủ, những danh từ Thượng-nguơn, Hạ-nguơn được Ngài đề-cập rất nhiều trong Sám-giảng của Ngài như:

Hạ-nguơn nay đã hết đời,  
Phong ba biến chuyển đổi đời gia-cang.

Hay là:

Làm sao rõ mặt râu mày,  
Thượng-nguơn hồi phục là ngày an-cư.

Ngoài giáo-hệ Bửu-Sơn Kỳ-Hương, mấy mươi năm trở lại đây, Cao-đài-giáo ra đời, cũng nhận "Đạo có ba nguơn" là Thượng-nguơn, Trung-nguơn và Hạ-nguơn.

Trong quyển *Đại-thừa Chơn-giáo*, lý Tam-nguơn được giải rõ hơn đầu hết.

"Đạo có ba nguơn; ba nguơn ấy là cái số cuối cùng của Trời, Đất. Trước hết mở đầu là Thượng-nguơn. Thượng-nguơn đây là "nguơn tạo-hóa" là nguơn gây dựng cả Càn-khôn Võ-trụ. Vậy khi mới tạo Thiên lập Địa, nhân-loại sanh ra thì tánh-chất con người rất đối hồn-hồn ngạc-ngạc, còn đang thuần-phác thiện-lương, nên chỉ thuận-tùng Thiên-lý mà hoà-hiệp dưới trên, tương thân tương ái. Thời-kỳ ấy người người đồng hấp-thụ khí thiên-tiên, nên hằng cộng hưởng thanh-nhàn khoái-lạc mà vui say mùi Đạo tháng ngày. Bởi đó đời Thượng-cổ mới có danh là Thượng-Đức, mà Thượng-nguơn ấy cũng kêu là nguơn Thánh-Đức nữa.

"Kể đó bước qua Trung-nguơn thì nhân tâm bất nhất, tập quán theo thói đời, thâm nhiễm những nét xấu mới làm cho xa mất điểm thiện-lương bèn cậy sức mình mà hiếp bức lấy nhau, chém giết lẫn nhau, không còn kể đồng-loại, đồng-chủng đã lợt tình đồng-nghĩa, đồng-bào. Bởi đó đời Trung-cổ mới có danh là đời Thượng-Lực mà Trung-nguơn ấy cũng kêu là nguơn "Tranh Đấu" nữa.

"Tiếp đến Hạ-nguơn, sự tranh-đấu càng ngày càng ráo riết, dữ tợn, góm ghê thì nhân-loại lại chê sức mạnh mà dùng não cân, nên mới bày ra chức quý mưu tà, kế sâu bẫy độc thiệt là khốc-liệt phi-thường. Song đó là cũng lẽ tự-nhiên, càng tranh-đấu mới càng tấn-hóa. Ngặt càng tranh-đấu lắm lại càng ác-liệt lắm nên tranh-đấu phải đến ngay thời-kỳ tiêu-diệt. Bởi đó đời hiện tại là đời Mạt-Kiếp, còn Hạ-

ngươn này là ngươn ‘Điêu-Tàn’.

‘‘Nhưng hễ hết loạn là tới trị, vong tất phục-hưng, nên ngươn tiêu-diệt tức sẽ bước đến ngươn bảo-tồn là ngươn Đạo-Đức phục-hưng, để sắp lại như đời Thượng-cổ, thế nên gọi là ngươn ‘Tái Tạo’.

‘‘Vây nhân-loại bước qua thời-kỳ này là thời-kỳ qui nhứt-thống, đại luân-hồi của Thiên Địa đó’.

Cùng xiển-minh cái lý Tam-ngươn ấy ông Thiệu-Khang-Tiết trong quyển Hoàng-Cực Kinh-Thế cũng nhận rằng: ‘‘mỗi ngươn là 129.000 năm, có 12 hội, mỗi hội có 10.800 năm, có 30 vận; mỗi một vận có 360 năm, có 12 thế; mỗi một thế là 30 năm. Vây mỗi ngươn có cả thảy 12 hội, 360 vận, 4320 thế’’ (theo Trần Trọng Kim, Nho giáo, quyển hạ, trang 110, in lần thứ tư, do Tân-Việt xuất-bản.)

Với hai đoạn văn vừa dẫn chứng ta có được cái khái-niệm tổng-quát về lý Tam-ngươn.

Đời có ba ngươn: Thượng, Trung và Hạ cũng như năm có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông tuần-hoàn không bao giờ dứt. Hễ hết thời-kỳ Thượng-ngươn thì bước sang thời-kỳ Trung-ngươn, hết thời-kỳ Trung-ngươn thì đến thời-kỳ Hạ-ngươn. Nhưng khi Hạ-ngươn chấm dứt thì bắt đầu trở lại thời-kỳ Thượng-ngươn như trước, và cứ như thế xoay vần mãi mãi.

Như Đại-thừa Chơn-giáo đã cho biết thì cuộc đời tốt đẹp phát-khởi từ thời Thượng-ngươn cứ mỗi độ đi dần xuống là giảm hạ đi một bậc, cho đến cuối thời Hạ-ngươn thì cực kỳ xấu xa hung ác để chấm dứt một lịch-trình diễn-tiến. Rồi thì một lịch-trình diễn-tiến khác lại mở ra, cũng phát-khởi từ Thượng-ngươn để chấm dứt ở Hạ-ngươn.

Có thể ước lượng được thời-gian của một lịch-trình diễn-tiến Tam-ngươn là bao lâu chẳng? Về vấn-đề này Đại-thừa Chơn-giáo có viết:

‘‘Ngày nay đã dùng số nhất định của Tao Doan (?), đã tới ngươn cuối cùng của Thiên Địa, vì tính ra thì đã mười hai vạn chín ngàn sáu trăm (129.600), nên đã tới thời-kỳ tạo Thiên lập Địa một lần nữa.’’

Đoạn này cho ta thấy rằng: cứ mỗi cuộc tuần-hoàn của Tam-ngươn là một lần tạo Thiên lập Địa và thời hạn của một diễn-tiến là 129.600 năm.

Nếu mỗi lần tạo lập đời Thượng-ngươn là một lần tạo Thiên lập Địa và lịch-trình diễn-tiến của nó là 129.600 năm thì con số này không phù-hợp với số năm của một Đại-kiếp theo quan-niệm của nhà Phật.

Theo kinh-điển, một Đại-kiếp có 4 Trung-kiếp là: Thành, Trụ, Hoại, Không tức là lịch-trình diễn-tiến của một cuộc tạo-lập thế-giới. Thời-hạn của một Trung-kiếp là 320.000.000 năm; thế thì thời hạn của một Đại-kiếp gồm có 4 Trung-kiếp là 1.280.000.000 năm.

Con số 129.600 có lẽ là thời-gian của một lịch-trình diễn-tiến Tam-ngươn thì đúng hơn là thời-gian của một cuộc tuần-hoàn tạo Thiên lập Địa, vì rằng trong một cuộc đại tuần-hoàn tạo Thiên lập Địa

hay trong đại lịch-trình diễn-tiến của một Đại-Kiếp có rất nhiều tiểu lịch-trình diễn-tiến của Tam-nguơn; hay nói một cách dễ hiểu hơn, trong một cuộc đại tuần-hoàn có rất nhiều cuộc tiểu tuần-hoàn nối tiếp nhau.

Cũng đồng một thể-thức tế-phân ấy, một cuộc tuần-hoàn nhân-loại chia làm ba nguơn: Thượng, Trung, Hạ nữa.

Như thế thì lịch-trình của Tam-nguơn sẽ diễn ra với hình-thức:

Thượng-nguơn có: Thượng-Nguơn thượng

Thượng-Nguơn trung

Thượng-Nguơn hạ

Trung-nguơn có: Trung-Nguơn thượng

Trung-Nguơn trung

Trung-Nguơn hạ

Hạ-Nguơn có: Hạ-Nguơn thượng

Hạ-Nguơn trung

Hạ-Nguơn hạ

Sự phân ký của Tam-nguơn, xem đó, không khác sự phân chia thứ bậc của Cửu-phẩm Liên-hoa ở cõi Cực-lạc. Nhưng có điều nên để ý là thời-gian của Thượng-Nguơn, Trung-Nguơn và Hạ-Nguơn không đồng đều, ngang bằng nhau.

Cuộc diễn-tiến của Tam-nguơn là một cuộc diễn-tiến theo chiều giảm, nghĩa là từ trên đi xuống xa chừng nào thì thời-gian càng giảm ngắn chừng nấy. Hãy ngó một bộ chào 9 cái, chất chồng lên nhau, cái này nằm trong lòng cái kia, chúng ta sẽ ý-thức được sự sai biệt, dài ngắn, lớn nhỏ, giữa chín thời-kỳ trong Tam-nguơn.

Chẳng những thời Thượng-Nguơn dài hơn thời Trung-Nguơn và thời Trung-Nguơn dài hơn thời Hạ-Nguơn, cho đến thời-kỳ Thượng-Nguơn-hạ là thời-kỳ ngắn nhất của Thượng-Nguơn cũng còn dài lớn hơn cả Trung-Nguơn, hay thời-kỳ Trung-Nguơn-hạ thời-kỳ ngắn nhất của Trung-Nguơn cũng còn dài lớn hơn cả thời Hạ-Nguơn thì dễ thấy sự cách-biệt giữa Thượng-Nguơn đối với Trung-Nguơn hay giữa Trung-Nguơn đối với Hạ-Nguơn xa nhau là bực nào.

Sự cách-biệt giữa các thời-kỳ của Tam-nguơn sẽ cho ta một ý niệm về các mắt của cây cau hay cây dừa, hễ càng gần đến thời già cỗi thì mắt của nó càng nhạt.

Thế cho nên lịch-trình diễn-tiến của Tam-nguơn khó mà ước-lượng được thời-hạn của một nguơn và các phân-kỳ của nó.

\*\*

## **THIÊN HAI** **ĐỜI THƯỢNG-NGUƠN**

Thượng-nguơn là khởi đầu của cuộc tuần-hoàn Tam-nguơn, cũng như mùa Xuân là khởi đầu của cuộc tuần-hoàn tứ quý.

Cũng như mùa Xuân là mùa cỏ cây phục-sinh, vạn vật đổi mới, Thượng-nguơn là nguơn tái-tạo, nhưng có điều khác biệt là cuộc tuần-hoàn của tứ quý diễn-tiến một cách êm đềm, còn cuộc tuần-hoàn của Tam-nguơn thì diễn-tiến một cách đột biến. Cứ mỗi độ từ thời-kỳ này bước sang thời-kỳ khác, thứ nhất là khi chấm dứt thời-kỳ Hạ-nguơn để bước sang thời-kỳ Thượng-nguơn của một cuộc tuần-hoàn mới thường có những tai-biến xảy ra làm sụp đổ hay phá hoại thế-giới cũ.

Theo ông Frenzold Schmidt thì trong 70.000 năm trở lại đây đã có bốn đại tai đã xảy ra: lần cơ-cẩn xảy ra khắp mặt địa-cầu 70.000 năm trước Tây-lịch, lần sụp đổ Tháp Babel, 50.000 năm; lần thiên-hỏa 35.000 năm; lần Đại hồng-thủy 20.000 năm trước kỷ-nguyên.

Chỉ trong vòng 700 thế-kỷ mà có đến bốn lần đại tai thì từ Kiếp Sơ cho đến nay, hằng trăm triệu năm, quả địa-cầu hẳn đã trải qua chẳng biết bao nhiêu lần tai biến và đổi mới vạn vật.

Chính vì có sự đổi mới ấy mà đời Thượng-nguơn được gọi là nguơn tái-tạo hay nguơn khai Thiên lập Địa.

Nếu kể Thượng-nguơn là bắt đầu từ khởi thủy, nghĩa là từ ngày tạo-lập thế-giới thì *Kinh Trường A-hàm* có cho ta biết đại-khái như vậy:

Khi thế-giới sắp bước đến thời-kỳ Kiếp Hoại thì có xảy ra Đại tam-tai. Trước hết là hỏa-tai nổi lên đốt cháy cõi trời Sơ-thiên. Cứ bảy lần hỏa-tai thì có một lần thủy-tai làm ngập hư đến cõi Trời Nhị-thiên. Lại kể có bảy lần thủy-tai thì có một lần phong-tai nổi lên làm hư đến cõi trời Tam-thiên.

Kể ra có năm mươi sáu lần Đại hoả-tai làm hại cõi trời Sơ-thiên, bảy lần Đại thủy-tai phá sụp cõi trời Nhị-thiên và một lần Đại phong-tai làm hư nát đến cõi trời Tam-thiên.

Các Đại tai ấy xảy ra suốt 20 tiểu kiếp của Kiếp Hoại. Sau khi thế-giới bị phá vỡ, giữa hư-không chỉ còn một cõi mờ mờ mịt mịt đầy những vi-trần mà khoa-học gọi là tinh-vân (Nébuleuse), còn Nho-giáo thì gọi là Càn-khôn hỗn-độn. Đó là thời-kỳ của Kiếp Không. Thời-kỳ này kéo dài trong 20 tiểu kiếp.

Sau Kiếp Không là đến Kiếp Thành. Ở giữa cõi trống không kia, có trận Phong-luân nổi lên thổi các vi-trần ấy gom lại, nhào trộn lẫn nhau làm thành một khối. Hiệp với Thủy-luân, trận gió ấy thổi thành một quầng Ma-ni Hỏa-luân, hun-đúc rèn luyện khối vi-trần ấy ngày thêm cứng rắn, cho đến khi thành một Địa-luân thì lửa Ma-ni kia mới diệt.

Gió thổi, nước xao, trộn lộn như thế trong suốt 20 tiểu kiếp, mới đến kiếp Trụ. Chính trong thời-kỳ này, Nho giáo chủ-trương: Thái-cực sanh Lưỡng-nghi, Lưỡng-nghi sanh Tứ-tượng...

Bây giờ thế-giới đã thành nhưng chưa có loài người, vì Tam tai của Kiếp Hoại đã tiêu-diệt hết từ cõi Trung-giới (Nhị-thiên) xuống cho đến tận cõi Địa-ngục.



Khi mới thành-lập, mặt đất sanh ra một chất địa-vị, mùi rất ngon ngọt, phóng ra ánh sáng chiếu lên thấu tận Trung-giới. Những thiên-nhơn ở các cõi trời Sắc-giới, khi hưởng tận phước-báo phải lìa bỏ cõi Phạm-thiên, thấy ánh-sáng của trái đất thì cùng nhau kéo xuống xem cho biết. Gặp chất địa-vị, họ nếm thử thấy thơm ngon thì mê thích. Từ đó thân-thể của họ, vì ăn nhiều địa-vị, nên trở nên nặng nề. Do đó họ mất cả thần-túc thông, không còn trở lại cõi trời được nữa.

Nguồn gốc của loài người là bắt đầu từ đó.

### **HOÀN CẢNH**

Như đã biết, Thượng-nguơn là nguơn tái-tạo, nghĩa là nguơn tạo lập hay đổi mới vạn vật, sau một cơn sụp đổ hay phá hoại thế-giới. Bao nhiêu trước khí, uế-vật đều bị các thiên-tai tẩy sạch, bây giờ quả địa-cầu đã hoàn-toàn trở nên tinh-khiết, cũng như lu nước sau khi súc sạch được đổ vào một lớp nước trong.

Trên mặt đất, thứ gì cũng đổi mới cả, từ đất nước cho đến khí trời, mỗi mỗi đều trong sạch, tinh-vi chưa có một chất bợn-nhờ ô-uế nào.

Bao bọc bởi một lớp khí tiên-thiên, một hoàn-cảnh thanh-tân như thế, vật gì sanh ra cũng đều nhẹ-nhàng xinh đẹp. Khí hậu mát-mẻ, không nóng không lạnh, hàm-dưỡng một sinh-lực dồi-dào thích-hợp cho sự phát-triển của vạn vật và năng-khiếu của con người.

Như hồi mới tạo lập, mặt đất sinh ra chất địa-vị rất ngon thơm. Con người lấy đó mà ăn khỏi cần làm lụng. Chất địa-vị dần dần giảm thiểu thì mặt đất sanh ra chất địa-phu cũng thơm ngon như chất địa-vị. Khi chất địa-phu hết thì mặt đất lại sanh ra chất địa-bì. Đến khi địa-bì hết, đất lại sản-xuất một thứ nho, trái sanh đôi, vị ngon ngọt lạ thường. Và khi nho trở nên ít thì sanh ra gạo nếp, mùi vị chẳng những thơm ngon mà ăn vào lại mau tiêu-hóa.

Thứ gạo nếp này tự-nhiên sanh ra, cứ chiều hái lấy ăn, khỏi cần xây giã, vo nấu thì sớm mai hôm sau nó lại sanh ra trái khác.

Và theo ông Ba Thối, trong Kim Cổ Kỳ Quan thì:

Hột lúa trời đỏ ruột điểm khuyen,

Trái dứa nhắm sức của tiên cho mình.

Nhưng hột lúa bằng trái dứa ấy dần dần biến hình cho đến thời Trung-nguơn thì trở nên nhỏ bé, phải thất công cày cấy, xây giã, vo nấu mới ăn được.

Trong suốt thời-kỳ Thượng-nguơn, ngoài những vật thực tự-nhiên sanh ra như: địa-vị, địa-phu, địa-bì, nho, gạo nếp để nuôi sống con người thì mặt đất không còn sanh ra vật chi khác nữa. Các loài vật hay thảo-mộc chưa cần-thiết cho đời sống loài người nên chưa vội sinh ra. Những gò nổng, hầm hố hay mọi vật trở ngại khác, chắc cũng chưa có trên mặt đất.

### **CON NGƯỜI**

Sống trong hoàn-cảnh cực-kỳ tinh-khiết, tự-nhiên thân-thể con

người Thượng-nguơn rất mực khinh-thanh, khô-ngô tuần-tú, cao lớn dị-thường.

Vốn từ cõi Phạm-thiên chuyển đến, con người lúc bấy giờ chưa có tình-dục, đều do hóa-sanh mà ra đời, cho nên thân hình thanh-khiết, có ánh-sáng chói ngời. Nhưng từ ngày ăn phải chất địa-vị thì thân-thể mới nặng-nề. Đến khi ăn địa-phu và địa-bì, trong mình nảy nở ra máu thịt thì hình-thức thô-trược hiện ra, rồi mất dần ánh-sáng.

Bây giờ, mặt Trời, mặt Trăng xuất-hiện để phân ra ngày đêm. Ảnh hưởng của Nhật Nguyệt làm nảy sanh ra giống nho và gạo nếp. Từ ngày con người ăn ăn thứ gạo nếp thì xác thịt dần dần sanh ra bộ tiêu-hóa để chứa đựng cặn-bã. Và để tổng những cặn-bã ấy ra, các đường tiểu-tiên và đại-tiên phát-sinh. Đồng thời nam-căn và nữ-căn xuất hiện để phân biệt trai gái. Đến đây con người đã lộ rõ hình hài nên sanh lòng dâm-dục. Và từ đó, con người không còn hóa-sanh mà ra đời bằng thai-sanh.

Mặc dầu thay hình đổi dạng không còn nhẹ nhàng như trước, nhưng con người Thượng-nguơn vẫn còn giữ được bản-tính huyền-linh của người Trung-giới.

Trong con người của họ chứa đựng đủ sự nhiệm-mầu của vũ-trụ, vì họ còn sống hòa-hợp với lý siêu-nhiên. Họ biết được quá-khứ, vị-lai, thông-cảm với các đấng siêu-hình. Mặc dầu mất thần-túc-thông không còn trở lại cõi Phạm-thiên, họ còn có thể đặng vân, hô phong hoán vũ, dùng thần-lực sai khiến sự vật theo ý muốn.

Nguyên cái tính thanh-tĩnh của người Phạm-thiên còn di lại trong tâm-thức, con người Thượng-nguơn sống thuần về tưởng và thông-cảm nhau bằng tư-tưởng hơn lời nói. Lúc bấy giờ văn-tự chưa xuất-hiện vì văn-tự đối với họ không cần-thiết. Ký-ức của họ rất linh-mẫn, chẳng những có thể hồi-cổ mọi việc mà còn giúp họ giao-tình khoái-cảm nhau. Như trong kinh điển cho biết con người ở cõi trời Hoá-lạc hành dâm bằng cách liếc nhau. Chỉ lấy mắt đưa tình là đủ khoái-cảm cũng bằng con người ở cõi phàm hành-lạc.

Từ thời Thượng-nguơn-thượng, con người hành-dâm bằng cách ấy cho đến thời Thượng-nguơn-hạ khi các tướng nam-căn, nữ-căn lộ ra mới hành-lạc như kẻ phàm-tục.

Về con người huyền-linh, ông Creuser có viết: "Những đứa con của cõi Trời và cõi Đất ấy, ngay khi mới sanh, do những quyền-năng tối-thượng và do bản-tính của mình, có những năng-khiếu kỳ-quái về tinh-thần cũng như về thể-xác. Họ điều-khiển ngũ hành, biết các bí-quyết của Trời Đất, của Biển-cả và Thế-gian, đọc được vị-lai trong các vì tinh-tú...Khi nói đến những gì quan-hệ đến họ, không nên hiểu họ như những con người cùng một loại với chúng ta mà là những thần-trí từ trong tự-nhiên sanh ra, có quyền-lực về tự-nhiên...Những con người ấy đều chứa đựng nơi họ, bản-tánh của pháp-luật và phù-thuỷ". (Dẫn theo Blavatsky: La Doctrine Secrète, Tome III, trang 357)

Sanh trong hoàn-cảnh tinh-khiết, với lại sẵn có cái tâm thanh-tĩnh, người đời Thượng-nguơn sống một đời rất an-nhiên tự-tại. Thọ mạng của họ dài lâu không thua gì người ở các cõi trời. Như người ở Kiếp-Sơ sống đến 84.000 tuổi, cũng đồng tuổi thọ của người ở cõi Thượng-giới. Chính nhờ hai yếu tố: hoàn-cảnh và tâm-thức mà người Thượng-nguơn sống lâu như thế.

Trước hết hấp thụ lấy khí tiên thiên, thân-thể của họ rất tráng-khiên, không có tật bệnh hay ốm đau. Đó là yếu tố hoàn-cảnh. Nhưng ngoài yếu-tố hoàn-cảnh còn có yếu-tố tâm-thức, có thể xem là yếu-tố quan-trọng nhất về quan-niệm thời-gian.

Thời-gian sở dĩ có là do tâm-thức. Nó chỉ là một ảo-ảnh phát-hiện ra do sự nhận-thức của tâm-trạng con người. Nếu không có sự nhận-thức thì không có thời-gian, vì trong trường-hợp này, thời-gian chỉ là một sự im-lìm, một sự ngưng nghỉ hoàn-toàn giữa không-gian. Chỉ vì ý-thức con người có phân biệt mà thành ra có quá-khứ, hiện-tại và vị-lai. Thời gian diễn ra mau hay chậm đều do ở cảm-giác của tâm-thức.

Cũng đồng một khoảng thì-giờ mà đối với kẻ ngồi chờ sẽ thấy lâu-lắc hơn đối với người bận việc. Cứ xem đó đủ thấy thời-gian chẳng qua là một sự nhận-định của tâm-thức.

Tâm-thức của người Thượng-nguơn vốn thanh-tĩnh, là do kết-quả công-phu thiên-định từ bao nhiêu kiếp trước. Với cái tâm thiên-định thì mọi vật bên ngoài đều ngưng đọng. Cái quan-niệm về thời-gian cũng tùy theo đó mà thay đổi. Con người Thượng-nguơn sống lâu, chính vì họ dùng cái tâm thiên-định ấy để cảm-giác về thời-gian vậy.

Có đọc chuyện Từ-Thức đi lạc vào động Tiên mới thấy quan-niệm sai-biệt về thời-gian giữa cõi Tiên với cõi tục. Chỉ lạc vào cõi Tiên có một ngày một đêm mà khi trở về cõi tục, Từ-Thức đã thấy mình sống xa nhân-gian trên một thế-kỷ.

Trong Kinh Phật cũng cho thấy sự sai biệt thời-gian và tuổi thọ giữa Hạ-giới với các cõi ở Thượng-giới.

Như ở cõi Trời Tứ-Thiên-vương, tuổi thọ trung-bình là 500 tuổi, lấy dưới nhân-gian 50 năm làm một ngày một đêm.

Ở cõi Trời Đao-lợi, tuổi thọ trung-bình là 1.000 tuổi, lấy 100 năm ở dưới nhân-gian làm một ngày và một đêm. Và càng lên các cõi trên chừng nào thì tuổi thọ càng tăng thêm chừng nấy và tỷ-lệ tính một ngày một đêm ở cõi trời đối với thời-gian ở cõi trần cũng tăng lên gấp bội.

Từ trên một vạn tuổi ở thời Thượng-nguơn-thượng, con người càng tiến xuống chừng nào thì càng giảm kỷ chừng nấy. Cho đến cuối thời Thượng-nguơn-hạ thì tuổi trung-bình của con người chỉ còn độ một ngàn mà thôi.

Sở dĩ con người càng ngày càng giảm thọ là vì hoàn-cảnh thuần-khiết ở buổi sơ khai, càng ngày càng trở nên ô trược, cũng như vì tâm-

thức thanh-tĩnh của con người Thượng-nguơn-thượng dần dần trước-nhiễm vật-dục mà càng ngày càng trở nên điên-đảo.

Đồng chịu ảnh-hưởng của sự giảm thọ, thân-thể mạnh khoẻ to lớn của con người Thượng-nguơn càng tiến xuống Trung-nguơn thì càng thấp nhỏ lại.

Ta cứ quan-sát bất cứ loài cây nào sẽ thấy, khi mới lớn lên, trái nó bao giờ cũng lớn, nhưng theo thời-gian dần dần nhỏ đi cho đến ngày già cỗi.

## **THIÊN BA** **ĐỜI TRUNG-NGUƠN**

Thời-kỳ Trung-nguơn là thời-kỳ mà giống người huyền-linh của thời Thượng-nguơn với hình-thể khinh-thanh (hommes éthers) đã lộ rõ hình-tướng của con người xác-thịt (hommes physiques). Sở dĩ có sự biến-đổi hình-hài ấy là vì trải qua thời-kỳ trường xuân dài dằng-dặc của buổi Thượng-nguơn, con người càng đi xa dần xuống chừng nào thì càng ô-nhiễm lấy cuộc đời vật-chất mà mất dần cái thể-chất nhẹ-nhàng của con người ở cõi Sắc-giới. Cái khí tiên-thiên thanh-khiết ở buổi đầu cũng theo thời gian mà càng ngày càng nhiễm trước. Do sự thay đổi khí-hậu và hình-thể ấy, con người lần lần giảm thọ, từ trên một muôn tuổi ở đầu Thượng-nguơn-thượng xuống còn trên một ngàn tuổi ở cuối Thượng-nguơn-hạ.

Về điều này, ông Ba Thối có viết:

Lập Thượng-nguơn tuổi có một muôn,  
Trung-nguơn dĩ hạ phép khuôn trên ngàn.

Mặc dầu thân-thể đã trở nên nặng nề nhưng ở đầu buổi Trung-nguơn-thượng con người còn giữ được một phần nào bản-tánh huyền-linh, nghĩa là có những phép huyền-thông như: đặng-vân, nghe thấy được xa, thông cảm nhau bằng những luồng tư tưởng không cần đến văn-tự, biết được việc quá-khứ, vị-lai, dùng thần-lực sai khiến mọi vật chung quanh mình theo ý muốn.

Về phương-diện tâm-linh thì con người Trung nguơn-thượng chưa cách xa con người Thượng-nguơn cho lắm, nhưng về phương-diện đời sống vật-chất và khí hậu thì có nhiều thay đổi.

Cây lúa có những hạt bằng trái dưa thích-hợp với thổ-nghi của đời Thượng-nguơn, qua đến đời Trung-nguơn thì không còn nữa. Với khí-hậu nhiễm-trước một phần nào của Trung-nguơn, hạt lúa nhỏ bé lại, mặc dầu còn tự-nhiên sanh, khỏi cần cày cấy, nhưng muốn có mà ăn phải nhọc công gặt hái, xây giã và vo nấu.

Ông Ba Thối có viết:

Trước võ vàng ruột trắng phân ly,  
Trung-nguơn khiến biến người khi tiêu điều.

Cứ theo ông Ba Thối, sở dĩ hạt lúa biến hình là vì con người

Trung-nguơn tỏ ý khinh-khi hay thờ-ơ đối với nó. Về điều này, trong Kinh Trường A-hàm có giải-thích đại-khái rằng: 'Từ ngày con người lộ rõ hình hài nam-căn nữ-căn phân-biệt thì sanh lòng dâm-dục. Rồi vì quá tham đắm dục-tình nên thường lười biếng, thay vì mỗi ngày ra hái lúa thì nay hái một lần cho thật nhiều để ăn được nhiều ngày khỏi đi hái. Thành thử lúa ấy dần dần tim lụn, sanh ra nhỏ hột.

Và cũng từ ngày con người sanh lòng dâm-dục, nhân-loại bắt đầu nảy nở bằng thai-sanh, chứ không hoá-sanh như trước.

Điều mà chúng ta không thể tưởng tượng được là con người sanh ra lúc bấy giờ có một thân hình quá to lớn, có thể nói là khổng-lồ đối với chúng ta.

Bà Blavatsky nhận rằng: 'Bộ xương người ở thời-kỳ đó đem so sánh với thân hình người thời nay, khác nhau cũng như bộ xương của con Mégalosaure (loại kỳ-nhông dài độ 40 thước) sánh với con rắn mỗi '.

Đó là giống người mà các nhà khảo-cổ gọi là kinh-nhân (géants). Nhưng trải qua thời-gian và các cuộc biến-thiên, hình-vóc to lớn ấy lần nhỏ thấp. Như trong sách Mạnh-tử cho biết vua Thành-Thang bề cao 9 thước, vua Văn-Vương 10 thước (độ 3 thước tây) là những nhân vật sống cách ta độ 4 ngàn năm thì đủ hiểu thân hình con người thái-cổ còn to lớn là bực nào nữa.

Giống kinh-nhân quả có thật trên lịch sử loài người, vì gần đây có nhiều nhà bác-học đã chứng-minh điều đó.

Ông F. Biol, nhân-viên của viện nghiên-cứu Pháp cho biết rằng nơi cánh đồng Chatampéramba tục gọi Tử-trường hay Tử-địa, người ta tìm thấy bộ xương người cực kỳ to lớn mà những nhà tự-nhiên-học gọi là giống kinh-nhân.

Linh-mục Prègues, trong quyển Hòa-diệm-sơn nhận rằng: Ở vùng núi lửa trên đảo Théra, người ta tìm thấy những sọ của giống kinh-nhân chôn vùi dưới những vồ đá to, cần phải người có sức phi-thường mới xê-dịch nổi. Tác giả cho biết đó là giống người mà Thánh-kinh gọi là Giborim (kinh-nhân), Réphaim (người ma) hay Néphilim (người thối-hóa).

Bà Blavatsky, trong quyển *Nội-Giáo Bí-Truyền* cũng cho biết rằng: nên để ý những bộ xương khổng-lồ cao từ 20 đến 30 bộ Anh (độ 6 đến 9 thước Tây) tìm thấy ở hòn đảo Pâques (phần đất của một thế giới đã chìm) và ở miền giáp ranh sa-mạc Gobi, vùng mà trước kia đã bị chôn vùi hăng bao thế-kỷ. Những bộ xương mà ông Cook tìm thấy ở đảo Pâques cao đến 27 bộ Anh (độ 8 thước Tây) và bề ngang chả vai độ 8 bộ Anh (độ 2 thước 4 Tây).

Đồng thời với giống kinh-nhân, xã-hội thái-cổ còn thấy xuất hiện những quái-vật (monsters) mà người thời nay gọi là những loài vật thần-thoại. Thật ra, loài vật này quả có thật trên lịch sử nhân-loại chứ chẳng phải là sản-phẩm tưởng-tượng. Với hoàn-cảnh và khí-hậu thích-

hợp cho sự sinh nở giống kinh-nhân thì đương-nhiên có sản-sinh giống quái vật.

Ông Charles Gould trong quyển *Loài Quái Vật Thần-Thoại* (Mythical monsters) có cho biết rằng:

‘‘Một số lớn loài vật gọi là thần-thoại đã làm đầu-đề hằng bao thế-kỷ cho những ngụ-ngôn hay chuyện hoang-đường, vẫn chính-thức được liệt vào khoa tự-nhiên-học thực-nghiệm và có thể nhận không phải là sản-phẩm của bịa đặt lố-lãng mà trái lại được xem như giống vật có thật từ xưa, nhưng hiểm vì trải qua bức màn sa-mù dày bịt của quá-khứ, nó không được mô-tả một cách đầy đủ và xác thật..

‘‘Đối với tôi, phần nhiều những giống vật ấy không phải là những điều bịa-đặt mà nên xem là đối-tượng của một cuộc nghiên-cứu hợp-lý. Con rồng thay vì là một con vật tưởng tượng của giống dân cổ Ấn-độ như các nhà nghiên-cứu thần-thoại đã nghĩ, vẫn là con vật có thật thuở xưa kia, từng doanh lộn trên không trung và có thể biết bay nữa.

‘‘Đến con lân, đối với tôi, vẫn có thật...và rất dễ mà nhận rằng tất cả những chuyện kỳ-bí về con người huyền-linh hay bán huyền-linh, những kinh-nhân, rồng, quái-vật đều là những vật nên xem như những loại biến thể hơn là những loại hoàn-toàn bịa đặt ‘‘.

Thật ra loài rồng, kỳ lân, phụng...không còn lạ gì đối với Nho-giáo. Trong các sách cổ đều có nói đến, hiểm vì ngày nay hoàn-cảnh và khí-hậu không thích-hợp cho sự xuất-hiện của nó, cho nên ta không thấy, chớ chẳng phải là không có thật.

Chẳng riêng gì ở Đông-phương, cả Tây-phương cũng nhìn nhận có rồng và đã từng mục-kích nữa.

Thi-sĩ Pétrarque của Ý, trong một tập thơ có kể lại trong một hôm ông cùng nàng Laure vào rừng có gặp một con rồng trong động đá và ông đã giết chết.

Cha Kircher có thuật lại rằng năm 1669, ông có thấy một con rồng bị nông-dân La-mã giết. Sau đó ông Christophe Scherer, thị-trưởng quận Seleure xứ Thụy-sĩ, trong một bức thư gửi cho cha Kircher, cũng nhận rằng: chính ông đã tận mắt thấy một con rồng lượn trên không trung trong một đêm hè năm 1619.

Như thế đủ chứng minh những loài quái-vật mà ngày nay các nhà khoa-học cho là thần-thoại quả có thật ở thời-kỳ mà loài người xuất-hiện với hình thể một giống kinh-nhân.

Nhưng cái thế-giới thần-tiên ấy đã chìm đắm trong màn đen của thời-gian sau những cuộc biến thiên xảy ra vì nạn động đất và Đại hồng-thủy. Ngày nay còn dấu vết chẳng chỉ lưu lại những danh-từ Lemurie, Atlantide mà riêng có hạng người sáng tỏ mới hồi-cổ được bằng trực-giác hay huệ.

Cứ theo các nhà khảo-cổ thì trận Đại Hồng-thủy nhận chìm thời-đại hoàng-kim ấy có thể xảy ra trong khoảng từ 10 ngàn đến 20 ngàn năm trước Tây-lịch.

Về trận Đại hồng-thủy này, trong nhiều sử sách thấy có nói đến. Như dân Chaldée đã ghi nhận thì mực nước lần ngập lụt ấy lên đến chót núi Nizir ở xứ họ. Còn dân Do-thái thì cho rằng trận Đại hồng-thủy ấy đã biến đổi biển Gobi thành bãi sa-mạc và đánh bật những thuyền tỵ-nạn trôi tấp vào các hòn núi ở trung-tâm Á-châu là nơi, theo nhiều nhà khảo-cổ đã nhận, phát-tích nguồn-cội của nhân-loại ngày nay.

Nhưng theo quan-niệm Bà-la-môn thì họ nhận rằng không một ai còn sống sót sau trận đại-tai ấy, chỉ trừ có một mình Manou.

Dẫu với quan-niệm nào, các tôn-giáo cũng đều nhận quả có nạn Đại hồng-thủy đã xảy ra, nhưng phải chăng vì thế giới cũ không còn để lại dấu vết mà Bàn-Cổ, theo quan-niệm Nho-giáo, được xem là người phân-định Trời Đất, mở đầu cho Tam-Hoàng Ngũ-Đế; và Noé, theo Thánh-kinh được xem như thi-tổ của loài người?

Thật ra đó chỉ là một trận Đại hồng-thủy cũng như bao thiên-tai thủy-họa khác xảy ra trên lịch-trình diễn-tiến của loài người để đổi mới vạn vật, chứ không phải là một cuộc khai Thiên lập Địa như nhiều tôn-giáo đã nhận.

Theo bà Blavatsky thì giống dân mới này chẳng qua là hậu-duệ của giống dân Atlantide (Ăc-lăng-tíc). Chính giống dân mới này đã lập thành xã-hội thượng-cổ, còn ít nhiều dấu vết lưu lại ngày nay. Mặc dầu khi mới sinh ra, không phải ai ai cũng là hạng địa-tiên như trước, nhưng con người lúc bấy giờ, vẫn còn bám thụ bản-tánh thuần-phác thiện-lương, sống hòa-hợp với thiên-nhiên vũ-trụ, nên xuất-hiện nhiều bậc hiền-nhơn thánh-triết, lập thành một xã-hội cực-kỳ tốt đẹp, người người đều an-cư lạc-nghiệp, chung hưởng thái-bình, cho đến cửa rơi không người lượm, đêm ngủ nhà không đóng cửa cũng chẳng hề có trộm cắp. Có thể nói trên lịch-sử nhân-loại, chưa có thời-kỳ nào xuất-hiện nhiều công-trình phát-minh và sáng-tạo bằng thời-kỳ này, dẫu cho những nhà khoa-học ở thời nay tự hào văn-minh tiến-bộ cũng khó lường nổi.

Những công-trình sáng-tác ấy đại loại như:

### **Huyền-thông.-**

Vốn sống hòa-hiệp với lý siêu-nhiên, một số người thánh-triết ở thời thượng-cổ thấu được máy huyền-vi của vũ-trụ, biết lẽ quá-khứ vị-lai, có quyền-năng sai khiến sự vật như ý muốn mà người thời nay gọi là thôi-miên hay tự-kỷ ám-thị. Thật ra, con người một khi dứt sạch mọi điều dục-vọng, yên định thân tâm như Phật đã dạy, hay biết nuôi tánh dưỡng mạng đúng theo lẽ qui-nguyên như Đạo Lão đã nói thì đạt được những huyền-lực mà danh-từ Phật học gọi là thần-thông, còn phái tu tiên gọi là phép nhiệm. Trong mỗi con người, ai cũng sẵn có huyền-lực, nhưng hiếm vì quá trưởng-dưỡng dục-vọng, thành-thử nó không hiện bày ra được. Người thời nay bởi quá đắm say vật-dục, mất cả

bản-năng huyền-linh, không hiểu nổi lẽ siêu-mầu của tạo-hóa nên mới cho đó là ma-thuật.

Những việc như nõ-thần, Phù-đồng Thiên-vương cỡi ngựa sắt trên lịch-sử cổ Việt Nam, cũng như những việc kỳ-bí khác mà chúng ta thấy trong các truyện cổ Ai-cập, Ấn-độ, Trung-hoa...không phải là việc quái-lạ hay bịa đặt, nếu chúng ta hiểu được nền văn-minh của xã-hội thượng-cổ. Ngày nay lấy tinh-thần khoa-học dựa trên những tiến-bộ vật-chất để phê-bình nền văn-minh tinh-thần của cổ thời, thật là một việc làm hết sức nông nổi, nếu không nói là ngây-ngô, vì đã lấy sự hiểu biết nhỏ hẹp của con người ở thời-kỳ hạ-đẳng để phê-bình xã-hội thời thượng-đẳng.

Chỉ cần rõ lịch trình diễn-tiến của Tam-nguơn mới có cái nhìn tổng-quát và như thế mới không lầm lạc như người mù sờ voi.

Bà Balvatsky rất mỉa mai khi nói: *“Với quan-điểm mà hiện nay chúng ta đang đứng, những giác-quan bình-thường của chúng ta đã trở thành bất-thường ở thời-kỳ thoái-hóa và rơi lặn xuống vật-chất. Có một thuở, có những điều mà chúng ta ngày nay cho là khác thường, những điều đã đánh lạc hướng các nhà vật-lý-học như thần-giao cảm-cách, sự sáng tỏ v.v... nói tóm lại những điều mà ngày nay chúng ta gọi là “kỳ-bí và dị-thường”, thì hồi thời xưa chỉ là những việc thuộc về khả-năng và giác-quan thông thường của toàn thể nhân-loại. Và chẳng, giai-đoạn mà chúng ta đang trải qua là giai-đoạn đang làm cho ta vừa hạ thấp vừa tiến tới, nói thế có nghĩa là sau khi mất bản-tánh huyền-linh thì chúng ta phát-triển về phương-diện vật-chất.”*

### **Văn-tự.-**

Ngoài huyền-thông, văn-tự cũng là một công-trình sáng-tạo của người thượng-cổ. Không còn cảm-thông nhau bằng tư-tưởng như hạng người huyền-linh thuở trước, các bậc thánh-hiền lúc bấy giờ, để ghi chép những điều sáng tỏ hồi-ức được của người xưa, bèn sáng chế ra văn-tự.

Có nhiều thuyết cho rằng văn-tự xuất-hiện độ 1.500 năm trước Tây-lịch, nhưng theo các nhà khảo-cổ thì độ năm ngàn năm trước kỷ-nguyên đã có văn-tự rồi. Như trong bài tựa sách Thượng Thư có câu: *“Cổ giả Phục-Hy thị chi vương thiên-hạ dã, thi họa bát-quái, tạo thư khế dĩ đại kết thặng chỉ chánh. Do thị văn tích sanh yêu.”* (Thời xưa, họ Phục-Hy làm vua thiên-hạ là người trước nhất vạch ra bát-quái, ghi chép văn-thơ để thay thế chánh-sách thắt- gút. Do đó, văn-tự sách vở ra đời vậy).

Phục-Hy ra đời vào khoảng 4477-4363 trước Tây-lịch. Như thế, văn-tự đã xuất-hiện trên nền văn-minh Trung-hoa độ năm ngàn năm trước kỷ-nguyên.

Với sự phát-minh văn-tự, những lời thánh-triết được ghi chép thành kinh-điển mà con người khoa-học ngày nay, “đầu ai thông-minh



đến bậc nào cũng không hiểu nổi '. Chẳng hạn như Kinh Dịch của Trung-hoa, kinh Phê-đà của Ấn-độ, kinh Enoch, kinh Job của các dân-tộc ở Trung-Đông...vẫn là kinh-điển kỳ-bí đối với người thời nay.

Xem đó đủ thấy trình-độ tiến-hóa tư-tưởng của người thời xưa thật là phát-triển cao độ, không như nhiều người hoa mắt trước những phát-minh vật-chất, dựa vào các giống dân hạ-đẳng còn sót lại ở Phi-châu để đoán định sai lầm rằng tư-tưởng-hệ của người thượng-cổ còn ở trình-độ ấu-trì.

Thật là một sự ngộ-nhận rất lớn. Đối với những bậc sáng tỏ thấu hiểu môn bí-truyền của thánh-nhân thì ai cũng nhận thấy xã-hội loài người về mặt tinh-thần, hiện nay đang xuống dốc. Bằng chứng là những công-trình sáng-tạo trước đây một trăm thế-kỷ, ngày nay dù khoa-học tiến-bộ, cũng chưa tìm thấy phát-minh nào khả dĩ so sánh hơn được, nhất là về phương-diện thiên-văn.

### **Thiên-văn.-**

Có thể nói các dân Chaldée, Ấn-độ, Trung-hoa là những dân-tộc đứng đầu về thiên-văn-học, đã khám-phá ra luật tuần-hoàn của vũ-trụ, luật vận-hành của tinh-tú, tính toán mùa, tiết, tháng, ngày, nhật-thực, nguyệt-thực, nhất nhất không hề sai chạy. Như Thập-nhị thiên-cung (Zodiaque) đã được khám-phá từ thời thượng-cổ, có lẽ vào khoảng 6.500 năm trước Thiên-chúa giáng-sinh, như Newton đã nói.

Ở vào thời-đại chưa có khí-cụ tinh-xảo về thiên-văn như ngày nay mà đo-lường được cuộc vận-hành của tinh-tú và ước định được mùa tiết, thật là một việc đáng gọi phi-thường. Nhưng đó cũng chưa phải phi-thường, đáng thán-phục bằng việc các nhà thiên-văn-học cổ-thời đã đạt được huyền-cơ của tạo-hóa mà thiên-văn-học ngày nay đành khuất-phục.

Cứ theo Sénèque thì Bérose đã học được phép tiên-đoán các biến-cổ về thiên-tai thủy-hoạ xảy ra bằng cách toán Thập-nhị thiên-cung.

Lỗi toán quẻ Dịch và sự biến-đổi âm dương để biết trước việc kiết hung hay phương-pháp chiêm-tinh để đoán định vận-mạng của một cá-nhân, một quốc-gia đã cho ta thấy thiên-văn-học thời xưa cao viễn hơn thiên-văn-học thời nay là bậc nào.

Cái kho-tàng quý báu của thiên-văn-học cổ thời còn lưu trữ trong nhiều kinh sách của Chaldée, Ấn-độ, Trung-hoa, nhưng tiếc vì người thời nay đã để mất chiếc chìa khóa, nên chưa khám-phá được. Có đạt bí-quyết chẳng, chỉ có hạng người sáng tỏ.

### **Kiến-trúc.-**

Chẳng những có kỳ tài về thiên-văn-học, người thượng-cổ còn tỏ ra phi-thường về công-trình kiến-trúc. Ngoài những đền đài đôi-phế, tạo phẩm hư hoại vì biến-thiên mà ngày nay còn tìm thấy dấu vết

trong những cuộc khai-quật của các nhà khảo-cổ, kim-tự-tháp là một công-trình kiến-trúc có thể gọi là kỳ-quan thế-giới. Các nhà kiến-trúc đại tài ngày nay khi quan-sát cũng phải thán-phục và tỏ ra ngạc-nhiên không hiểu người thượng-cổ làm cách nào xây dựng một công-trình to tác như thế, trong lúc nhân-loại chưa có máy-móc tinh-xảo, vì phần nhiều những kim-tự-tháp ấy dựng cao đến 500 bộ Anh, độ 250 thước Tây.

Công-trình kiến-trúc này, theo các nhà kiến-trúc đoán định, phải cần dùng độ 100 ngàn công-nhân làm việc trong 20 năm. Họ lấy đất phía bên kia sông Nil, từ trong sa-mạc xa xôi. Công-phu nhất là việc chuyên chở khối vật-liệu ấy sang sông, nhưng điều đó cũng chưa làm cho nhà khảo-cổ thán-phục bằng việc xây một cái hành-lang nhỏ hẹp đi vào ruột mà không sụp đổ dưới sức nặng của khối đá kia.

Một điều mà các nhà khảo-cổ lấy làm ngạc-nhiên hơn nữa là trong kim-tự-tháp Chéops, người thượng-cổ có để lại những bi-ký tiên-tri các việc vị-lai mà ngày nay kiểm điểm lại thấy không hề sai chạy.

Ngoài những công trình sáng-tạo vừa kể, còn những thuật luyện kim, ướp xác chết, cách chế hồ...cũng là những việc mà khoa-học ngày nay chưa nghiên-cứu ra.

Nói tóm lại, thời-kỳ Trung-nguơn là thời-kỳ đánh dấu trên lịch-sử nhân-loại, một giai-đoạn mà con người có một nền văn-minh rực-rỡ nhất về phương-diện tinh-thần.

Thời kỳ này bắt đầu từ khi loài người có đầy-đủ thân hình xác-thịt (formes corporelles), với thọ mạng trên một ngàn tuổi, kéo dài cho đến đời Nghiêu Thuấn khi loài người sống trung-bình độ 120 tuổi, lấy tuổi thọ vua Nghiêu làm giới-hạn.

Như vậy thời-kỳ Trung-nguơn có thể nói là khoảng thời-gian con người sống từ một ngàn tuổi giảm xuống lần cho đến khi còn độ 150 tuổi.

Ông Noé sống 930 tuổi, ông Bàn-Cổ sống 700 tuổi quả là người Trung-nguơn, chớ không phải người sanh vào thời-kỳ tạo Thiên lập Địa như Thánh-kinh hay sử-sách Trung-hoa đã nhận.

Trong lịch-sử Việt Nam, về đời Hồng-Bàng, ông Trần-Trọng-Kim có viết: 'Xét từ đời Kinh-Dương-Vương đế đời Hùng-Vương thứ 18 cả thảy là 20 ông vua mà tính từ năm Nhâm-Tuất (2579) đến năm Quý Mão (258) trước Tây-lịch thì vừa được 2622 năm. Cứ tính hơn bù kém, một ông vua trị-vì được 150 năm. Dầu là người Thượng-cổ nữa thì cũng khó lòng mà có nhiều người sống lâu được như vậy. Xem thế thì đủ biết chuyện đời Hồng-Bàng không chắc là chuyện xác-thực'.

Sở dĩ ông Trần-Trọng-Kim còn hoài-nghi về tuổi thọ của các vua Hùng-Vương, chẳng qua vì không đặt lịch-sử vào giai đoạn của nó.

Đời Hồng-Bàng bắt đầu từ năm 2879 trước Tây-lịch nghĩa là trước vua Nghiêu trên 500 năm. Vua Nghiêu sống 118 tuổi thì trước đó 500 năm hẳn con người phải sống lâu hơn, hiểu theo luật diễn-tiến

chiều giảm của lý Tam-ngươn.

Như vậy đủ thấy, cứ lấy tinh-thần của người thời nay, mỗi mỗi căn-cứ theo khoa-học để hiểu đời sống cùng tâm-trạng của người thời xưa thì không sao đúng được.

Những điều ghi chép về lịch-sử thời cổ mà ngày nay khoa-học cho là hoang-đường vẫn là việc có thật. Tại vì chúng ta lấy bộ óc máy móc để nghiên-cứu hay quan-sát nên không nhận rõ giá-trị thực-tế của nó. Phải có tâm-hồn của người xưa tức là tâm-hồn của người học Đạo, mở tâm-linh, mới hiểu nổi người xưa mà thôi.

\*\*

## **THIÊN TƯ** **ĐỜI HẠ-NGUƠN**

Trong Tam-ngươn, Hạ-ngươn là thời-kỳ đen tối nhất của nhân-loại, cũng như trong lu nước, Hạ-ngươn là lớp cặn cáu ở đáy lu. Lớp người khinh-thanh thượng-thiện của buổi Thượng-ngươn và Trung-ngươn đã siêu-hóa, chỉ còn hạng người đọa-lạc rơi rớt lại cõi đời Hạ-ngươn, cũng như lớp nước trong đã mức đi, chỉ còn lớp cặn cáu.

Trong một lu nước, phần cặn cáu nếu đem sánh với phần nước trong, chỉ là một phần quá nhỏ-nhít. Về thời-gian cũng thế, buổi Hạ-ngươn sánh với Thượng-ngươn và Trung-ngươn cũng như phần cặn cáu đối với phần nước trong.

Đặc điểm của con người Hạ-ngươn là tánh ưa tranh-đấu, thoái-hóa về phương-diện tinh-thần nhưng rất tiến-bộ về phương-diện vật-chất.

Chỗ chuyển-biến giữa con người thượng-đức của Thượng và Trung-ngươn với con người hung bạo của Hạ-ngươn thấy hiển-lộ trên lịch-sử Trung-hoa hơn đâu hết. Từ vua Nghiêu vua Thuấn trở về trước là thời-kỳ con người sống trong đạo-đức, nhân-nghĩa, hòa thuận nhau chung hưởng thái-bình, còn từ ngày chấm dứt chế-độ thiện-nhượng tức chế-độ nhường ngôi cho người hiền thì con người càng ngày càng trở nên hung ác, lấy sự tranh chấp tài-sản, quyền-lợi làm mục-đích cho cuộc sống còn.

Có thể nói đời Nghiêu Thuấn là một nét gạch đậm trên lịch-sử Trung-hoa làm giới-hạn cho hai thế-hệ người Trung-ngươn và Hạ-ngươn.

Trên sử sách của Thánh-Hiền cho ta thấy rõ chỗ đó; khi nhắc đến người xưa thì mấy ngài khâm-phục và luyện-tiểu, còn nói đến thế-hệ người sau Nghiêu Thuấn thì tỏ ra thái-độ bất mãn và chê trách.

Mạnh-tử có viết: 'Nghiêu Thuấn ký một, Thánh-nhân chi đạo suy. Bạo quân đại tác. Hoạ cung thất dĩ vi ô tri, dân vô sở an tức. Khí điền dĩ vi viên hựu; sử dân bất đắc y thực. Tà thuyết bạo hành hựu tác. Viên, hựu, ô, tri, bài, trạch da nhĩ cầm thủ chí. Cập Trụ chi than, thiên hạ hựu đại loạn...

‘Thế suy, đạo vi; tà thuyết bạo hành hựu tác. Thần thi kỳ quân giả, hữu chi; tử thi kỳ phu giả, hữu chi.’

(Vua Nghiêu vua Thuấn thác rồi thì đạo trị quốc của Thánh-nhân càng ngày càng suy. Những vị bạo quân nổi lên thay thế. Họ phá hoại cung tường nhà cửa của bá tánh để làm ao, hồ; dân chúng không có chỗ ở yên. Họ bỏ ruộng đất của bá tánh mà làm vườn thảo mộc, vườn bách thú khiến dân-chúng thiếu ăn thiếu mặc. Lại thêm những tà thuyết, những hành-vi hung-bạo nổi lên. Những vườn thảo mộc, vườn bách thú cùng những ao, hồ, đầm, vũng càng nhiều thì chim thú qui tụ càng đông. Cho nên tới đời vua Trụ, thiên-hạ loạn lạc đến cực điểm...

(Kể đó, đời càng ngày càng suy, đạo càng ngày càng yếu; lại thêm một tà thuyết, những hành-vi hung bạo nổi lên. Nhân đó có kẻ tội giết vua, con giết cha. (Đặng văn Công hạ)).

Sách Minh-Tâm cũng có nói rằng: ‘*Cổ nhân hình tợ thú, tâm hữu lại thánh đức; kim nhân biểu tợ nhân, thú tâm an khả trắc*’. (Người xưa tuy bề ngoài hình chất-phác như giống thú mà trong lòng thì có đức đại-thánh; còn người nay tuy bề ngoài đẹp-đẽ như người mà trong lòng thì như loài cầm-thú biết đâu mà lường cho được).

Cứ theo đó; thời-kỳ Nghiêu Thuấn được xem là thời-kỳ quá độ giữa hai thế-hệ Trung-nguơn và Hạ-nguơn.

Tại đâu xã-hội Trung-hoa biến thể sau khi chấm dứt thời Nghiêu Thuấn?

Theo các nhà xã-hội-học, như Tiêu-diệc-Thạch đã viết trong Trung-quốc chánh-trị sử giảng-thoại thì thời-kỳ từ Nghiêu Thuấn trở về trước là thời-kỳ con người còn sống dưới chế-độ tập-thể, tài-sản chưa có tánh-chất tư-hữu rõ-rệt. Vua Nghiêu, vua Thuấn, mặc dầu gọi là vua nhưng thật ra không có quyền-hành như một ông vua dưới chế-độ quân-chủ chuyên-chế. Các vị vua chúa lúc bấy giờ chẳng qua là một vị tù-trưởng do toàn dân trong các bộ-lạc tuyển chọn và ngôi-vị không truyền nhau bằng lối thế-tập mà bằng lối thiện-nhượng. Sau Nghiêu Thuấn thì chế-độ truyền hiền không còn nữa. Ngôi báu lại do cha truyền con nối. Từ đó chế-độ tư-hữu tài-sản càng sâu sắc, dẫn khởi những cuộc tranh-chấp làm cho xã-hội càng ngày càng chìm đắm trong những cuộc giết hại góm ghê.

Đời vua Văn-vương, mặc dầu chế-độ thiện-nhượng đã chấm dứt, nhưng cái tánh-chất xã-hội tập-thể của thời Nghiêu Thuấn còn di-lưu. Vua với dân còn hòa hợp nhau trong sự hưởng chung lợi lạc.

Mạnh-tử ca-tụng cái tánh chất tập-thể ấy trong một đoạn văn như sau:

‘Tê Tuyên-vương hỏi rằng: vườn hoa của vua Văn-vương thuở xưa, vuông vức 70 dặm, phải vậy chăng?’

‘Mạnh-tử đáp: trong truyện tích có chép như vậy.

‘Vua nói: như vậy thì lớn quá chăng?’

‘Mạnh-tử đáp: thế mà dân cho là nhỏ.

“Vua nói: vườn hoa của quả nhân vương ước chỉ có bốn chục dặm, thế mà dân cho là lớn. Tại sao vậy?”

“Mạnh-tử đáp: vườn hoa của Văn-vương vương ước là bảy chục dặm, vẫn mở cửa cho kẻ cắt cỏ hoặc hái củi, vẫn tiếp rước những người săn trĩ bắn thỏ. Đó là vua với dân cùng hưởng khoái-lạc, cho nên dân cho cảnh vườn ấy là nhỏ, chẳng phải vậy sao?”

Chế-độ tư-hữu tài-sản chưa quá sâu-sắc dưới triều đại của các vị Nhân-quân như vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Võ, nhưng đã thành hình và trở nên ác liệt từ các bạo chúa nổi lên. (Lương Huệ-vương hạ).

Chế-độ tư hữu tài-sản chưa quá sâu-sắc dưới các triều đại của các vị Nhân-quân như vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Võ, nhưng đã thành hình và trở nên ác liệt từ khi các bạo chúa nổi lên.

Trên lịch-sử tiến-hóa nhân-loại, một khi chế-độ tư-hữu tài-sản xuất-hiện thì mọi cơ-cấu của xã-hội tập-sản phải giải thể. Cái trạng-thái biến-động này biểu-lộ rõ rệt trên lịch-sử Trung-hoa vào thời-kỳ chấm dứt đời Nghiêu Thuấn.

Do đó chúng ta có thể định-nghĩa rằng: Đời Hạ-nguơn xuất-hiện trên lịch-sử nhân-loại cùng một lúc với chế-độ tư-hữu tài-sản. Trình-độ tiến-hóa của mọi xã-hội, bởi không ngang nhau, cho nên chế-độ mới xuất-hiện có nơi sớm, có nơi chậm. Nhưng đầu sớm đầu chậm, đặc-điểm của đời Hạ-nguơn là nó xuất-hiện trên lịch-sử nhân-loại vào thời-kỳ có sử. Như thế, chúng ta có thể dựa vào lịch-sử mà nghiên-cứu đời Hạ-nguơn không phải khó.

Như chúng ta đã biết, một cuộc tuần-hoàn diễn-tiến nhân-loại phân ra làm ba nguơn: Thượng, Trung, Hạ nữa. Nếu dựa vào lịch-trình thối-hóa về phương-diện tinh-thần thì ba tiểu thời-kỳ của Hạ-nguơn có thể phân-định, tương-đương với các thời-kỳ lịch-sử như sau:

**Thời-kỳ Hạ-nguơn thượng:** bắt đầu từ khi chế-độ tư-hữu xuất-hiện trên lịch-sử nhân-loại cho đến lúc Chúa Giê-su ra đời. Thời-kỳ này kéo dài độ ba bốn ngàn năm, tùy theo trình-độ tiến-hóa xã-hội của mỗi nơi. Có chỗ như những vùng Trung-Đông chẳng hạn, chế-độ tư-hữu tài-sản xuất-hiện trước kỷ-nguyên có trên năm sáu ngàn năm.

Đặc-tánh của thời-kỳ này là con người sanh ra tuy sống trong xã-hội không còn tốt đẹp như thời Nghiêu Thuấn, nhưng còn lắm người giữ được phong-độ cao nhã thuần-lương. Chính trong khoảng thời-gian này có nhiều bậc minh-quân hiền-triết ra đời, đem đạo-lý của Tiên Thánh ghi chép thành sử kinh truyền lại cho đời sau. Có thể nói trên lịch-sử của nhân-loại, từ ngày có sử, chưa có lúc nào nền triết-lý học-thuật cao-siêu và phong-phú bằng thời-kỳ này, cho đến nay cũng chưa có học-thuyết nào sánh kịp.

**Thời-kỳ Hạ-nguơn trung:** Bắt đầu từ Tây-lịch cho đến thế-kỷ thứ 18, tức là lúc nền cơ-khí được phát-minh. Thời-kỳ này kéo dài độ

1.700 năm. Người sinh ra trong khoảng thời-gian này còn giữ được phần nào đạo-lý của Thánh Hiền và cũng có một số ít nhà hiền-triết ra đời. Dầu sao về phương-diện tinh-thần, con người chưa đến mất căn-bản đạo-đức cổ-truyền và sống xa thiên-lý.

**Thời-kỳ Hạ-ngươn hạ:** Bắt đầu từ máy móc ra đời cho đến nay. Có thể nói không có thời-kỳ nào con người suy-đổi bằng giai-đoạn này. Những đạo-lý cổ-truyền không còn được người đời quan-thiết. Ý lại vào công-trình phát-minh vật-chất, con người sống theo vật-dục và nô-lệ cho lòng tham-vọng của mình. Nhiều tà-thuyết ra đời, làm lợi-khí cho những cuộc chiến-tranh thảm-khốc. Chính đó là động-lực xô đẩy nhân-loại đến chỗ diệt vong, chấm dứt cuộc tuần-hoàn Tam-ngươn để mở ra một cuộc tuần-hoàn mới với sự tạo-lập cõi đời Thượng-ngươn thánh-đức.

\* \* \*

## **CHƯƠNG I**

### **THỜI-KỲ HẠ-NGƯƠN-THƯỢNG**

#### **TIẾT I.- ĐỜI SỐNG**

Thời-kỳ Hạ-ngươn-thượng là thời-kỳ cao nhất của buổi Hạ-ngươn, bắt đầu từ ngày chế-độ tư-hữu tài-sản xuất-hiện cho đến đầu kỷ-nguyên Tây-lịch.

Ở thời-kỳ Thượng-ngươn, con người sanh ra cõi đời còn giữ được hình-hài khinh-thanh của con người thượng-giới. Về đời sống, sự thọ-dụng được tự-tại. Mọi nhu-cầu đều hóa sanh, cho nên không nhọc công sản-suất hay lưu-trữ. Do đó chưa có ý nghĩ dành-dựm làm của riêng.

Đến thời-kỳ Trung-ngươn, ở buổi đầu, mặc dầu thực-phẩm còn tự-nhiên sanh, nhưng muốn có mà ăn không phải dễ-dàng như trước. Con người phải mất công gặt hái, xây giã và vo nấu mới ăn được. Lần lần điều-kiện khí-hậu biến đổi phương-thức sanh-sản, đời sống nhân đó trở nên khó khăn. Vì sự phòng bị cơ-cản nên thực-phẩm được tích-trữ, nhưng vẫn còn là của chung chớ chưa có tính-cách của tư. Chỉ riêng có những nhu-cầu cho bản thân như quần áo, khí cụ, thì của ai nấy giữ. Cái tánh-chất tập-sản này tồn tại cho đến hạ-kỳ Trung-ngươn khi xã-hội bộ-lạc phân-hóa thành quốc-gia, dân-tộc, mới biến-thể.

Chế-độ tư-hữu tài-sản xuất-hiện là khi nào con người đạt đến cao độ của chủ-nghĩa cá-nhân ích-kỳ. Ai ai cũng muốn có của riêng và khao-khát lấy của người làm của mình hay của đoàn-thể mình. Thế là giữa cá-nhân với cá-nhân nảy ra mầm tham-lam lường-lận, giữa dân-tộc với dân-tộc có sự cưỡng-đoạt chiến-tranh. Chính đó là đặc-tính của thời-kỳ Hạ-ngươn là thời-kỳ loài người xâu xé nhau, chém giết nhau để tranh sống.

Nhìn vào lịch-sử nhân-loại sẽ thấy bất cứ dân-tộc nào khi bước

sang giai-đoạn thành lập quốc-gia cũng đều trải qua một thời-kỳ chiến-tranh giữa các bộ-lạc.

Ở Trung-quốc đã diễn ra một cuộc chiến-tranh trường-kỳ của bộ-lạc Hán-tộc đánh đuổi các bộ-lạc như: Miêu, Khương, Nhung, Địch, Man, Di...trong suốt đời nhà Hạ, nhà Thương. Đến đời nhà Chu, các nước chư-hầu - một hình-thức bộ-lạc - kể có một ngàn tám trăm nước. Đến đời Xuân-Thu, những nước chư hầu ấy tiêu-diệt và thôn-tính lẫn nhau, còn lại có một trăm bốn mươi mấy nước. Qua đến Chiến-quốc thời-đại, còn lại có bảy nước: Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên, Tề và Tần. Rồi rốt cuộc nhà Tần thôn-tính sáu nước kia mà thống-nhất Trung-hoa.

Ở Ấn-độ, trước khi dân A-ry-en (Aryen) đến xâm lấn, kể có trên một ngàn bộ-lạc luôn luôn lẫn áp nhau. Về sau, dân A-ry-en thôn phục những bộ-lạc ấy mà đem quyền thống-trị lại cho giai-cấp Bà-la-môn.

Ai-cập, trước kỷ-nguyên 4.000 năm, cũng là một xã-hội gồm có nhiều bộ-lạc tranh lẫn nhau. Mãi đến năm 5.300 trước Tây-lịch, Menès mới thống-nhất các bộ-lạc mà lập ra chế-độ quân-chủ.

Hy-lạp cũng thế là một quốc-gia do nhiều bộ-lạc tổ-thành. Trước hết là bộ-lạc Pélasges, sau đến những bộ-lạc Egéens, Achéens, Doriens...cát cứ xứ Hy-lạp mà lập nên chế-độ thị-trấn riêng biệt chống báng nhau. Mãi sau, vua xứ Macédoine thống-nhất các thị-trấn mà thành lập quốc-gia Hy-lạp.

Trên đây chỉ kể vài dân-tộc có một nền văn-minh tối cổ trên lịch-sử nhân-loại.

Trong cuộc hỗn loạn này biết bao nhiêu dân-tộc liệt bại phải điêu tàn, biệt tích dưới sự đàn áp của các dân-tộc ưu thắng. Những dân-tộc như Phrygiens, Cappadociens, Hétéens, Eléens, Elamites, Hittites...và bao nhiêu dân-tộc khác nữa, ngày nay chỉ còn là những danh-từ lưu lại trên lịch-sử mà thôi.

Chiến-tích liệt-oanh của những vị anh-hùng dân-tộc đắc thắng được thế-nhân ghi chép truyền tụng trong dân gian dưới hình-thức một loại văn mà các nhà văn-học-sử gọi là kỷ-chiến-thi (Epopée).

Trên lịch-sử nhân-loại, kỷ-chiến-thi còn lưu lại chẳng ít, như Á-rập có những kỷ-chiến-thi Motlalakal Hamasa; Ba-tư có kỷ-chiến-thi của Sammed; ở Trung-hoa, bài Doãn-tiêu-ca của Hoàng-Đế làm ra kể cũng là một bài kỷ-chiến, song những kỷ-chiến-thi có giá-trị điển-hình về chiến-tranh giữa các bộ-lạc, có thể kể những kỷ-chiến-thi của Hy-lạp và Ấn-độ.

Ở Hy-lạp, Homère sáng-tác bộ Hiades để tán-tụng võ-công của dân-tộc Hy-lạp trong trận hạ thành Troie và bộ Odyssee để nhắc lại chiến-công của những anh-hùng Hy-lạp.

Ở Ấn-độ, Valmike sáng-tác bộ Ramayana và Vyâsa sáng-tác bộ Mahabhârata. Đó là hai bộ kỷ-chiến-thi to-tác, sáng tạo ngay khi biến-cổ xảy ra, với một triển-vọng cảm-hứng nhân-tử, một tấm lòng ái-chúng nồng-nàn, nó phản-chiến, đúng như tấm gương chân-thành,

nền văn-minh chánh-trị và luân-lý của xứ Ấn-độ tranh-đấu và chiến-thắng ở tuổi trưởng-thành. Chúng ta sẽ thấy nền văn-minh ấy chia ra, cũng như ở Hy-lạp, làm nhiều tiểu quốc; các đế-vương tự khoe-khoang là hậu-duệ của hai họ rất cổ: họ Nhật và họ Nguyệt, do hai thủ-lãnh Manus và Budha sáng lập. Hai thủ-lãnh thù nghịch này, hai biểu-tượng của tinh-thần và lý-trí ấy được cổ Ấn-độ phụng-hiến ngay từ buổi đầu lịch-sử; về sau hai cái biểu-tượng ấy lưỡng phân cả giới tôn-giáo của phương Đông. (Theo F.G. Eichhoff: Poésie héroïque des Indiens comparée à l'épopée grecque et romaine. Tr.38-39).

Cuộc chiến-đấu của hai họ hay hai bộ-lạc Nhật và Nguyệt là cuộc chiến-đấu điển-hình chẳng riêng gì của kỷ-chiến-thi Ấn-độ mà là của tất cả kỷ-chiến-thi các dân-tộc khác. Nội-dung của nó, kỷ-chiến-thi Ấn-độ cũng như kỷ-chiến-thi Hy-lạp hay bất cứ của dân-tộc nào, đều chứa đựng những nhân-vật gần như một khuôn đúc về tâm-trạng và hành-động mà chúng ta ngày nay, dưới quan-điểm khoa-học cho là thần-dị. Có phải chăng vì thế mà các sản phẩm sáng-tác trong thời-kỳ Hạ-nguơn-thượng đều bị liệt vào loại Thần-thoại, nghĩa là những chuyện do tưởng-tượng sản sanh ra chớ không có thật.

Nhưng những chuyện mà người đời gọi là Thần-thoại có quả thật là chuyện bịa đặt, hoang đường chẳng?

Như F.G. Eichhoff khi nghiên-cứu hai bộ kỷ-chiến-thi Ramayama và Mahabhârata của Ấn-độ đã nói: *‘Đó là hai bộ kỷ-chiến-thi to tát, sáng-tạo ngay khi biến-cổ xảy ra’*, đủ chứng-minh rằng những điều ghi chép đó đều là những việc thật có xảy ra, chớ không phải bịa đặt.

Nhà viết sử Augustin Thierry cực-lực đánh đổ những mậu-thuyết về Thần-thoại và quả quyết rằng: *‘Những cổ-tích đều là những tập truyện sống động, đến ba phần tư có giá-trị thiết-thực hơn những điều mà chúng ta gọi là lịch-sử’*.

Bà Blavatsky cũng nhận rằng: *‘Thần-thoại là một lối biểu-nhiệm thái-cổ để khách-quan-hóa tư-tưởng người xưa. Nó xây dựng trên những sự-kiện tự-nhiên và thiết-thực trong các hiện-tượng. Không có gì vô nghĩa hay phi lý ở nó khi người ta xem nó dưới ánh-sáng của cuộc tiến-hóa và khi các biểu-niệm bằng dấu hiệu của nó được hoàn-toàn hiểu rõ. Điều điên rồ là đem xô bồ nó với lịch-sử nhân-loại hay với sự ứng-hiện của thần-linh. Thần-thoại là một kho tàng trí-thức của nhân-loại tối-cổ; điều mà chúng ta quan-thiết là khi nào nó được diễn-dịch một cách đúng đắn thì nó sẽ đánh một võ chí tử vào những thần-linh-học lỗi lầm mà nó đã cố tình đẻ ra.*

Thần-thoại quả là một kho tàng trí-thức của nhân-loại tối-cổ. Tiếc vì người thời nay đã mất giác-quan của người xưa, cho nên liệt nó vào loại chuyện hoang-đường hay bịa đặt. Mỗi thời-đại đều có mỗi lối biểu-niệm. Giữa người xưa với người nay, có thể nói là hai cái thái-cực của hai lối biểu-niệm. Người thời nay sống hoàn-toàn dựa vào những phát-hiện bên ngoài hơn nội tâm. Trí óc của họ luôn luôn bận rộn,



duyên theo các cảnh và lấy đó làm chỗ y-cứ cho sự suy-luận của mình. Những cảnh sắc đảo điên và càng ngày càng ác-liệt bên ngoài, ảnh-hưởng rất nhiều đến tâm-tư của họ. Phù-hạp với ngoại-duyên, họ thích cử-động và hoạt-bát trong lối suy-diễn.

Trái lại người xưa, bởi sống trong cảnh ít bận rộn, cơ hồ trầm lặng nên ít bị ngoại cảnh chi-phối. Họ sống với nội-tâm hơn ngoại-giới. Cõi lòng họ yên lặng, hòa-hợp với bản-thể vũ-trụ, với Đạo. Khi tâm-thức đã hòa-hợp với lẽ siêu-nhiên thì giữa người với người có sự thông-cảm nhau, thấu rõ lẽ cơ-huyền của tạo-hóa. Họ không cần dùng đến lời nói, nhưng họ có thể giao-cảm và truyền ý-niệm cho nhau bằng những luồng điện tư-tưởng. Đối với họ văn-tự hay ngôn-ngữ không mấy gì quan-thiết. Nếu cực chẳng đã phải dùng đến thì cũng dùng rất ít, nhưng hàm chứa rất nhiều ý-nghĩa. Có khi họ dùng toàn dấu hiệu để kiểm-niệm những lý-nghĩa cao sâu thăm kín. Đó là nguyên lai của lối văn tượng-trưng (symbolisme).

Vì vậy những áng văn-chương của thời-kỳ thượng-cổ rất tối nghĩa hay đượm màu thần-bí đối với chúng ta ngày nay, bởi những vật vô-tình hay vô-giác thường được trình-bày dưới hình-thức nhân-cách-hóa hay thần-hóa. Do đó danh-từ Thần-thoại được đặt ra để gọi chung những tác-phẩm mà người thời nay cho là hoang đường hay quái-đản.

Nhưng nếu chúng ta nhận được giá-trị của lối tượng-trưng, chúng ta mới thấy thích-thú khi đọc thứ chữ tượng-hình hay lối văn mượn vật để biểu ý của người xưa. Như trong văn- chương Việt Nam ta gọi mặt trăng là ngọc-thổ hay con thỏ ngọc thì ở Ai-cập mặt trăng được gọi là con mèo. Gọi như thế không có nghĩa mặt trăng là con thỏ hay con mèo, mà chính là một lối tượng-trưng vậy. Và lại, con mèo lúc ban đêm, hai con mắt nó trông thấy sáng ngời trong bóng tối không khác gì mặt trăng chiếu sáng ban đêm. Càng giống nhau hơn nữa là mặt trăng không thể tự nó phát ra ánh sáng. Nó chỉ là một tấm gương để phản-chiếu lại ánh-sáng của mặt trời. Mặt mèo cũng thế, nó chói ngời là do ánh-sáng phản-chiếu lại. Phải chăng vì những tánh-chất giống nhau đó mà người Ai-cập dùng con mèo để tượng-trưng mặt trăng.

Lối văn tượng-trưng là một lối văn đặc-biệt của người thời xưa, bởi cách biểu-ý của nó chẳng những không rườm-rà, chẳng mất công dùng nhiều ngôn-từ mà còn hàm súc rất nhiều ý-nghĩa, phản-ảnh đúng tâm-hồn trầm-lặng nhưng luôn luôn sống động của họ.

Thế nên, nếu nghiên-cứu kinh-sách xưa mà chỉ đứng thuần về phương-diện hình-thức thì không sao hiểu nổi thâm ý của tác-giả và tác-dụng của lối văn tượng-trưng.

Ngoài tánh-chất tượng-trưng, kỳ-chiếu-thi hay những chuyện cổ còn mang nặng một tánh-chất kỳ-bí nữa mà người thời nay thường gọi là quan-niệm vật-linh (Animisme), nghĩa là mọi vật vô tri đều được trình-bày như một con người có đủ tri-giác và ngôn-ngữ. Trong kinh

Phê-đà quan-niệm vật-linh chiếm một phần rất lớn, chẳng hạn như đoạn thầy tu Visvamitra đối-thoại với con Sông dưới đây:

Hãy vượt cơn thịnh-nộ của mi xuống! Hãy để cho ta qua bờ bên kia, nếu không, hỡi con Sông ơi! Dòng nước cuộn cuộn của mi sẽ nhận chìm xe ta.

Chúng tôi xin vâng lời ngài. Chúng tôi chào ngài như người vợ tuân theo lời chồng. Chúng tôi tôn kính ngài...

Đọc qua đoạn văn trên đây hay bất cứ cuộc đối-thoại nào giữa người với vật trong các truyện-tích thời xưa, chúng ta không khỏi cho là chuyện hoang-đường hay thần-bí. Làm gì vật lại nói được tiếng người, nếu chẳng phải đó là quan-niệm vật-linh phát-sinh do tinh-thần sợ-sệt của con người yếu hèn đứng trước những hiện-tượng hải-hùng của vũ-trụ đầy huyền-bí.

Nhưng nếu ta hiểu lối văn tượng-trưng của người xưa và những huyền-năng mà người xưa tự có thì những việc người ra lệnh cho vật phải làm theo ý muốn của mình không còn là việc khó hiểu, đầy bí-hiểm hay vật linh chi cả.

Sở dĩ người xưa sai khiến được sự vật là nhờ ở mật-ngữ hay chân-ngôn đã học được của những bậc huyền-linh, đại-giác. Những mật-ngữ ấy, cũng gọi là thần-chú, không sao cắt nghĩa được nhưng có hiệu-lực phi-thường. Các nhà Đạo-sĩ hay hành-giả chỉ học lấy và chú-nguyện mỗi khi muốn thành-tựu sở ước. Đừng tìm hiểu hay cắt nghĩa nó vô ích. Đến như những bậc hạ-vị Thánh-hiền cũng không hiểu nổi những mật-ngữ của hàng thượng-vị. Như câu: Ân-ma-ni-bát-di-hồng, hay bốn chữ "ngươn hanh lợi trinh", hay những câu chú, đà-la-ni trong kinh Phật. Người học Đạo cứ đọc nguyên văn, đúng với mật-ngữ, chớ không thể nào phiên-dịch ra được. Cũng như khi A-nan bị nạn Ma-đăng-già bức dâm, Đức Phật trao chú "Thủ Lăng-nghiêm" cho Văn-Thù Sư-Lợi mang đi thì Văn-Thù cử việc trì chú chứ không cần biết chú ấy nói gì và tại đâu có thần-lực giải-cứu được A-nan tôn-giả.

Có hiểu được uy-lực của thần-chú, đà-la-ni của người xưa để sai khiến sự vật, chúng ta mới hiểu được "quan-niệm vật-linh" trong sách sử cổ thời mà người đời nay gọi là Thần-thoại.

Lối văn "tượng-trưng" và "vật-linh" là hai đặc-tính của văn-chương đời xưa. Nó không có gì kỳ-bí, thần-thoại cả. Đó chẳng qua là một lối biểu-niệm của con người sống nhiều về nội-tâm hơn ngoại-cảnh.

\*\*\*

## TIẾT II TƯ TƯỞNG

Từ ngày chế-độ tư-hữu tài-sản xuất-hiện trên lịch-sử nhân-loại, mở màn cho đời Hạ-ngươn, xã-hội loài người bắt đầu bước vào giai-đoạn hủ-hóa. Con người càng ngày càng trở nên xấu-xa hung ác. Vì vấn-đề chiếm-hữu, ai ai cũng muốn tranh đoạt của người làm của

mình. Do đó, giữa cá-nhân xảy ra việc giết hại lẫn nhau, giữa bộ-lạc với bộ-lạc diễn thành những cuộc chiến-tranh tàn-khốc.

Trật-tự xã-hội xáo trộn, luân-thường đạo-nghĩa đảo-điên. Đời sống lạc-nghiệp an-cư trước kia nhường chỗ cho rối ren, đau-khổ, đánh dấu một thời-kỳ hỗn-độn và mê-mờ vì tà-thuyết khởi lên.

Về chiến-tranh, bao nhiêu cuộc tranh-chấp đã xảy ra giữa các bộ-lạc, khi xã-hội loài người bước đến giai đoạn thành-lập quốc-gia, dân-tộc. Kỳ-tích của những cuộc chiến-tranh ác-liệt ấy được tán-tụng trong nhiều bộ ký-chiến-thi hào-húng còn lưu lại ngày nay.

Về tà-thuyết, như Mạnh-tử đã nhận: Sau thời vua Nghiêu vua Thuấn thì đời càng ngày càng suy, đạo càng ngày càng yếu, lại thêm học-thuyết tà vạy, những hành-vi hung bạo nổi lên. (Thế suy đạo vi thuyết bạo hành hựu tác). Chính những tà-thuyết, những lối sùng-bái tự-nhiên, những lối tư-tưởng quái-quái, đã làm cho trí óc con người đắm chìm khá lâu trong mê-mờ tăm tối.

Để cứu-vãn thế đạo nhân-tâm đem con người trở về với chánh-lý, phá tan mê-tín dị-đoan, rọi ngọn đuốc chân-lý vào đời sống tinh-thần, nhiều bậc Hiền-nhân Thánh-triết ra đời, hoặc đem những điều hồi-ức, hoặc đem những sự tỏ ngộ chứng-chơn ra giáo hóa người đời, gây thành một ý-thức-hệ đạo-đức uyên-thâm cao-viễn, chưa từng thấy trên lịch-sử nhân-loại.

Từ khi nhân-loại phát-minh văn-tự hay từ khi loài người có sử, không có thời-kỳ nào nhiều Hiền-nhân Thánh-triết bằng thời-kỳ này. Những sáng-tác hay những dòng tư-tưởng cao-siêu của mấy ngài là những ngọn đuốc đem lại một nguồn ánh-sáng bất-diệt muôn đời. Để tiện việc nghiên-cứu, các nhà văn-học đã phân ra làm hai phạm-trù: Triết-học và Đạo-giáo.

Thuộc về phạm-trù triết-học là những triết-gia xuất-hiện vào khoảng năm sáu thế-kỷ trước Tây-lịch, như các nhà triết-học Hy-lạp.

Thuộc về phạm-trù đạo-giáo là những nhà sáng-lập các tông-phái như Đức Thích-Ca Mâu-Ni lập nên Đạo Phật, Khổng-tử lập nên Đạo Nho, Lão-tử lập nên Đạo Lão, Giê-su lập nên Đạo Gia-tô...Đó là những nền Đạo vĩ-đại có ảnh-hưởng rất lớn trong đời sống của hầu hết nhân-dân trên thế-giới.

Mặc dầu phân ra làm hai phạm-trù, nhưng tựu-trung, đối-tượng nghiên-cứu của nhà lập giáo cũng như nhà triết-học lúc bấy giờ đều không ngoài những vấn-đề thắc-mắc về vũ-trụ-luận, bản-thể-luận và nhận-thức-luận.

Với quan-điểm triết-học, người ta chỉ cứu-xét mọi thắc-mắc để tìm ra lý lẽ về bản-thể thực-tại của sự vật. Trọng-tâm của triết-học là vấn-đề nhận-thức. Đến như quan-điểm tôn-giáo thì ngoài sự cứu-xét mọi thắc-mắc, còn áp-dụng những kết-quả của sự cứu-xét ấy vào đời sống của con người, cả tinh-thần lẫn vật-chất, nghĩa là tôn-giáo không ngừng ở sự nhận-thức bản-thể (thể) mà còn tiến đến sự ứng-dụng

(dung). Do đó, trọng-tâm của tôn-giáo là vấn-đề luân-lý.

Trước khi đề-cập đến các nền Đạo-giáo, chúng ta nên đi vào lãnh-vực triết-học để hiểu qua các vấn-đề về vũ-trụ-luận, bản-thể-luận, nhận-thức-luận.

\*\*\*

## **A.-TRIẾT-HỌC** **VẤN-ĐỀ VŨ-TRỤ**

Sau trận Đại hồng-thủy, hay sau cuộc sụp đổ Ấc-lăng-tíc (Atlantide) như nhiều sử sách đã nhận, xã-hội loài người trải qua một cơn biến-động. Với khí-hậu mới, hoàn-cảnh mới, con người sanh ra không còn bản-tính huyền-linh như trước. Sống trơ trọi giữa thiên-nhiên, thiếu phương-tiện để bảo-vệ chống lại nghịch-cảnh, con người cảm thấy hèn yếu đứng trước mọi hiện-tượng hãi-hùng ghê sợ của vũ-trụ bao la huyền-bí.

Vũ-trụ đối với họ là một huyền-năng luôn luôn ngự-trị trên đời sống của nhân-loại. Cái ý-thức sùng-bái thiên-nhiên do đó phát-sinh. Trên lịch-sử loài người, không có dân-tộc nào chẳng trải qua giai-đoạn sùng-bái các hiện-tượng của vũ-trụ. Trước hết, người ta sùng-bái Mặt-trời, vì Mặt-trời phá tan màn đen tối đầy âm u và đem lại ánh-sáng, sự sống cho muôn loài vạn vật. Ngoài Mặt-trời, người ta còn thờ Mặt-trăng, Sấm sét, gió mưa, nước lửa.

Từ tư-tưởng sùng-bái thiên-nhiên, con người đi đến sự sùng-bái cỏ cây, cầm-thú. Bất cứ vật gì làm cho người ta ghê sợ hay đem lại lợi-ích đều được người đời sùng-bái.

Đương-nhiên, khi có người tin-tưởng và sùng-bái vật-linh, mà đó là đại-thể trong thiên-hạ thì thế nào cũng có một hạng người thông-minh hơn đứng ra lãnh phần hướng-dẫn, bài-biện nghi-thức, tổ-thành hệ-thống và giải-thích hiện-tượng theo quan-niệm của mình.

Nhưng đối với bậc Hiền-nhân Thánh-triết, những sự tin-tưởng, sùng-bái kia không thể làm cho họ chẳng đặt ra những nghi-vấn:

Căn-bản của vũ-trụ là gì?

Vũ-trụ thành hình, biến-chuyển như thế nào?

Đó là hai vấn-đề về Bản-thể-luận và Nhận-thức-luận mà các nhà triết-học Hy-lạp cực-lực biện-luận.

### **BẢN-THỂ-LUẬN**

Bản-thể-luận (Ontologie) cũng gọi là Thực-thể-luận là một môn học nghiên-cứu bản-tánh cùng-cực của vũ-trụ, tức là cái học tìm hiểu căn-bản của vũ-trụ là gì, tánh-chất của nó ra sao?

Vũ-trụ từ lâu được xem là một huyền-lực thần-bí mà sức con người không thể hiểu nổi. Do đó những hiện-tượng tự-nhiên đều được người đời thần-cách-hóa.

Nhưng đến thế-kỷ thứ năm thứ sáu trước Tây-lịch, vũ-trụ không còn là một vấn-đề khó hiểu. Với các nhà triết-học Hy-lạp thì vũ-trụ là

do những chất ngũ-hành hợp thành.

Thalès cho rằng: "Vạn vật là từ trong chất nước biến-hiện ra. »

Anaximene thì chủ-trương nguyên-tổ của vạn-vật là vô hạn, không có định-chất hay hình-tượng.

Trái lại Héraclite thì nhận rằng: "cái cơ-bản cho hiện-tượng trong tự-nhiên là lửa".

Đó là lý-thuyết của các triết-gia thuộc phái IONIENS.

Đến như các triết-gia thuộc phái ELIATES thì nguyên-tổ của vạn-vật không chỉ đơn-chất mà là sự biến-chuyển liên-tục của nhiều nguyên-tổ.

Zenon cho rằng: "Vật-thể đầu-tiên của vũ-trụ đã biến-chuyển từ lửa thành khí, rồi từ khí thành nước. Còn Empédocle thì quả-quyết rằng cơ cấu sanh thành của vũ-trụ là do sự hỗn-hợp của bốn nguyên-tổ: nước, lửa, khí, đất.

Đồng thời với hai phái trên, còn có phái số-học của Pythagore. Với phái này thì vạn vật trên vũ-trụ đều do các số lượng hợp thành.

Nhưng với phái nguyên-tử của Leucippe, Démocrite, Epicure, Lucrece thì nguyên-tổ hợp thành của vạn vật không phải nước, lửa, khí mà là những đơn tử (atome). Nó là những nguyên-tổ có năng-lực hoạt-động vĩnh-cửu, vô-thỉ vô-chung. Hễ nó kết hợp là phát-sanh sự vật là khí nó phân-ly thì sự vật hư hoại.

Leucippe nói rằng : "không-gian chứa đầy những đơn-tử hoạt-động không ngừng. Khi một số đơn-tử phối hợp thì nó sẽ xoay tròn, cọ sát nhau làm thành cuộc vận-hành chiều ngang". Điều nhận-định này được Démocrite, Epicure tán đồng.

Tư-tưởng của các phái trên đây đều đặt cơ-sở trên vật-chất, nghĩa là dùng quan điểm duy-vật giải-thích sự vật. Quan-điểm này không được phái biện-thuyết của Protagoras, Galilée thừa nhận. Protagoras hoài-nghi quan-niệm nhất-nguyên và cho rằng: Thực-tại tuyệt-đối của sự vật không thể nào hiểu được.

Nhưng đến Socrate, Platon, Aristote, thì sự hoài-nghi ấy bị phá tan, và quan-niệm nhất-nguyên kia được bổ-sung bằng quan-niệm nhị-nguyên.

Aristote nói rằng: Thực-thể là sự phối-hợp của vật-chất và ý-niệm. Nếu không có vật-chất thì ý-niệm không có ý-nghĩa hay không có quan-niệm thì vật-chất thành ra vô-dụng. Theo Aristote, vật-chất là một tiềm-phục-tánh. Nó có khả-năng tánh. Còn ý-niệm là một thứ thực-hiện-tánh. Nó có năng-lực khiến vật-chất từ trong trạng-thái tiềm-phục biến ra hiện-thực. Vật-chất có thể nói một cách giản-dị là hình-thức còn ý-niệm là nội-dung. Nếu chẳng có hình-thức thì nội-dung chỉ là một vật tiềm-phục, còn nếu chẳng có nội-dung thì hình-thức không do đâu thực-hiện.

Cứ theo nguyên-lý ấy thì bản-thể của vũ-trụ không thể đơn-độc vật-chất hay đơn-độc ý-niệm mà là sự phối-hợp cả hai.

Như thế, vũ-trụ đã mất hết tánh-chất thần-linh và huyền-bí. Từ sự nghiên-cứu về bản-thể, các nhà triết-học Hy-lạp tìm hiểu sự thành hình và biến-động của vũ-trụ.

### **NHẬN-THỨC-LUẬN**

Vũ-trụ thành hình và biến-động ra sao? Đó là vấn-đề thuộc về nhận-thức-luận (Epistemologie). Các nhà triết-học cổ Hy-lạp, mặc dầu quan-niệm về bản-thể có khác nhau, nhưng đồng đánh đổ sự nhận-thức cho rằng vũ-trụ là vật-chất bất-biến.

Thalès nói rằng: vạn vật chẳng phải bất động mà trái lại luôn luôn biến-hóa. Vật A có thể biến-thành vật B và vật B có thể biến-thành vật C. Nước có thể biến thành hơi, thành nước đá và hơi với nước đá có thể biến-thành nước. Vạn vật đều ở trong lẽ sanh-diệt chẳng dứt, sanh với diệt tiếp nối nhau mãi. Nếu chẳng có sanh thì không có diệt.

Anaximandre cũng nhận vạn vật ở trong lẽ biến-hóa và trong sự biến-hóa ấy có sự xung-đột giữa hai sức đối-lập. Như nóng với lạnh luôn luôn xung-đột nhau để tạo-thành địa-cầu, thế-giới. Loài người cũng từ trong sự biến-hóa ấy sanh ra theo Anaximandre thì loài người sản sanh từ trong loài cá.

Héraclite cho rằng: Sự biến-động là qui-luật của vũ-trụ. Vạn-vật luôn luôn ở trong sự lưu-chuyển dịch-hóa, như giòng nước chảy hoài không ngừng nghỉ. Không ai có thể tắm lại lần thứ hai trong một giòng nước. Chẳng có cái gì đứng yên, cái gì cũng đang trở nên trái với Ioniens của Thalès, Anaximandre, Héraclite, chủ-trương vạn-vật biến-hóa, phái nguyên-tử thì đặt vấn-đề nhận-thức hoàn-toàn trong sự phát-triển của đơn-tử.

Epicure cho rằng: tất cả hiện-tượng của tâm-lý đều là biểu-hiện của vật-thể. Linh-hồn cũng là vật do đơn-tử cấu-thành. Những đơn-tử ấy tàn bố trong nhân-thể, cho nên cảm-giác của con người không chi khác hơn là biểu-hiện của vật-thể.

Démocrite còn nhận rằng : cảm-giác là nguyên-lai của nhận-thức. Chẳng có tư-tưởng nào là chẳng từ trong cảm-giác phát-sanh. Và tư-tưởng cũng chẳng qua là sự phản-ảnh của những ấn-tượng của ngoại-giới.

Nhưng Platon cực lực phản đối cái lý-luận duy-vật ấy mà cho rằng: 'Vật-chất là phụ-dụng của lý-tưởng. Lý-tưởng là chủ-não của cảm-giác, chi-phối cảm-giác. »

Như thế nhận-thức-luận của Platon hoàn-toàn kiến-lập trên thuyết tiên-thiên (apriorisme) mà về sau, Kant tiếp-tục thuyết-minh.

Nói tóm lại, từ phái Ioniens củ Thalès, Héraclite, cho đến phái nguyên-tử của Epicure, Démocrite và phái hình-nhi thượng-học (métaphysique) của Platon, Aristode, vấn-đề bản-thể-luận và nhận-thức-luận, mặc dầu còn phôi-thai, chưa thuyết-minh đầy đủ, nhưng

cũng đã phá tan phần nào mây mù huyền-bí bao trùm vũ-trụ do những tin-tưởng vật-linh phủ lên.

Vấn-đề vũ-trụ cũng như nhân-sanh được rọi sáng chẳng, họa có những vị tổ ngộ sáng-lập các Đạo-giáo.

## **B.- ĐẠO-GIÁO**

Về vấn-đề vũ-trụ-luận, các triết-gia Hy-lạp đem lại cho trí-thức nhân-loại nhiều nhận-xét mới về bản-thể vạn-vật, phá tan phần nào bức màn đen tối của tư-tưởng vật-linh. Tuy nhiên, về địa-hạt nhận-thức-luận, chưa có sự kiến-tạo nào đặt vững nền-móng. Các triết-gia, vì quá thiên-trọng về bản-thể-luận, hơn nữa bởi đứng hẳn trên phương-diện duy-vật nên không tiến xa về nhận-thức-luận. Phái Aristode, mặc dầu về hình-nhi thượng-học có đem lại ít nhiều cống-hiến, nhưng tựu-trung vẫn còn mắc lầy trong khu-vực lý-luận hình-thức, nên chưa đạt đến chân-lý tuyệt-đối.

Chân-lý không thể đạt đến bằng lý-trí mà bằng sự sáng tỏ, bằng trực-giác, bằng chứng ngộ tự tâm. Và đó là thuộc về phạm-trù của các Đạo-giáo. Nhưng cho được có một ý-niệm rõ-rệt về tư-triều ý-thức của thời-kỳ Hạ-nguơn thượng, thiết tưởng nên phân ra làm hai hệ-thống: Tây-phương và Đông-phương, có thể lấy Tam-giáo: Nho, Lão, Thích làm đại-diện, là những Đạo-giáo khuynh-hướng nội-tĩnh, quan-niệm về vũ-trụ như một Đại-ngã, tất-nhiên-tánh, khác hơn Đạo-giáo ở Tây-phương mà Gia-tô-giáo là đại-diện, khuynh-hướng về hình-tướng và quan-niệm vũ-trụ là một Thần-ngã.

Gia-tô-giáo, xem đó, nằm trong hệ-thống tư-tưởng Tây-phương, cùng một khuynh-hướng với các triết-gia, thiên-trọng về lý-luận hình-thức. Bởi thế, chúng tôi xin đề-cập đến Gia-tô-giáo trước các Đạo-giáo khác để cho giọng tư-tưởng khỏi chuyển-hướng mạnh.

### **1°) GIA-TÔ-GIÁO**

Đạo Gia-tô do Đức Chúa Giê-su sáng-lập, là một tôn-giáo độc-thần chỉ thờ có một bậc chí-tôn là Đức Chúa Trời. Khác hơn những quan-niệm đã có từ trước cho rằng thế-giới do nhiều vị thần cai quản như tư-tưởng vật-linh, hay vũ-trụ thành lập do nhiều nguyên-tố như triết-gia, Gia-tô-giáo cho rằng Đức Chúa Trời tạo lập muôn loài vạn vật.

Quan-niệm nhất thần, thật ra, chẳng phải là một quan-niệm mới phát-sanh từ Chúa Giê-su hay việc thờ-phượng Đức Chúa Trời là do Chúa Giê-su khởi xướng.

Cứ theo Sấm truyền hay các Thánh kinh thì Chúa Giê-su chẳng qua là vị thừa-tiếp tư-tưởng của ông Môi-se (Moise), và ông này cũng chưa phải là vị khởi-thỉ tư-tưởng độc-thần, mà thật ra chịu ảnh-hưởng của ông Akhoumaton, một vị vua xứ cổ Ai-cập sanh năm 1388 trước Tây-lịch.

Trước Akhoumaton, dân Ai-cập cũng như các dân-tộc khác ở Trung-Đông, đều tin-tưởng đa thần và sùng-bái vật-linh. Nhưng khi ông Akhoumaton lên cầm quyền thì ông khởi xướng việc thờ thần Aton tức là ánh sáng Mặt Trời. Do đó từ danh-hiệu Hoàng-đế Amépholie thứ-tư, ông cải-hiệu là Akhoumaton, có nghĩa là ở nơi người thì Aton được thỏa-nguyện.

VỚI Akhoumaton, tư-tưởng độc-thần được thực-hiện. Nhưng danh-từ Aton chưa được ý-thức như một vị thần hữu-ngã mà chỉ được quan-niệm như sức sáng-tạo của Mặt-trời, vì đối với dân-chúng, Mặt-trời đem lại ánh-sáng và sự sống bất-diệt cho muôn loài vạn vật.

Mặc dầu sự sùng-bái Aton chưa thoát khỏi quan-niệm sùng-bái tự-nhiên, nhưng kể ra cũng là công-trình của một tâm-hồn cao-cả, một tiến-bộ từ chủ-nghĩa đa-thần đến chủ-nghĩa độc-thần.

Ánh-sáng của ngọn đuốc thiêng ấy được Môi-sen tiếp-nhận và làm sáng tỏ thêm. Cái sức sáng-tạo mà Akhoumaton qui-hướng cho Mặt-trời, đến đây được cơ-thể-hóa ở một Đấng Chí-tôn là Đức Chúa Trời. Chẳng phải tự Môi-sen đặt ra danh từ này mà chính ông đã được mạng lệnh của Đức Chúa Trời trong một cuộc thần-giao (théophanie). Trước hết, ông nhận thấy một vị thiên-thần hiện ra trong ngọn lửa thiêng nơi bụi cây. Chính nơi bụi cây này, ông Môi-se nghe rõ lời Đức Chúa Trời phán dạy ông phải ra tay cứu dân Israel khỏi ách đô-hộ của Ai-cập.

Ông Môi-se vâng lời Chúa cùng dân Israel (Do thái) đến núi Horeb Sinai là nơi được Chúa truyền cho mười điều răn. Trong kinh Exode (20) có tóm tắt như sau:

- 1) Không còn vị thần nào đứng trước mặt Ta...
- 2) Chớ nên tự tạo hình-cốt.
- 3) Chớ nên kêu tên Đức Chúa Trời vô cớ.
- 4) Hãy nhớ ngày nghỉ để hành Thánh-lễ.
- 5) Hãy thờ kính cha mẹ.
- 6) Chớ giết người.
- 7) Chớ tà-dâm.
- 8) Chớ trộm cắp.
- 9) Chớ làm chứng dối.
- 10) Chớ đoạt nhà người, chớ muốn vợ người, chớ tham của người.

Với sự truyền-bá mười điều răn trong dân chúng, sự sùng-bái Đức Chúa Trời được diện-định. Mọi người đều tin-tưởng Đức Chúa Trời là chúa tể hữu ngã toàn-năng có đủ quyền-lực sáng-tạo ra thế-giới và muôn loài. Con người đều là con của Chúa.

Theo Sấm-truyền cho biết thì từ lúc sơ-khai, Đức Chúa Trời dựng nên càn-khôn vũ-trụ trong bảy ngày: ngày thứ nhất, Chúa dựng nên bầu trời và trái đất; ngày thứ hai, Chúa dựng nên các tầng Trời; ngày thứ ba, Chúa phân-tích đất và nước ra, nước bao bọc mặt địa-cầu làm thành biển, còn đất thì sanh ra các giống cây cối, ngày thứ tư Chúa tạo



ra Mặt trời và Mặt Trăng soi sáng trái đất; ngày thứ năm, Chúa tạo ra các loài chim và cá; ngày thứ sáu, Chúa dạy đất sinh côn-trùng và lục súc; đồng thời Chúa tạo ra con người linh-trí hơn vạn vật và đặt tên người thứ nhất là A-Dong; ngày thứ bảy, công việc đâu đó đều xong nên Chúa lấy ngày này làm ngày lễ để tạ ơn Chúa.

Sau khi dựng nên trời đất, Chúa truyền cho ông A-Dong đến giữa vườn Diêu-lạc là nơi vui-vẻ có đủ hoa quả ngọt ngon. Trong vườn có hai thứ cây màu: 1) Cây hằng sống; 2) Cây biết việc lành dữ. Chúa cho phép ông A-Dong được ăn một trái cây trong vườn, chỉ trừ ra "cây biết việc lành dữ" thì Chúa cấm.

A-Dong ở đó một mình cảm thấy hiu-quạnh, muốn có người làm bạn cho vui, nên thừa lúc ông ngủ, Chúa rút 4 cái xương sườn của ông tạo nên một người đàn bà, đặt tên là E-va. Từ đó, hai người thành vợ chồng, cùng nhau hưởng sự thanh-nhàn an-lạc.

Một hôm có con rắn đến xúi gục bà E-va hái trái cấm mà ăn. Thấy ngon, bà bèn hái cho chồng cùng ăn. Thế là cả vợ chồng ông A-Dong cùng phạm-giới, và ngay khi ấy nhận thấy mình thân-thể lỏa-lồ, nên xấu hổ đem nhau đi ẩn.

Đức Chúa Trời đến gọi, ban đầu A-Dong không dám ra vì hổ mình trần trụi, nhưng sau bạo-dạn ra nộp mình và đổ lỗi cho vợ cám-dỗ. Đến lượt E-va lại đổ lỗi cho con rắn. Đức Chúa Trời bèn ra lệnh phạt con rắn từ đây phải bò sát đất, còn vợ chồng A-Dong và E-va bị đuổi ra khỏi vườn, bắt sống cuộc đời cơ-cực, vì đất sẽ sanh ra gai góc cỏ hoang.

Bị đầy xuống trần-gian, hai vợ chồng ông A-Dong rất khổ sở, phải làm lụng vất vả mới có mà ăn.

Ngày lụn tháng qua, sanh con đẻ cháu, chẳng bao lâu dân-số rất đông. Sau khi thi-tổ loài người qua đời thì hàng miêu-duệ không còn mấy ai cung kính Chúa nữa, tính-tình hung-hăng, ăn ở ngổ-nghịch.

Không thể dung-thứ được, Đức Chúa Trời quyết trừng phạt loài người. Ngài định gây ra trận Đại hồng-thủy nhận chìm cả muôn loài vạn vật mà Ngài đã tạo ra. Nhưng trước khi thi-hành, vì thấy gia-đình ông Nô-ê còn biết tuân lời Ngài, nên Ngài dạy ông đóng một chiếc thuyền để cứu gia-đình khỏi nạn lụt. Khi nước dâng lên khỏi ngọn núi đến 15 thước, hai vợ chồng ông Nô-ê và ba đứa con trai với ba nàng dâu, nhờ ở trong thuyền nên được sống sót.

Từ đó gia-đình ông Nô-ê sanh-sản càng ngày càng đông gây nên dòng giống loài người khắp mặt đất.

Nói tóm lại, theo Sấm-truyền và tin-tưởng của tín-đồ Gia-tô-giáo, muôn loài vạn vật đều do Đức Chúa Trời sáng-tạo. Ngài là Đấng tối-cao, toàn-năng, toàn-thiện.

Quan-niệm nhất thần đến đây hoàn-thành quá-trình của nó. Từ tin-tưởng đa-thần ở buổi sơ-khai, đến Akhoumatoum, kết-tinh thành quan-niệm độc-thần, nhưng vô-ngã. Khi ông Mô-se thần-giao với

ngọn lửa thiêng thì cái sức toàn-năng ấy được cụ-thể-hóa thành một đấng Thiên-Chúa hữu-ngã, nhưng cũng chưa được người đời ý-thức rõ-rệt như khi Chúa Giê-su đứng lên hoàn thành qui-mô của Gia-tô-giáo.

Thật ra, Chúa Giê-su chỉ có công hoàn thành những công-trình mà Môi-sen đã sáng-tạo và các ông Zérémie, Isaie, Zarachie...đã xiển-minh. Xét như trường-hợp thần-giao với Đức Chúa Trời của Chúa Giê-su nào có khác thần-giao với ngọn lửa thiêng của ông Môi-se. Cả đến bài giảng trên núi của Chúa Giê-su cũng không xa những giáo-lý mà ông Môi-se đã trình bày trong mười điều răn cấm.

Chúa Giê-su đã khiêm-nhường nhận rằng: "Các ngươi đừng tưởng Ta đến đây đặng xin bỏ lề-luật hay hủy bỏ lời dạy của các nhà tiên-tri. Ta không bỏ gì cả. Ta chỉ hoàn-thành mà thôi. Ta nói thật cùng các ngươi: trời đất qua nhưng một chấm hay một nét chữ cũng không lọt qua lề-luật cho đến khi mọi sự đều được toàn-hảo."

Chẳng những tiếp-tục, Chúa Giê-su còn làm sáng tỏ những giáo-lý đã truyền dạy. Như về điều răn: "Chớ giết người", Ngài đã giải thêm rằng: "ngươi chớ giết người, nhưng hễ ai giết người thì phải bị ra trước tòa-án chịu xét đoán". Cũng như về điều răn: "Chớ tà-dâm". Ngài còn giải rộng hơn nữa: "Các ngươi cũng từng nghe khuyên: Ngươi chớ tà-dâm. Song Ta nói cho ngươi biết: hễ ai ngó tới phụ nữ mà động lòng tà-dục thì kẻ đó đã mắc tội tà-dâm rồi. Nếu mắt ngươi làm cố cho ngươi sa ngã thì ngươi hãy móc nó mà quăng đi cho thật xa, thà là một phần thân-thể ngươi mất hơn là cả xác thân ngươi phải sa địa-ngục."

Đại khái, những điều răn dạy của các nhà tiên-tri tiền-bối đều được Chúa Giê-su xiển-minh và lập thành hệ-thống, tựu trung đều biểu-dương uy-lực của Đức Chúa Trời và kêu gọi mọi người cùng thờ Chúa, để được trở về Thiên-quốc với Chúa, vì Ngài tự xưng là con của Chúa xuống thế.

Đứng trên phương-diện ý-thức Tây-phương mà xét, giáo-lý của Đạo Gia-tô làm thỏa mãn phần nào các khát-vọng tìm hiểu vũ-trụ bằng những biện-giải hữu-hình duy-vật. Các triết-gia cho rằng nguyên-tổ là bản-thể của vũ-trụ, còn những người tin-tưởng vật-linh thì xem mọi hiện-tượng thiên-nhiên trong vũ-trụ là những vị thần có quyền-lực tác phúc tác họa. Kể ra, quan-niệm này cũng đồng tánh-chất với quan-niệm của các triết-gia; thay vì xem vũ-trụ là nguyên-tổ vô-tri thì người tin-tưởng vật-linh xem vũ-trụ là những nguyên-tổ hữu-tri, nhân-cách-hóa hay thần-hóa. Rồi để phù-hợp với lý-trí, quan-niệm đa-thần lần lần phai-mờ theo thời-gian mà những chỗ cho nhất-thần-giáo. Đến đây mọi thắc mắc của con người đứng trước vũ-trụ huyền-bí được phần nào cởi mở. Con người sống yên tâm dưới sự bảo-trợ của Đấng Toàn-năng và vững lòng nhìn về hậu kiếp. Đó là chưa nói hạnh-phúc mà con người sống lương-thiện theo đạo-nghĩa nhân-luân mà tôn-giáo đã qui-định cho mọi tín-đồ cùng giữ.

Chính chỗ đó tôn-giáo đi gần con người hơn các triết-gia.

## 2°) NHO GIÁO

Thật ra, Khổng-Tử không phải là người khai-sáng Nho-giáo, mà chỉ có công khôi-phục và lập-thành hệ-thống đạo Thánh-hiền đã có từ trước. Cứ xem trong các tác-phẩm của Khổng-tử, chỉ vồn-ven có bộ kinh Xuân-Thu là do ngài sáng-tác, còn kỳ dư như kinh Dịch, kinh Thi, kinh Thư...đều là công-trình san-định cả. Chính Khổng-tử cũng tự nhận rằng: "Ta có đặt ra gì mới đâu, ta chỉ thuật lại người đời trước mà thôi."

Trước Khổng-tử, những người học Đạo của Thánh-hiền được gọi là Nho, nghĩa là hạng người thông hiểu lẽ trời và lẽ người, có chí-hướng thanh-cao, mong giúp nhân-quần xã-hội, biết cách ăn ở hợp với luân-thường đạo-nghĩa mà các minh-quân thánh-triết đã lưu lại, hoặc bằng khẩu-truyền hoặc bằng văn-tự.

Hấp-thụ và khôi-phục cái kho-tàng trí-thức còn rời-rạc ấy, Khổng-tử đã gia công học-tập và nghiên-cứu. Trước hết, ngài đến nhà Minh-đường của Chu-công lập ra ở Lạc-ấp là một bảo-tàng-viện chứa nhiều bảo-vật và sách sử của Thánh-hiền đời trước. Ngoài việc nghiên-cứu cổ thư, ngài còn đến hỏi lễ nơi Lão-tử, học nhạc ở sư Trành Hoảng, tha-thiết với sự cầu học không biết mỏi. Ngài đã từng nói: "Ta không phải là người sanh ra đã biết, chỉ là người thích đạo của Thánh-hiền đời trước và cố sức mà cầu lấy cho được."

Xem đó Khổng-tử cũng như Chúa Giê-su, chỉ có công phục-cổ hơn sáng-tạo. Nhờ tinh-thần thích đạo Thánh-hiền mà ngài đã khôi-phục Nho-giáo và lập thành một hệ-thống tư-tưởng về vũ-trụ và nhân-sanh. Về vũ-trụ ngài phát huy học-thuyết của Nho gia nói về cuộc biến-hóa của vạn vật quan-hệ đến vận-mạng của nhân-loại; còn về nhân-sanh, ngài định rõ những điều nói về luân-thường đạo-lý ở trong xã-hội.

## VŨ-TRỤ-QUAN

Vũ-trụ-quan theo Nho-giáo là một cái lý độc-nhất tuyệt-đối mà Khổng-tử gọi là Trời; nhưng quan-niệm về Trời của Khổng-tử khác hơn quan-niệm về Trời của Gia-tô-giáo. Cứ theo tín-đồ Gia-tô thì trời là Thần-ngã có đủ quyền-năng chưỡng-quản muôn loài vạn vật. Còn đối với Nho-giáo, Trời là một danh-từ trừu-tượng, là cái bản-nguyên vạn vật, cái nhất-nguyên thuần-túy, cái lý thiên-địa vạn vật nhất thể châu biến khắp nơi, chẳng chỗ nào là chẳng có. Khi thì nó tiềm-tàng, khi thì nó hiển-hiện ra trong muôn loài vạn vật, tuy thiên sai vạn thù, thiên biến vạn hóa, nhưng tựu-trung chỉ là một cái lý độc nhất tuyệt-đối. Hiểu theo nghĩa bao-quát cả thế-gian thì gọi là Trời, hiểu theo nghĩa cùng tốt thì gọi là Thái-cực.

Thái-cực là cái lý rất linh-diệu, thuần nhất vô hạn, không thể lấy

lý-trí xét đoán hữu-hạn mà lý-giải cái bản-thể của nó. Nó đồng nghĩa với chân-như của nhà Phật hay cốc-thần của Lão-tử.

Cứ theo Nho-giáo thì vũ-trụ lúc ban sơ chỉ là một khối mờ-mịt, một cuộc hỗn-mang. Trong cái hỗn-mang ấy có cái lý linh-diệu siêu-thực gọi là Thái-cực. Vì cái lý siêu-hình, tiềm-tại, nên không thể dùng trí-thức la-tập giải bày ra được. Tuy nhiên, trong cái bầu trống không ấy, có hàm-chứa cái mầm sinh-hóa biểu-hiện cái động thể ra ngoài bằng cái tương-đối: động tĩnh, nóng lạnh, sáng tối, cứng mềm...mà cổ-nhân gọi là Lưỡng-nghi hay Âm dương.

Khi âm dương chưa định thì khí khinh-thanh vượt lên làm trời, cái khí trọng-trước lắng xuống làm đất, ở khoảng giữa trời đất, âm dương điều hòa nhau mà sanh ra muôn loài vạn vật. Cho nên trong Kinh Dịch nói rằng: *‘Đạo Dịch có Thái-cực, Thái-cực sanh ra lưỡng-nghi, lưỡng-nghi sanh ra tứ-tượng, tứ-tượng sanh ra bát-quái.’*

Như vậy theo Nho-giáo, khởi điểm của Tạo-hóa là hai cái tương đối âm dương đùn đẩy nhau, điều-hòa nhau mà sanh sanh hóa hóa ra mãi. Phàm hề dương lên đến chỗ cùng cực lại biến ra âm, âm lên đến chỗ cùng cực lại biến ra dương, biến-hóa luôn không lúc nào ngưng đọng. Nên chi ông Chu-liêm-Khê trong Thái-cực-đồ-thuyết có viết: *‘Thái cực động thì sanh dương, động cực thì tĩnh, tĩnh thì sanh âm, tĩnh cực phục động.’* (Thái-cực động thì sanh ra dương, nhưng động cùng-cực lại tĩnh, tĩnh thì sanh ra âm, nhưng tĩnh cùng cực lại động).

Sự động tĩnh của hai thể âm dương là nguyên-lý dịch biến của trời đất muôn vật. Bất cứ vật nào cũng phải có biến mới tiến-hóa; không biến tức là ngưng đọng, mà ngưng đọng thì thối-hóa hay hoại. Đạo trời đất theo lý động tĩnh của âm dương mà biến-hóa luôn; hết cái qua là có cái lại, qua qua lại lại không hề dứt, cũng như ‘dòng nước chảy hoài ngày đêm không thôi’ (Thệ giả như tư phù bất xá trú dạ). Cái vừa mới thấy đó đã biến thành cái quá khứ mất rồi, không có cái gì đứng yên cả: cái gì cũng đang trở nên.

Đó là cả lý biến-hóa vũ-trụ mà Khổng-tử thuyết-minh trong Kinh Dịch. Sự biến-hóa ấy, như Kinh Dịch đã nói, là do một âm một dương hòa-hợp mà làm thành đạo trời đất, cứ theo cái đạo ấy mà đi là *thiên*, thành được đạo ấy là *tánh*. Chỉ có kẻ nhân-giả mới thấy được cái đạo ấy, cho nên gọi là *trí*. Còn trăm họ, tuy hằng ngày vẫn ở trong cái đạo ấy mà mờ mịt không biết. Vì vậy cái đạo của người quân-tử ít có vậy. (Hệ từ thượng).

Thế nên, Khổng-tử chủ trương: cho được thuận tòng thiên-lý, phải sống theo Đạo Dịch, tức là đạo biến-thông của Trời Đất. Ngài nói rằng: *‘Dịch là khi cùng thì biến, khi biến thì thông, khi thông thì trường-cửu’*. (Hệ từ hạ). Nếu vật đến chỗ cùng mà không biến thì thành ra cùng, cho nên cần phải có biến mới thông. Ví như dùng nước nếu không thông thì ứ lại, mà ứ lại thì phải vỡ.

Vậy học-thuyết của Khổng-tử là chủ ở Đạo Dịch. Biết áp-dụng

dịch-lý vào đời sống thì thông-quan được vũ-trụ, thấu-triệt được thực-tại, chẳng bao giờ gặp cảnh cùng tắc, vì rằng : *“Dịch là sách không xa sự thật, mà Đạo Dịch là biến-đổi luôn luôn, không ở nhất định chỗ nào, chuyển khắp cả sáu cõi, trên dưới không thường, cang nhu thay đổi nhau, không lấy làm điển-yếu, chỉ cốt thích hợp với sự biến-đổi mà thôi.”* (Hệ từ hạ). Trong *“Hàn thi ngoại truyện”* cũng nói rằng: *“Phù Dịch hữu nhất đạo yên. Đại túc dĩ trị thiên-hạ, trung túc dĩ an gia quốc, cận túc dĩ thủ kỳ thân giả”*. Dịch là một mỗi Đạo, lớn thì đủ sửa trị thiên-hạ, vừa thì đủ làm yên nước, gần thì đủ để giữ lấy mình.

Tinh-thần Dịch-lý ấy được xiển-minh trong thiên Hồng-phạm. Trong Kinh Thư cho biết rằng ở thời cổ Trung-hoa, sông Hoàng Hà gặp nạn Hồng-thủy, sông ngòi ú nước, cây cỏ mọc lan, mãnh thú hoành hành, dân-cư khổn khổ. Ông Cỗ được vua Thuấn giao phó công việc trị thủy nhưng không thành vì nghịch hành với thế-lực tự-nhiên. Về sau ông Vũ thay-thế cha là ông Cỗ, đứng ra lãnh việc trị thủy, khơi ngòi cho nước úng tắc chảy ra biển, nhờ thuận theo thế-lực tự-nhiên nên trừ được nạn thủy-lao.

Trong Kinh Thư nơi thiên Hồng-phạm chép lời Cơ-tử có kể lại rằng: *“Tôi nghe xưa kia ông Cỗ đắp đê làm bế-tắc Hồng-thủy, làm loạn thuận-tánh của ngũ-hành tức là nghịch lại thiên-đạo. Trời bất-bình chẳng ban cho Hồng-phạm Cửu-trù (Phép lớn nói về chín mỗi thứ tự của tự-nhiên) cho nên ông Cỗ uất ức mà chết. Ông Vũ được nổi-nghiệp phục-hưng. Trời bèn ban cho Hồng-phạm Cửu-trù, thuận-hành theo đạo thường của Trời Đất”*.

Ông Cỗ sở dĩ thất bại là vì không thuận theo đạo thường, đến như ông Vũ, nhờ biết áp-dụng cái lý cùng thông của đạo, thuận theo thế-lực của ngũ-hành cho nên thành-công.

Thế nên người quân-tử cần phải hiểu Dịch-lý để áp-dụng vào mọi trường-hợp xử thế tiếp vật. Nhờ phỏng theo luật phép của trời, *“cho nên có thể làm giềng-mối cho đạo trời. Ngược lên có thể quan-sát hiện-tượng của thiên-văn, cúi xuống có thể xem xét địa-lý, cho nên biết lý lẽ và sự sống chết”*. (Hệ-từ thượng).

Như vậy, sự tìm hiểu qui-luật vũ-trụ hay Dịch-lý của Khổng-tử, có một dụng-ý khác hơn các nhà triết-học. Khổng-tử không tiến sâu vào bản-thể-luận mà chỉ tìm hiểu thiên-lý để phục-vụ nhân-sanh mới là vấn-đề quan trọng.

## **NHÂN-SANH QUAN**

Có thể nói Khổng-giáo là một đạo thống lấy nhân-sanh làm căn-bản. Cho nên, về Hình-nhi thượng-học, mặc dầu Khổng-tử có thuyết-minh về Dịch-lý nhưng không đề-cập nhiều đến những vấn-đề thuần-túy siêu-hình như các đạo khác.

Một hôm Tử-lộ hỏi Khổng-tử về đạo thờ quỷ thần thì ngài đáp rằng: *“Đạo thờ người còn chưa biết, sao biết được đạo thờ quỷ thần.”*

Tử-lộ lại hỏi về sự chết thì ngài đáp: ‘sự sống còn chưa biết, sao biết được sự chết (Luận-ngữ, Tiên-tấn). Nói thế không phải Khổng-tử phủ-nhận quỷ thần mà thật ra; Khổng-tử muốn cho môn đệ của ngài chú trọng việc xử thế hơn là hỏi đến những điều không cần ích cho sự tu-thân lập mạng.

Ngài vẫn tin Trời và quỷ thần, nhưng theo ngài, Trời chỉ là một lý linh-diệu, còn quỷ thần là khí thiêng liêng ở trong trời đất. Sự cúng-tế Trời và quỷ thần, đối với ngài, là để lòng tôn-kính chớ không có ý cầu phước, vì trời cũng như quỷ thần chẳng hề thiên-vị ai. Người ta ở đời cứ theo lẽ ngay chính, thuận theo thiên-lý mà làm còn việc thành hay bại, thành hay suy là do ở thiên-mạng. Thế nên, người quân-tử ‘trên không oán trời, dưới không trách đất, cứ bình dị mà đôi mạng’. (Trung Dung)

Có lần Khổng-tử mang bệnh nặng, Tử-lộ thỉnh ngài cầu đảo thì ngài hỏi rằng: ‘‘ Có lệ ấy chẳng ?’’ Tử-lộ đáp có. Trong sách Luy có câu: chúng tôi cầu đảo với thiên-thần và địa-ly. Khổng tử bèn nói: Ta đây đã cầu đảo lâu rồi. (Luận ngữ : Thuật nhi) Sở dĩ Khổng-tử nói thế là vì ngài tin ở việc làm của ngài đều thuận lẽ trời, hợp với lòng người, như vậy là đủ rồi thì còn cầu đảo mà làm chi nữa.

Với tinh-thần vu thực và hòa hợp lẽ tự-nhiên của trời đất, Khổng-tử muốn sao mọi người cùng sống theo tinh-thần ấy thì xã-hội thái-bình, muôn dân an lạc, như thời-kỳ Nghiêu Thuấn. Thế nên trong sách Trung Dung có nói rằng: ‘Trọng-Ni tổ-thuật đạo Nghiêu Thuấn, bắt chước phép vua Văn vua Vũ. Trên thì theo Trời dưới thì tùy thủy thổ mà an vui ‘.

Hoài-bảo của Khổng-tử là muốn phục-hoạt cái xã-hội Nghiêu Thuấn, nên hằng đem tư-tưởng và hành-vi của các bậc đế vương đời trước ra dạy thiên hạ.

Xã-hội Nghiêu Thuấn là một xã-hội thịnh-đức xây dựng trên chế-độ gia-trưởng. Gia-tộc là một đoàn-thể thuần-nhất trong đó mọi phần-tử hoạt-động có trật-tự và qui-thuộc về đầu não là quyền thống-lãnh của người cha. Nói cho rộng ra, quốc-gia là một gia-tộc cực lớn trong đó quyền thống-trị đều giao-phó cho một người thay mạng Trời mà cai-trị, tức là thiên-tử hay ông vua. Mặc dầu trong một gia-tộc hay trong một nước gồm nhiều phần-tử, địa-vị khác nhau, nhưng thấy đều hoạt-động có trật-tự, đâu ra đó: vua ra vua, dân ra dân, cha ra cha, con ra con, chồng ra chồng, vợ ra vợ.

Cái trật-tự ấy sở dĩ được giữ vững là nhờ người trên biết làm gương mẫu cho kẻ dưới, và người dưới biết phục tùng người trên.

Phàm muốn cho kẻ dưới tôn-kính thì người trên phải làm gương mẫu. Hạng người gương mẫu ấy Khổng-tử gọi là người quân-tử, và đạo của ngài là cốt dạy người đời thành hạng người quân-tử, tức là người có đức-hạnh hoàn toàn và nhân-phẩm cao quý.

Phương-pháp để giáo-huấn nên hạng người quân-tử ấy, có thể

tóm lược như sau: "Cách dạy của Khổng-tử, trước hết dạy Thi Thư, rồi lấy hiếu để mà dẫn dắt, lấy nhân-nghĩa giảng-dụ, lấy lễ nhạc khiến người xem xét, sau cùng mới lấy văn lấy đức mà làm cho nên người." (Khổng-tử gia ngữ). Học Thi Thư là để mở mang trí-thức, gây tâm khí nhu hòa; học hiếu để là gây lấy lòng ái và kính; học nhân-nghĩa là để un đúc lòng thuần-lương chí-khí, học lễ nhạc là để giữ đức độ ngay chính hàm dưỡng tánh tình; còn học văn chương và đạo-đức là để trau dồi kiến-thức, nghiêm-trang nết-hạnh.

Người mà hiểu rộng Thi Thư (sách tuyên-dương công-đức của các bậc đế-vương đời trước), hiếu với cha mẹ, thuận với anh em, lấy nhân-nghĩa đối xử với mọi người, giữ lễ phép, tánh-tình nhu hòa như bản nhạc, học-thức uyên-bác, đức-độ trang-nghiêm, là hạng người nhân-phẩm hoàn-toàn, an vui với bốn-phận, gặp cảnh khốn cùng cũng không đổi chí, giàu sang chẳng kiêu-căng, trước uy-vũ không khuất-phục.

Hạng người như thế đáng làm gương mẫu cho thiên-hạ. Người dưới sẽ nhờ được đức độ của người trên cảm-hóa mà trở thành thanh-cao tốt đẹp. Vì rằng: "Đấng nhân-quân ví như cái mâm, hễ cái mâm tròn thì nước đựng trong đó phải tròn; đấng nhân-quân ví như cái chậu, hễ cái chậu vuông thì nước trong đó phải vuông." (Tuân-tử: Quân-đạo).

Vai trò của người quân-tử trong xã-hội, quan-trọng dường ấy, cho nên lúc nào người quân-tử cũng sửa mình cho thành người có đức-hạnh. Mỗi người phải lo tu thân, nhưng muốn tu thân trước phải giữ cái tâm cho chính, cái ý cho thành, rồi mới cách vật trí-tri.

Nếu mọi người đều sống đúng với đức: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín và lấy đó làm phương-châm hằng ngày thì tự mình đã trở nên con người biết tự-trọng, tự cường mà trật tự xã-hội cũng được duy-trì và đời sống nhân-quân tiến tăng an lạc.

Được như thế là mục-đích của Đạo Khổng đã đạt.

Khổng-tử tha thiết với sự đào-luyện nên hạng người cao đẹp ấy, nên không dứt khuyến-khích mọi người trở lại với nếp sống của đời thánh-đức.

Do đó, Nho-giáo có thể nói là một môn triết-học luân-lý hơn đạo-giáo. Từ hình-nhi thượng-học, Nho-giáo đi lần xuống hình-nhi hạ-học, khác hơn Gia-tô-giáo từ xã-hội con người tiến lên Thượng-đế.

### **3°) LÃO-GIÁO**

Cùng một tinh-thần phục-cổ, nhưng Lão-tử khác hơn Khổng-tử ở chỗ, một đằng thì sùng thượng đạo-lý của cổ nhân để làm phương-châm xuất-thế, còn một thì phục-hoạt đạo Thánh-hiền để làm phương-châm nhập-thế.

Khổng-tử cố đem dịch-lý và đạo-thống nhân-nghĩa của Phục-Hy, Văn-vương, Châu-công giáo-hóa người đời, quyết thực-hiện một xã-hội

thánh-đức như thời-kỳ vua Nghiêu vua Thuấn.

Đến như Lão-tử thì không thế. Ngài không đem cái học nội-truyền vô-ngôn, vô-văn-tự thực-hành như Khổng-tử, mà trái lại dùng hình-thức hữu-vi của cơ ngoại-truyền dắt dẫn người đời trở lại cơ bí-truyền vô-vi nội-tĩnh. Có thể nói một cách giản-dị hơn: Khổng-tử từ trên nguồn đổ xuống, còn Lão-tử thì nghịch giòng trở lại nguồn.

Ở thời-kỳ thái-cổ, tâm-tánh con người còn mẫn-nhuệ, dễ thông-cảm nhau, nên không cần văn-tự hay ngôn-ngữ. Như Kinh Huỳnh Đình là một kinh bi-văn của Đông-hoa Phù-tang Đế-quân. Bởi không phải ai cũng có thể đạt đến hay hiểu nổi, nên Lão-tử mới dùng văn-tự giải ra theo trình độ trí-thức của thế-nhân. Đó là phần ngoại-truyền hay ngoại-thiên. Nó chỉ là cái bông, cái hữu-hình để cho người nương theo đó mà đạt đến cái vô-hình.

Nhà đạo-học Ngô Nguyên-tử, trong *Huỳnh Đình Kinh Giải* có nói rằng: 'Huỳnh-đình xuất ở tiên-thiên, nhưng chứa ở hậu-thiên. Nó vốn không hình-tượng không danh-tự, nên cưỡng vẽ nó bằng cái vòng tròn và cưỡng gọi tên nó là Huỳnh-đình. Nhân cái vòng tròn ấy sinh ra vạn vật, nên gọi là Huỳnh-đình, và nó biến-hóa khôn lường nên gọi là Thần. Huỳnh-đình là thể, còn Thần là dụng; ấy một vật mà có đến hai tên. Bên Nho tu nó thì gọi là môn Đạo-nghĩa; bên Thích tu nó thì gọi là pháp-môn Bất-nhị; còn bên Đạo tu nó thì gọi là cửa của muôn diệu'.

Mượn cái hữu-hình, hữu-danh (Huỳnh-đình) để đạt đến cái vô-hình, vô-danh (Đạo), đó là phương-pháp phản-bản hoàn-nguyên của Lão-tử quyết thực-hành, hầu đưa nhân-sanh từ cái tiểu-thể hữu-vi vọng động trở về nhập với cái đại-thể duy-nhất vô-vi tịch-tĩnh.

Theo Lão-tử đời sở dĩ hỗn-loạn là vì người đời quá thiên-trọng về trí-xảo, về đa-sự. Đời càng trí-xảo, đa sự thì càng nghịch-hành lại Đạo-thường. Một khi 'chẳng biết Đạo-thường mà vọng động làm theo ý riêng thì ắt gặp điều nguy-hại'. (Bất tri thường vọng tác, hung). Để thuận hành với Đạo-thường, thể-nhập với Đạo-thường, Lão-tử chủ-trương tĩnh sự, (bớt việc) vô-vi, bởi lẽ hễ vô-vi, kiến tĩnh, vô-sự, vô-sức thì con người sẽ tự-hóa, tự-chánh (ngay chánh), tự-phú (phong-phú), tự-phác (tính thuần-phác).

Cái khái-niệm về vũ-trụ và nhân-sanh này được Lão-tử thuyết-minh trong Đạo-đức kinh mà chúng tôi xin cứu xét trong ba đề-mục: Bản-thể-luận, Danh-tướng-luận và Công-dụng-luận.

### **BẢN-THỂ LUẬN**

Các nhà triết-học hiểu vũ-trụ là do nhiều nguyên-tổ hợp-thành, nghĩa là hiểu vũ-trụ bằng hình-thái hữu-vi. Khổng-tử hiểu vũ-trụ là vật siêu-thức, nên gọi nó bằng danh-từ Thái-cực. Nhưng đối với Lão-tử, bản-thể vũ-trụ hay cái Đạo tự-nhiên của Trời Đất không thể dùng danh-từ hay ngôn ngữ mà đặt tên hay giải-thích được, vì nó ở ngoài phạm-vi nghĩ bàn của người thường tục. Nó có thể trực-nhận bằng tâm-thức chứ không thể đạt đến bằng trí-thức. Cái chân-lý tuyệt-đối



ấy Lão-tử cũng gọi là Đạo. Nhưng một khi ‘ Đạo mà có thể lấy danh-từ giải-thích được, lấy hình-thức hữu-vi qui-định được thì không phải là cái đạo thường phổ-biến trong vũ-trụ.’ (Đạo khả đạo, phi thường đạo).

Về bản-thể, cái Đạo ấy vốn không có tên (Đạo thường vô danh), trạm-nhiên vắng lặng (Đạo thường vô-vi) là một cái Đạo thực-tại, Đại tự-nhiên, không chỗ nào là chẳng thông, không lúc nào là chẳng có. Nó sanh ra trước Trời đất (Tiên thiên-địa sanh), là tổ-tiên của Thiên-đế (Thượng đế chi tiên). Cường đặt tên, Lão-tử gọi là Cốc-thần, là Huyền-tẩn. Cốc-thần có nghĩa là cái hang không hình tượng, hư-vô, linh-diệu, vĩnh cửu trường tồn, có thể hàm chứa muôn vật. Huyền-tẩn là căn-nguyên của trời đất chỗ phát sanh ra muôn loài, bởi chữ tẩn có nghĩa là giống cái, giống hàm sự sanh nở. Dùng danh-từ Cốc-thần, Huyền-tẩn để gọi Đạo, đủ thấy Đạo, mặc dầu vô-hình, hư-linh nhưng có sức dung-nạp và hóa-sanh vô cùng vô tận.

Về **hình-tượng**, cái Đạo ấy lớn thì không có chi ở ngoài (Kỳ đại vô ngoại) mà nhỏ thì không có cái gì ở trong được (Kỳ tiểu vô nội). Nó chứa đầy cả trời đất, sâu dày rộng lớn cả không-gian. Thế mà xem thì chẳng thấy, để ý chẳng nghe, đón bắt cũng không gặp (Thị chi bất kiến, thính chi bất văn, bát chi bất đắc). Nó như hoảng như hốt, như mờ như mịt (Hoảng hê, hốt hê, yếu hê, minh hê). Đón tiếp nó thì chẳng thấy đâu là đầu, chạy theo nó thì chẳng biết đâu là đuôi (Nghinh chi bất kiến chi kỳ thủ, tùy chi bất kiến kỳ hậu). Nếu dùng lời nói mà nói thì nó lạt-lẽo không có mùi vị (Đạo chi xuất khẩu, đạ hồ kỳ vô vị). Thế nên gọi nó là cái hình-trạng của cái vô-hiện-tượng (Vô trạng chi trạng, vô tượng chi tượng).

Về **vạn-hành**, cái Đạo ấy chẳng sanh chẳng diệt, độc-lập trường-tồn, vĩnh-viễn chẳng biến cải (Độc-lập nhi bất cải). Nó châu biến khắp mọi nơi mà không biết mỏi (Châu hành nhi bất đãi). Bởi nó châu biến khắp nơi, nên kẻ học Đạo khi thể nhập được nó thì dù không ra khỏi cửa cũng biết rõ thiên-hạ, chẳng dòm qua cửa sổ cũng thấy đạo trời đất. (Bất xuất hộ, tri thiên hạ; bất khuy dũ, kiến thiên đạo).

Cho nên, về **ứng dụng**, cái Đạo ấy huyền-diệu vô cùng. Nó vốn vô-vi nhưng vô bất vi. Từ cái thể thanh-tĩnh, hư-linh, huyền-không, nó sanh ra một, hay nói như Nho-giáo, từ Vô-cực sanh ra Thái-cực. Một lại sanh ra hai, tức Thái-cực sanh ra âm-dương, rồi hai sanh ra ba và ba sanh ra vạn vật. (Đạo sanh nhất, nhất sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật). Nhưng dầu có sanh hóa vô cùng vô tận (nhất bản tán vi vạn thù), truy nguyên, cũng vẫn là một cái lý duy nhất (Vạn thù qui ư nhất bản). Trời được cái lý duy-nhất ấy mà trong sáng, đất được cái lý duy nhất ấy mà an định, chân-thần được cái lý duy nhất ấy mà linh-giác, hang cốc được cái lý duy nhất ấy mà sung-dinh, vạn vật được cái lý duy nhất ấy mà hóa sanh, các vương hầu được cái lý duy nhất ấy mà khiến thiên hạ trinh chánh. (Thiên đắc nhất dĩ thanh, địa đắc nhất dĩ ninh, thần đắc nhất dĩ linh, cốc đắc nhất dĩ dinh, vạn vật đắc nhất dĩ

sinh, chư hầu đặc nhất dĩ vi thiên hạ trính).

Khái-yếu, cái Đạo, theo quan-niệm của Lão-tử là như thế.

### **DANH-TƯỚNG LUẬN**

Cái Đạo ấy không thể phân-tích hay dung lời nói thuyết-minh được. Như vậy thì không có danh-từ nào để gọi. Cưỡng đặt cho nó cái tên là Đạo thì cái danh ấy chẳng qua là cái danh giả-định, chứ không phải là cái danh chân-thật, chân thường. Cho nên Lão-tử nói: "Danh khả danh, phi thường danh" Có nghĩa: danh mà gọi tên được thì không phải là cái danh chân thường bất biến. Mà không phải chân thường bất biến thì nó còn ở trong vòng tương-đối. Hễ còn trong vòng tương-đối thì còn so sánh, còn phân biệt, còn hình tướng, còn sanh diệt. Thế nên, khi có danh-từ thiện thì có danh-từ ác đối-lập. Những sự đối đãi giữa: đen với trắng, khó với dễ, đẹp với xấu, dài với ngắn, khéo với vụng, yếu với thọ, hay với dở, thấp với cao...nối tiếp nhau, không biết đến đâu là cùng tận, làm hoặc-loạn cả thế-gian. Sống mờ-mịt, rối ren giữa sự so sánh, khu biệt, khen chê, con người càng ngày càng chia chẻ, càng chạy theo các giả danh, giả tướng, quay lộn trong ân-nghĩa, oán thù, yêu thương ly biệt, xa dần thường-đạo chân-danh.

Trong Đạo-đức kinh, Lão-tử đề-cập rất nhiều về tương-đối-luận để phá tan sự mê chấp của con người, hầu làm sáng tỏ cái lý chân-thường tuyệt-đối.

Nơi chương hai, Lão-tử có viết: "*Thiên hạ giai chi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vị thiện, tư bất thiện dĩ. Cố hữu vô tương sanh, nan dĩ tương thánh, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, âm-thinh tương họa, tiền hậu tương tùy. Thị di Thánh-nhân xử vô-vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo. Vạn vật tác yêu nhi bất tử, sanh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, công thành nhi phát cư. Phù duy phát cư, thị dĩ bất khứ.*"

Có nghĩa: Thiên hạ đều biết điều mỹ và làm điều mỹ, thế là đã xấu rồi; thiên hạ đều biết điều thiện và làm điều thiện, thế là đã bất thiện rồi. Vì rằng điều mỹ đó không phải là chân mỹ, điều thiện nói đó chưa phải là chân thiện. Bởi chưa đạt đến chân mỹ, chân thiện, cho nên mới có "cái có" với "cái không" tương sanh, khó với dễ tương thành, dài ngắn nên hình, cao với thấp khuynh đảo lẫn nhau, âm với thính hòa điệu nhau, trước sau theo nối nhau. Bởi vậy Thánh nhân xử sự đều chuộng vô-vi, dạy người chẳng dùng lời nói. Trời đất có nói gì đâu, thế mà vạn vật vẫn vận-hành, sanh hóa mà chẳng cho là có, làm mà chẳng tự-thị tài-năng, kiến-tạo mà chẳng ở trong sự thành công. Chỉ vì không ở trong sự thành công, cho nên vĩnh-viễn chẳng mất. Điều thi-thiết của Thánh-nhân là như thế ấy.

Để làm tỏ rõ thêm quan-niệm của Lão-tử về danh-tướng-luận, đây xin dẫn thêm một đoạn, nơi chương hai mươi tám: "*Tri kỳ hung, thủ kỳ thư, vi thiên hạ khê, vi thiên hạ hác, thường đức bất ly, phục vi*

*ư anh nhi. Tri kỳ bạch, thủ kỳ thư, vi thiên hạ khô, vi thiên hạ hác, thường đức bất ly, phục vi ư anh nhi. Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc, vi thiên hạ thức; vi thiên hạ thức; vi thiên hạ thức, thường đức bất thắc, phục qui ư vô cực*”. Ở đời ai cũng chuộng mạnh (hùng), bỏ yếu (thư), nhưng Lão-tử thì bảo: khi biết được thể mạnh thì nên giữ thể yếu, thà làm cái khe nước của thiên-hạ; vì rằng khe nước thì ở dưới trũng, nên các lạch nước đều hội; người mà thủ phần yếu, phần thấp như khe nước thì thiên hạ đều qui phục. Khi làm được cái thể khe nước của thiên hạ thì chẳng những cái đức chân-thường không ly tán mà còn trở lại đồng thể với đũa trẻ sơ sanh, không tập nhiễm khí hậu-thiên. Cũng như khi biết điều sang (bạch) thì nên cam giữ chỗ tối (hắc): có như thế mới làm qui-tắc cho thiên hạ. Khi làm qui-tắc cho thiên hạ thì chẳng những cái đức chân-thường không sai thất mà còn trở về với Vô-cực tức Đạo vậy.

Sở dĩ người đời chọn mạnh bỏ yếu, chuộng sang bỏ tối, là vì mê lầm trong vòng tương-đối, chấp lấy cái giả-danh hữu-tướng, bỏ cái thường-danh vô-tướng. Thế nên, phàm muốn thoát ra khỏi vòng danh-tướng, cần xa lìa cái đa-phiên, đa-sự mà trở về với vô-vi thuần-phác (Phục qui ư thác).

Đó là chủ-trương của Lão-tử về thuyết tình-sự vô-vi.

### **CÔNG-DỤNG LUẬN**

Tuy chủ trương “vô-vi” nhưng thật ra là “vô-vi nhi vô bất vi” (không làm chẳng phải không làm). Bản-thể của vũ-trụ vốn hư-vô tịch-tĩnh, nhưng chính trong sự tịch-tĩnh ấy hàm-chứa sự hoá-sanh, tức là cái cơ-mẫu của sự hoạt-động. Không có cái gì tiến-hóa mà chẳng do cái cơ-mẫu tịch-tĩnh bất-động ấy phát-sinh.

Lão-tử nói rằng: *“Trí hư cực, thủ tĩnh độc, vạn vật tinh tác, ngô dĩ quan phục. Phù vật vân vân, các phục kỳ quý căn. Qui căn viết tĩnh, thi vị phục mạng. Phục mạng viết thường*”. Có nghĩa: Nếu thể theo Đạo mà hành, đạt đến chỗ cùng cực của cảnh-giới hư-linh mà giữ tâm cho được thuần-túy tinh-nhất thì đối với sự sinh-trưởng của vạn vật, ta có thể quan-sát được cái căn-nguyên phản-phục của nó. Dầu vạn vật có phiền-tạp, rốt nó cũng theo định-luật thiên-nhiên mà trở về nguồn-gốc nguyên-thỉ. Trở về nguồn-gốc gọi là Tĩnh, cũng gọi là Phục mạng, tức là trở về với tự-nhiên thì gọi là Đạo thường.

Như thuyết vô-vi của Lão-tử chính là cái động cơ của mọi sự dịch-biến, cùng một lý “động đến chỗ...trương “bất tranh” (không tranh chấp), “tri túc” (biết đủ), dùng yếu thắng mạnh (nhu thắng cương), giữ tánh như trước.

Trong Đạo Đức Kinh, nơi chương tám, Lão-tử có viết: *“Thượng-thiện như thủy, thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh. Xử chúng nhân chi sở ố, ky ư dạo. Cư thiện địa, tâm thiện uyên, dữ thiện nhân, ngôn thiện tín, chánh thiện trị, sự thiện năng, động thiện thời. Phù duy bất tranh, cố vô ưu*”. Có nghĩa: Người thiện sánh như nước, hay làm lợi

cho vạn vật mà không tranh chấp. Mọi người đều chán ghét chỗ đất thấp, nhưng kẻ thượng-thiện lại thích ở; do cái tánh mềm như nước ấy mà tiếp-cận với Đạo. Nhờ ở nơi đất lành, như nước ở đất thấp, nên tâm chí mới sâu xa, giao-du với người nhân ái, nói ra người tin dùng, chấp chương hay, việc tận sức năng, cử-động hợp thời cảnh. Chỉ vì không tranh chấp, cho nên không có sự lầm lỗi.

Đã không lầm lỗi mà còn hòa-đồng với mọi người, không phân-biệt kẻ thân người sơ, kẻ sang người tiện. Tuy tỏ ra mềm yếu như nước, nhưng nhờ ở nhu-hòa mà "yếu thắng được mạnh, mềm thắng được cứng" (Nhược chi thắng cường, nhu chi thắng cương), nhờ an thường thủ phận, biết sống đủ, nên tự tri (biết mình), tự thắng (thắng phục được mình, tự túc (tự mãn với điều mình có).

Về **Phương-diện chính-trị**, Lão-tử chủ-trương thuyết "vô vi nhi trị" (Không hành động mà nước trị (dân an). Sở dĩ nước không trị, dân không an là vì người đời quá chú trọng ở hình-thức hữu-vi, bày ra những ân với oán, những thưởng với phạt, pháp luật, binh đao vô cùng phiền nhiễu. Bởi có thi ân đức của nhà cầm quyền cho nên nhân dân mới khốn nạn; bởi kiến lập uy quyền cho nên mới có kẻ trốn tránh, pháp luật càng nghiêm thì người phạm pháp càng lắm; hiệu lệnh càng nhiều thì nhân dân càng chẳng tuân-thủ.

Lão-tử nói rằng: *"Dĩ chánh trị quốc, dĩ kỳ dụng binh; dĩ vô sự thủ thiên hạ. Ngô hà dĩ tri ký nhiên hồ? Dĩ thứ. Thiên hạ đa kỳ huý, nhi dân di bản; dân đa lợi khí, quốc-gia tư hôn; nhân đa kỹ xảo, kỳ vật tư khi; pháp lệnh tư chương, đạo tắc đa hữu. Cổ Thánh nhân vân: Ngã vô vi nhi dân tự hóa, ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chánh, ngã vô sự nhi dân tự phú, ngã vô dục nhi dân tự phác"*.

Có nghĩa: Lấy điều chánh sửa trị nước, lấy quyền mưu qui-trá dụng binh thì chỉ giữ được nước chớ không thủ được thiên hạ. Ta há chẳng biết điều ấy ư! Thứ nghịch hành thuyết vô-vi, sẽ thấy thiên hạ càng nhiều khổ nạn; chẳng được ở yên cho nên nhân dân càng nghèo khổ. Bởi sống không yên, nên nhân dân phải sắm lợi-khí để tự-vệ; lợi-khí càng nhiều thì quốc-gia càng loạn. Vì tự-vệ nên nhân dân đua nhau chạy theo kỹ-xảo, mà hễ càng nhiều kỹ-xảo thì trí-nguy tà-sự càng khởi lên. Quốc gia phải dùng pháp-lệnh để hạn chế, mà hễ pháp lệnh càng tỏ rõ thì kẻ đạo-tặc phạm pháp càng nhiều. Thế nên Thánh-nhân nói rằng: "Ta vô-vi mà dân tự hóa, ta hiếu tĩnh mà dân tự ngay chính, ta vô sự mà dân tự giàu, ta vô-dục mà dân tự trở lại thuần-phác.

Diệu-dụng của thuyết: "**vô-vi nhi trị**" là như thế ấy. Lão-tử muốn phục hồi cái xã-hội mà con người sống yên tĩnh dưới thời Thánh-đức của các bậc Hiền-triết Thánh-nhân. Người xưa tánh tình thuần-phác, ít nói ít làm, nhưng nội tâm rất linh-tri linh-giác, thể nhập với Đạo chân-thường hòa điệu với nguyên-lý vũ-trụ.

Cái xã-hội mà Lão-tử hằng mơ tưởng là cái xã-hội "*Tiểu quốc*

*quả dân, sử hữu thập bách chi khi nhi bất dụng, sử dân trọng tử nhi bất viễn tỵ. Tuy hữu chu xa, vô sở thừa chi, tuy hữu giáp binh, vô sở trần chi. Sử dân phục kết-thăng nhi dụng chi. Cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tỵ. Lân quốc tương vong, kê khuyến chi thịnh tương văn, dân chi lão tử bất dương vãng lai '.*

Có nghĩa: Nước nhỏ dân ít thì khiến dân có khí-cụ gấp mười gấp trăm mà chẳng dùng hết, khiến dân xem trọng sinh-mạng mà chẳng dời đi xa. Tuy có xe thuyền cũng không chỗ chở chuyên; tuy có binh giáp cũng không nơi bày bố. Như thế thì không có sự giao-thiệp hay chiến-tranh giữa các nước. Dân trở lại dùng phương-pháp thắt gút, chớ không dùng văn-tự, cam lòng với miếng ăn, đẹp với thức mặc, yên với chỗ ở, vui với phong-tục. Cho nên dân các nước láng-giềng có thể trông thấy nhau, tiếng gà gáy chó sủa giữa đôi bên đều nghe rõ, sống đến già chết cũng chẳng qua lại nhau.

Độc Lão-tử học giả Tây-phương có kẻ cho thuyết vô-vi là tiêu-cực, nhưng nếu có đặt sự an vui làm tiêu-chuẩn cho hạnh-phúc con người, thời lấy đời sống vô-vi làm nội-tĩnh của người thời xưa là thanh-cao siêu-thoát.

#### **4°) PHẬT GIÁO**

Lão-tử, Khổng-tử hay Giê-su được thế-nhân sùng-phụng như những vị khai-sáng, giáo-chủ của Đạo-giáo, Nho-giáo và Gia-tô-giáo, nhưng thật ra, mấy Ngài chỉ tiếp-tục và phục-hoạt những đạo-lý cổ-truyền, ra công phát-triển tổ-thành hệ-thống. Nghĩa là mấy Ngài tiếp-nhận những điều bí-truyền của cổ-nhân, chớ không phát-minh thêm hay tu chỉnh lại.

Đức Phật Thích-Ca thì không thế. Ngài ra đời ở xứ Ấn-độ là một xứ có nền văn-minh tối cổ. Trước Phật, đạo Bà-la-môn được xem như đạo chính-thống của Ấn-độ. Cứ theo Bà-la-môn-giáo thì trước khi Trời Đất vạn vật chưa sinh, có vị trời Phạm-thiên (Brahma) là đấng sáng-tạo ra con người và thế-giới. Quan-niệm này không khác Gia-tô-giáo nhận Đức Chúa Trời là đấng sanh ra muôn loài vạn vật. Nhưng với Bà-la-môn-giáo, Phạm-thiên còn được xem là căn-bản của vũ-trụ hay linh-hồn của vũ-trụ. Mọi vật đều là hình-thái hay tiểu linh-quang của Phạm-thiên và từ trong Phạm-thiên hay đại linh-quang sinh ra. Khi sanh thì do Phạm-thiên tạo thành và khi diệt thì trở về với Phạm-thiên. Vũ-trụ, vì chẳng khác nước của đạI-dương, khi bốc hơi lên thành mây, mưa xuống làm suối làm nguồn, đến khi chảy ra sông ra rạch lại hội về ở biển cả. Như thế, Bà-la-môn-giáo gặp nhau với Khổng-giáo ở lý Vô-cực và Lão-giáo ở lý duy nhất hay Đạo.

Thế là Phạm-thiên hay vũ-trụ, theo Bà-la-môn-giáo, vừa hàm nghĩa Thần-ngã như Gia-tô-giáo và lý duy nhất như Nho-giáo và Lão-giáo. Tư-tưởng này ngự-trị khá lâu ở cổ Ấn-độ, gây thành một trào-lưu gọi là thời-đại Phệ-đà, do bốn bộ kinh Phệ-đà (Veda) của Bà-la-môn-

giáo truyền-tụng.

Tiếp theo thời-đại Phệ-đà, ở cổ Ấn-độ xuất-hiện một thời-kỳ triết-học, hưng-thạnh không kém gì ở Hy-lạp. Thời-kỳ này gọi là thời-kỳ triết-học của sáu phái: Upanisad, Vedanta, Mimansa, Nyaya, Vaisesika, và Samkhya.

Bốn phái trước, mặc dầu chủ-trương có tiểu-dị, nhưng tựu trung đều xiển-minh kinh Phệ-đà hiểu vũ-trụ theo quan-niệm luận.

Trái lại, phái Vaisesika cũng gọi là phái Thăng-luận thì hoàn-toàn đứng về duy-vật-luận tìm hiểu bản-thể vũ-trụ.

Tổng-hợp quan-niệm duy-tâm và duy-vật, còn có phái Samkhya cũng gọi là phái Số-luận. Chủ-trương của phái này không khác chủ-trương của phái Aristote.

Nói tóm lại, trước khi Phật ra đời, ở cổ Ấn-độ, vấn-đề vũ-trụ đã được Bà-la-môn-giáo và sáu phái triết-học đề-cập đến rất nhiều. Có thể nói, vũ-trụ luận của cổ Ấn-độ là một sự tổng-hợp các nguồn tư-tưởng triết-học và đạo-giáo Đông-phương và Tây-phương. Như vậy, ở thời-kỳ Đức Phật ra đời, vấn-đề vũ-trụ đã được sáng tỏ và làm thỏa thích trí-thức nhân-loại một phần nào. Nếu ở vào địa-vị của Khổng-tử, Lão-tử hay Giê-su thì có lẽ Thái-tử Sĩ-đạt-ta chỉ còn gia-công xiển-minh hay phục-hoạt những đạo-lý cổ-truyền của Thánh-nhân.

Nhưng cái kho-tàng trí-thức ấy chưa làm cho Thái-tử hài-lòng, vì Thái-tử thấy còn thắc mắc về vũ-trụ và nhân-sanh mà các triết-gia và đạo-giáo không giải-quyết được hay có giải-quyết cũng còn trong vòng hữu lậu.

Thế nên, Thế-tử lìa bỏ đền-đài, ngôi báu, vào rừng sâu tu luyện cho đến ngày thành Phật, hoàn toàn sáng tỏ đặc-quả vô-lậu-trí, thấy rõ mười phương thế-giới, hiểu tận nguồn-gốc vạn vật quá-khứ, vị lai.

### **THẾ-GIỚI QUAN**

Vũ-trụ đối với Phật-giáo không có nguyên-nhân đầu tiên hay kết quả cùng cuối. Vạn hữu sanh diệt không nhờ phép nào bên ngoài mà chỉ tự nó làm nhân-quả lẫn nhau, chuyển nối không khi nào dứt. Cái quả hôm nay là do cái nhân hồi trước; cái nhân hồi trước là cái quả hồi trước nữa sanh ra. Cứ như thế ngược dòng thời-gian, nhân làm quả, quả làm nhân, không biết đâu là chỗ bắt đầu. Thế nên, đối với Phật-giáo vũ-trụ là vô-thỉ.

Nếu xét về hậu lai, kết quả cũng như thế. Cái nhân hôm nay sẽ có cái quả ngày mai, cái quả ngày mai sẽ làm cái nhân cho cái quả về sau nữa, và cứ như thế không biết bao giờ dứt. Thế nên, đối với Phật-giáo vũ-trụ là vô-chung.

Nhìn các hiện-tượng, nếu đặt nó riêng rẽ thì thấy có sanh có diệt, có thì có chung, nhưng nếu đứng về bản-thể mà xét thì chỉ là cái vòng nhân-duyên tương-tục. Khi có đủ nhân-duyên hội-hợp thì thành và khi nhân-duyên ly-tán thì hoại.

Đó là thuyết Duyên-khởi của Phật-giáo, rất thiết thực giải-quyết

mọi thắc-mắc về vật-thể và vũ-trụ. Hãy xem câu chuyện sau đây để nhận rõ Duyên-khởi-luận của Đức Phật:

Một hôm Đức Phật ở vườn Lạc-âm trong nước Duy-gia-la, có một bà già nghèo khổ đến bạch Phật rằng: "Sanh, Lão, Bệnh, Tử bốn điều khổ ấy từ đâu mà lại, và rồi đi về đâu? Cho đến lục-thức, lục-căn, ngũ-đại, các thứ ấy từ đâu đi đến và rồi đi về đâu?"

Đức Phật đáp: "Sanh, lão, bệnh, tử không từ đâu đến và cũng không đi về đâu. Cho đến lục-căn, lục-thức, ngũ-đại cũng không từ đâu đến và cũng không đi về đâu cả. Ví như hai khúc gỗ cọ vào nhau thì bật ra lửa, lửa trở lại đốt khúc gỗ, gỗ cháy hết thì lửa tắt. Các pháp cũng vậy, do nhân-duyên hội-hợp mà thành, nhân-duyên ly-tán mà hoại, không từ đâu đến và cũng không đi về đâu cả."

Như thế, sự sanh khởi của vũ trụ vạn hữu chẳng qua là do nhân-duyên hòa-hợp mà nhà Phật gọi là Duyên-khởi.

Về Duyên-khởi-luận, trong nhà Phật có mấy thuyết, đại khái như sau:

**Thuyết Nghiệp Cảm Duyên-khởi** nhận rằng: "Cái nhân-do làm cho vũ-trụ sanh-khởi là nghiệp-lực của chúng-sanh, như thế-giới vạn tượng đều là nghiệp-lực của chúng-sanh cảm-ứng mà ra cả. Từ vô-thỉ, chúng sanh do một niệm tưởng mê-mờ mà sanh ra các hoặc, hoặc tạo ra nghiệp, nghiệp dẫn đến khổ quả. Ba con đường: Hoặc, Nghiệp, Khổ ấy luân-chuyển và làm nhân-quả cho nhau, diễn ra cuộc luân-hồi sanh-tử không bao giờ dứt. Ta có thân hiện nay là do nghiệp tạo ra ở đời trước, cũng như các thân của kiếp sau là kết-quả của các nghiệp của thân quá khứ và hiện tại tạo nên. Vạn hữu cũng như thân ta, đều do nghiệp cảm sanh khởi.

**Thuyết A-lại-da duyên-khởi** nhận rằng: "Vũ-trụ vạn hữu đều do nơi A-lại-da, tức thứ tám biến hiện ra. A-lại-da có nghĩa là tàng-thức, chứa đựng hột giống của vạn pháp. Đặc tánh của thức A-lại-da cầm giữ và huân-tập (xông ướp) hột giống các pháp. Một khi hột giống gieo vào tàng-thức thì nó triển-chuyển và làm nhân-quả cho sự sanh tử luân-hồi. Hành-động hay nghiệp của ta cũng như các hiện-tượng ngoại duyên gieo hột giống vào tâm-thức. Hột giống ấy dẫn khởi các hành-động hay nghiệp mới và cứ như thế luân chuyển mãi mãi. Xem đó, thức A-lại-da là căn-bản của hiện-tượng-giới. Vạn pháp đều do một thức A-lại-da duyên-khởi.

**Thuyết Chân-như duyên khởi** nhận rằng: "Vũ-trụ vạn hữu là do chân-như biến hiện sanh-khởi. Chân-như là thực-thể bình-đẳng, vô-thỉ vô-chung, chẳng tăng chẳng giảm. Nhưng vì duyên theo nhiễm-tịnh mà sanh ra các pháp. Khi duyên theo nhiễm-thể thì hiện ra các tướng lục-đạo, còn khi duyên theo tịnh-thể thì vượt qua cửa tứ-thánh. Do đó có ba pháp: 1°) thể chân-như, 2°) Tướng sanh diệt, 3°) Dung nhân-duyên. Thể chân-như là nhân, nhân dung duyên làm duyên, nhân sanh ra tướng sanh diệt. Tướng sanh diệt tức là thức A-lại-da hiện-hành

vậy. Như thế thức A-lại-da là do chân-như sanh ra, nghĩa là tất cả vạn pháp đều do chân-như duyên-khởi.

**Thuyết Pháp-giới duyên-khởi** nhận rằng: ‘Tất cả các pháp trong pháp-giới, nào hữu-vi vô-vi, nào sắc-pháp tâm-pháp, nào y-báo chánh-báo, quá-khứ vị-lai đều thành một cái duyên-khởi lớn, chớ không có một pháp nào đơn-lập; cho nên một pháp thành ra hết thảy các pháp và tất cả các pháp khởi ra một pháp, nó vẫn nương tựa lẫn nhau, thành-tự lẫn nhau.

**Thuyết Lục-đại duyên khởi** nhận rằng: ‘Sáu pháp: địa (đất), thủy (nước), hỏa (lửa), phong (gió), không (hư-không), thức (ý-thức) bao hàm tất cả pháp-giới và tạo ra các loài hữu-tình và vô-tình, vốn là Đại-Nhật Như-Lai hiển-hiện ra. Cho nên Phật và chúng-sanh cho đến hết thảy các pháp đều là Đại-Nhật Như-Lai và hằng-sa quốc-độ chẳng cõi nào là chẳng phải Mật-nghiêm Tịnh-độ của Đại-Nhật Như-Lai.

Nói tóm lại, dầu danh-từ có khác, các thuyết nói trên đều nhận rằng tất cả sự vật thế-gian đều do các nhân-duyên hội-hợp mà sanh ra. Đức Phật có nói: ‘Do cái này có cho nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh; do cái này không cho nên cái kia không, cái này diệt cho nên cái kia diệt’.

Thật là một sự nhận-thức rất hợp-lý, phá tan mọi vũ-trụ-quan xây dựng trên lý siêu-hình và Thần-ngã đã có từ trước.

### **CHÚNG-SANH QUAN**

Thế-giới đã do nhân-duyên hợp thành thì chúng sanh, mọi giống hàm-linh, hữu hình hữu thức, sanh ra cũng không ngoài nhân-duyên hòa-hợp hay đồng nghiệp chiêu-cảm.

Chúng sanh, theo Phật-giáo, không có nguyên-nhân đầu tiên và kết-quả cùng cuối như Gia-tô-giáo nhận con người ban sơ do Chúa sanh ra và cuối cùng trở về với Chúa.

Trong Kinh Thủ Lăng-Nghiêm, Đức Phật có giải nghĩa rằng: ‘*Bởi cái tánh bản-giác tức là tánh tròn sang mà chẳng tự giữ, cho nên nhân cái sang vọng mà phát sanh ra cái tánh vọng, rồi nhân cái tánh vọng mà sanh ra cái thấy vọng; từ nơi rốt ráo “không” thành ra rốt ráo “có”. Cái năng-hữu sở-hữu ấy chẳng phải cái năng-nhân sở-nhân và năng-trụ sở-trụ, vốn không căn-bản gì cả, thiệt gốc nơi vô-minh không trụ mà không kiến-lập làm thế-giới và chúng sanh*’.

Một khi vô-minh đã khởi thì các tướng hiện ra trước mắt đều là những tướng hư-vọng. Từ ấy khởi ra các hoặc kiến-tư, trong cái mê chứa thêm cái mê, nhận lầm cái giả ra cái chơn, cái tà ra cái trí. Bởi cái lực phát-sanh ra các hoặc quá mạnh nên huân-tập thành nghiệp-tướng; nghiệp đồng thì nhóm lại, nhóm lại thì sinh ra cảm-giác thuận nghịch, thuận cảm thì sinh ra các nghiệp ái ân. Ái ân nhóm lại thì tương sanh, thù oán nhóm lại thì tương diệt. Rồi thì diễn ra ái ân, oán thù, thù oán gây thành các tướng khổ, tùy nghiệp mà luân-chuyển trong sáu đường.



Thì ra chúng sanh tự tạo lấy thân để rồi gây ra ra các nghiệp mà ràng buộc lấy mình, chẳng khác con tằm kéo tơ nhốt mình vào kén để trở thành nhộng, nhộng hóa ra bướm, cắn kén mà ra để rồi đẻ trứng, nở ra tằm, tằm trở lại làm nhộng..., cái vòng luân-chuyển không khi nào dứt.

Đức Phật thuyết-minh sự luân-chuyển của chúng sanh trong thuyết Thập-Nhị Nhân-Duyên.

Vì một niệm vọng-động trong lúc tối sơ mà mất cái sáng trí-huệ, nên gọi là **Vô-minh** hay **Hoặc-đạo**. Do các hoặc vô-minh ấy tạo ra các nghiệp thiện ác nên gọi là Hành hay **Nghiệp-đạo**.

Cảm lấy cái Hoặc vô-minh và tùy theo cái nghiệp hành của thời quá khứ mới khởi ra cái biết điên-đảo đi đầu thai, nên gọi là Thức. Khi đầu thai rồi mới có danh (tên), có sắc (hình-thức, nên gọi là Danh-sắc. Đến lúc thân đầy đủ ra khỏi thai thì gọi là Lục-nhập. Khi các căn ngộ cảnh mới phát-sanh tánh ưa rời mó nên gọi là Xúc. Do cái Xúc mới lãnh thọ cảnh thích ưa, nên gọi là Thọ. Năm khoản: Thức, Danh-sắc, Lục-nhập, Xúc và Thọ tạo nên nhân quả-báo để thọ khổ, nên gọi là **Khổ-đạo**.

Khi có thân quả-báo, đối cảnh sanh tình, nên gọi là Ái. Do ái mới sanh tâm mưu cầu, nên gọi là Thủ, rồi do mưu cầu sai lầm mới có hột giống thiện ác, nên gọi là Hữu.

Ái và Thủ thuộc về **Hoặc-đạo**, còn Hữu thuộc về **Nghiệp-đạo**; cả hai tạo thành cái nhân của đời hiện-tại.

Từ đó thừa cái nghiệp-nhân của đời hiện-tại mà thọ sanh cái thân vị-lai nên gọi là Sanh. Do cái sanh ấy mới có già có chết, nên gọi là Lão, Tử. Sanh và Lão, Tử là quả vị-lai, thuộc **Khổ-đạo**.

Ba đạo: **Hoặc, Nghiệp, Khổ** cứ luân-chuyển, làm nhân-quả cho nhau, như cái bánh xe lăn tròn không biết đầu là đầu. Cho nên chúng sanh, theo Phật-giáo, cũng vô-thỉ vô-chung.

Về luân-hồi, Phật-giáo nhận có tứ-sanh lục-đạo. Tứ sanh là: thai sanh (sanh bằng thai), noãn sanh (sanh bằng trứng), thấp sanh (sanh nơi ẩm thấp như mốc meo), hóa sanh (sanh bằng cách thay hình đổi lột như bướm). Còn lục-đạo là sáu con đường đi đầu thai như: sanh về cõi trời, sanh trong cõi người, sanh về cõi A-tu-la tức là giới thần, sanh làm loài ngựa-quỉ, sanh làm súc sanh và sanh vào cõi địa-ngục.

Phàm còn sinh tử luân-hồi là còn nghiệp; mà còn nghiệp là còn thọ khổ. Để diệt khổ, Đức Phật có thuyết-minh Tứ-diệu-đế tức là bốn điều chân-lý.

Đế thứ nhất là *Khổ*, tức là những nỗi khổ về sanh, bệnh, lão, tử, thương yêu phải chia lìa, oán ghét hay gặp nhau, mưu-cầu không được, các ấm lừng-lẫy. Các khổ này do đâu mà ra? Đó là đế thứ hai.

Đế thứ hai là *Tập*, tức là nguồn gốc của các khổ-báo trong tam-giới lục-thú, tập-khởi do tham, sân, si, phiền-não cùng các nghiệp thiện ác. Vậy làm như thế nào trừ diệt? Đó là đế thứ ba.

Đế thứ ba là *Diệt*, tức là phương-pháp diệt trừ các hoặc nghiệp, là các khổ sanh tử mà đạt đến cảnh-giới Niết-bàn, chân-không tịch-tĩnh. Nhưng làm thế nào đi đến cảnh-giới Niết-bàn ? Đó là đế thứ tư.

Đế thứ tư là *Đạo*, tức là con đường Bát-chánh, con đường giải-thoát do tám ngã tu-hành. Một là chánh-kiến, hai là chánh tư-duy, ba là chánh-ngữ, bốn là chánh-nghiệp, năm là chánh-mạng, sáu là chánh tinh-tấn, bảy là chánh-niệm và tám là chánh-định.

Cứ theo con đường này tu-hành thì được hoàn-toàn giải-thoát, dứt các nghiệp hoặc bắt nẻo sanh tử luân-hồi mà an-trụ nơi cảnh Niết-bàn.

Thì ra, theo Phật-giáo, chúng sanh tự tạo lấy nghiệp để rồi tuý nghiệp thọ khổ. Cho nên muốn được giải-thoát, chúng sanh phải tự nỗ-lực cởi mở những ràng buộc mà mình đã tạo. Động-lực giải-thoát là ở nơi chúng-sanh, cho nên chúng-sanh không thể cậy ở kẻ khác.

Cả đến thế-giới vạn-hữu cũng là do cái tâm hư-vọng điên-đảo của chúng sanh hiển hiện ra.

Cứ theo Phật-giáo thì chúng-sanh là biệt-nghiệp, riêng về phần kiến, còn thế-giới là cộng-nghiệp của chúng sanh, chung về phần tướng. Nếu phá được "ngã chấp" chúng được "nhân không", đoạn hết "phân đoạn sanh-tử" mà chúng bậc "Hữu dư Niết-bàn", thì chúng sanh điên đảo mới dứt. Còn nếu phá được "phá chấp", chúng được pháp không, đoạn hết "biến dịch sanh tử" mà chúng bậc "vô dư Niết-bàn" thì thế-giới điên-đảo mới không. (Kinh Thủ Lăng-nghiêm).

Phật-giáo, xem đó, quả là một **đạo giải-thoát**.

## CHƯƠNG HAI

### Thời-kỳ Hạ-ngươn-trung

Mặc dầu có các bậc Hiền-nhân Thánh-triết ra đời đem đạo-lý giáo-hóa chúng-sanh sớm tỉnh-ngộ, nhận rõ chơn-lý hầu sống một đời thanh cao thoát tục, hạp với nhân-luân thường-đạo, vượt nẻo luân-hồi, nhưng cái đà tham-dục do chế-độ tư-hữu tài-sản dưỡng thành, thúc đẩy xã-hội loài người mãi rơi xuống hố hủ-hóa. Cuộc tranh-chấp quyền-lợi giữa đoàn người này với đoàn người khác, quốc-gia này với quốc-gia kia, tạo thành những cuộc chiến-tranh xâm đoạt một ngày một thêm trầm-trọng.

Đành rằng những học-thuyết nhân-nghĩa, những giáo-lý từ-bi bác-ái đã ảnh-hưởng rất nhiều đến thế-đạo nhân-tâm, nhưng hạng người qui-ngưỡng lại là thiểu số, thành thử không chặn đứng làn sóng vật dục đồ xô. Xã-hội loài người cứ theo cái đà xuống dốc mà càng ngày càng thối hóa về mặt tinh-thần, nhưng trái lại hưng-thịnh về đường vật-chất.

Khi các bậc Hiền-nhân Thánh-triết còn trụ thế thì con người còn giữ được phần nào cái học-phong của thời thánh-đức, nhưng một khi

mấy ngài khuất dạng thì học-thuyết của mấy ngài cũng theo thời-gian mà lần lần phai nhạt. Tính ra thời-kỳ cực-thạnh của học-thuyết nhân-giã và đạo-lý kéo dài không quá năm thế-kỷ thì bắt đầu suy-vi.

Lịch-sử thế-giới đã chứng-minh rằng: 'Xã-hội du-mục của thời-kỳ thượng-cổ đến đầu kỷ-nguyên Tây-lịch, có nơi lại sớm hơn, thì biến-thể nhường chỗ cho xã-hội nông-nghiệp. Với sức phát-triển của nghề nông, chế-độ tư-hữu tài-sản càng trở nên sâu sắc. Sau những cuộc chiến-tranh tàn-khốc giữa các bộ-lạc, tài-sản lần lần tập-trung vào tay vua chúa, tức hạng người đã chiến-thắng. Để giữ vững quyền-lợi của mình hay để đền-bù công-lao chiến-thắng, hạng vua chúa mới cắt đất (kiến) và phong tước (phong) cho các tay em của mình. Chính đó là khởi đọan của chế-độ phong-kiến.

Trên lịch-sử nhân-loại, chế-độ phong-kiến ngự-trị có trên 17 thế-kỷ, tạo thành một thời-kỳ mà các sử-gia gọi là trung-cổ thời-đại, tương-ứng với thời-kỳ Hạ-ngươn-trung trong lịch-trình diễn-tiến Tam-ngươn.

### **TIẾT I.- ĐỜI SỐNG VẬT-CHẤT**

Không có tai hại nào to-tác bằng nạn man-tộc xâm-lãng làm cho nhân-loại, cả Âu lẫn Á, chìm đắm khá lâu. Ở Âu-châu giống Nhật-nhĩ-man bị giống Hung-nô xâm lấn, tràn xuống chiếm đoạt đế-quốc La-mã, dày đập cả nền văn-minh sáng-lạn của La-Hy. Rồi trên sự tàn-phá ấy dựng lên chế-độ phong-kiến.

Ở Á-châu, Trung-hoa cũng bị nạn Hung-nô xâm-chiếm. Các nước Yên, Triệu luân-phiên nhau xây đắp thành-trì để chế-ngự. Những công-trình ấy di lại đến nhà Tần tiếp-tục tu-bổ thêm làm nên một bức Vạn-lý trường-thành. Tuy Trung-hoa không bị man-tộc dày đập như ở Âu-châu nhưng dân-chúng khổ sở vì chế-độ phong-kiến chẳng ít. Lịch-sử Trung-hoa cho thấy chế-độ phong kiến khởi từ nhà Châu, sau bị nhà Tần lật đổ, song một khi nhà Tần diệt vong, mặc dầu từ nhà Hán trở đi thi-hành chế-độ vương-quyền và quan-liêu, nhưng tánh-chất của nền kinh-tế nông-nghiệp vẫn mang nặng sắc-thái phong-kiến.

Tuy tánh-chất hai chế-độ phong-kiến Âu-Á có nhiều điểm bất đồng, nhưng tựu-trung ở cơ-bản thì vẫn một. Nó có đủ tánh-chất của chế-độ phong-kiến, với những đặc-điểm sau đây:

1°) Phương-pháp sanh-sản của chế-độ phong-kiến lấy nông-nghiệp và thủ công-nghiệp liên hiệp lại, đại-để là tự tự túc.

2°) Ruộng đất đều tập-trung vào tay của nhà vua hay địa-chủ.

3°) Giai-tầng xã-hội tổ-chức theo cấp-bực của hình nấc thang: trên chót vót là vua chúa, dưới đó là công, hầu, bá, tử, nam và rốt hết là hạng nông-nô.

Đời sống của nông-nô tức hạng người cày sâu cuốc bẫm thật là trăm phần cơ-cực, bởi họ lãnh lấy vai-trò sản-xuất và chịu mọi thứ thuế.

Hãy xem chế-độ sưu-thuế và luật-lệ của lãnh-chúa ở Âu-châu

bày ra để ràng buộc nông-nô.

Kể ra có hai thứ thuế: thông-thường và bất-thường.

Về thông-thường thì gồm có:

*Thuế nhân khẩu* (Capitation) là một thứ thuế, lãnh chúa bắt mỗi nông-nô phải nộp trong một năm, nặng hay nhẹ tùy lòng tốt của chủ và sức đóng góp của dân-chúng.

Khi cần gả cưới, nông-nô phải nộp một món thuế gọi là *thuế hôn-thú* (formariage). Lãnh-chúa dựng ra thuế này để ràng buộc nông-nô không được gả cưới với người ở ngoài lãnh thổ của mình, sợ dân số kém sút đi. Muốn cưới gả với người ngoài lãnh-thổ, nông-nô phải được địa-chủ cho phép và phải nộp món thuế ấy. Đó là nói về việc cưới gả với người ngoài, đến như việc cưới gả với người trong thái-ấp, lãnh-chúa cũng không bỏ qua món thuế ấy, tuy có nhẹ hơn.

Muốn ràng buộc chặt-chẽ hơn, lãnh-chúa còn bày ra luật *bất biến mai* (mainmorte). Với luật này, địa-chủ có quyền thu lại điền-địa của nông-nô một khi nông-nô chết mà không có con thừa kế. Gia-đình của nông-nô được hưởng quyền sử-dụng gia-cư và điền-địa là khi nào được chủ thuận ưng và gia-đình ấy phải sống đoàn-tụ trong thái-ấp. Nếu gia-đình ấy ly tán thì gia-cư và điền-địa sẽ trở về tay địa chủ. Còn gia-quyển nào muốn hưởng lại quyền-lợi của nông-nô đã chết, nếu địa-chủ ưng-thuận thì phải mua lại bằng một giá rất cao.

Nông-nô nộp thuế cho chủ có ba cách: một là bằng tiền, hai là bằng vật và ba là bằng công. Về thuế nộp bằng tiền thì ngoài thuế nhân-khẩu ra, còn mấy món thuế khác nữa.

*Thuế địa-phương* (cens) là một thứ thuế đánh vào thái-địa mà nông-nô phải nộp bằng tiền. Nếu nông-nô không nộp đủ theo thời hạn thì ruộng đất bị thu lại hay là phải nộp một món tiền phạt. Thuế địa-phương này còn đánh vào nhà ở, vào lửa đốt nữa...

Một món thuế nặng nhất trong thuế thông-thường đánh vào nông-nô là món *đầu thuế* (taille). Với món thuế này, địa-chủ tha hồ bóc lột dân-chúng. Lãnh chúa muốn đòi bao nhiêu thì đòi, bắt nộp một năm mấy lần cũng được, nông-nô không được kêu ca. Ban sơ nó là một món tặng-phẩm, một món lễ-vật dâng cho lãnh-chúa ; về sau nó trở thành một món thuế rất nặng. Tỷ như khi lãnh-chúa được thu nhận vào đạo binh kỵ-sĩ, được đi viễn-chinh ở Thánh-địa, hay gả cưới chi chi, thì phí tổn ấy nông-nô phải chia nhau mà chịu. Như ở Pháp, hai phần đất thuộc về quý-tộc thì không hề nộp thuế, còn một phần đất của nông dân thì chẳng những phải nộp thuế đã đành mà còn phải nộp luôn cả hai phần đất của quý-tộc kia nữa.

Ngoài món thuế bằng tiền, nông-nô còn phải nộp thuế bằng vật. Thuế này tùy thời-kỳ mà đánh. Lãnh-chúa dựa theo số trâu-hoạch nhiều ít mà thu lấy. Trâu, bò, gà, vịt, heo, cừu... cũng không tránh khỏi món thuế ấy.

Ngoài ra, lãnh-chúa còn bày ra món thuế gọi là *thuế sử dụng*

(banalité) bắt nông-dân phải gánh. Chớ tưởng nông-dân tạo ra vật gì thì tùy-tiện sử-dụng đâu. Địa-chủ vẫn có quyền can-thiệp đến bất cứ việc sử-dụng nào của nông-nô. Chúng bắt nông-nô phải xay bột trong cối của chúng, phải hấp bánh trong lò của chúng, phải đập nho trong thùng của chúng...để có cơ lấy thuế. Thuế này luôn luôn nạp bằng vật. Nông-nô không được đem thú vật của mình cho ăn cỏ ngoài thái-ấp, không được đi đốn củi ngoài thái-ấp, không được đi câu, đi săn ngoài lãnh-thổ của địa-chủ. Lãnh-chúa còn bắt nông-nô dùng cân đấu của họ để đong lường là cốt để đánh thuế vậy. Nông-nô không được bán sản vật của mình, phải đợi địa-chủ bán trước rồi sau mới được bán, hay có cho phép mới được bán, chẳng qua để tránh sự cạnh-tranh với chủ mà thôi.

Trên đây là những món thuế thông-thường.

Ngoài ra còn nhiều thuế bất thường mà lãnh-chúa bắt nông-nô phải nạp, mỗi khi có việc xảy ra. Chẳng hạn như *luật phạt vạ* (droit de justice) là luật lãnh-chúa đánh vào tiền phạt vạ bắt mỗi thôn phải chia nhau mà chịu, hằng năm là bao nhiêu.

Nông-nô nạp thuế cho lãnh-chúa của mình đã đành mà còn có phạt-sự cung-phụng lãnh-chúa khác. Những sự cung-phụng ấy, địa-chủ lập thành luật bắt nông-nô phải chịu. Chẳng hạn như *luật ngụ cư* (droit de gîte), *luật thay quyền* (droit de procuration) là hai đạo luật bắt nông-nô phải bỏ tiền ra tiếp rước những lãnh-chúa khách đến ngụ-cư hay thay quyền lãnh-chúa mình trong lúc đi vắng. Nông-nô phải nuôi khách của chủ và cả đoàn tùy tùng nữa. Nhưng muốn cho tiện, lãnh-chúa phỏng định số tiền chi-phí ấy là bao nhiêu trong một năm rồi bắt nông-dân nạp. Chẳng những thế, lãnh-chúa còn được *quyền chiếm hữu* (droit de prise) bất cứ vật gì của nông-nô mà chủ cần dùng đến, như súc-vật, cày bừa, rồi tự đánh giá mà trả, nhưng sự đánh giá ấy bao giờ cũng độc-đoán ;

Nông-dân nạp thuế bằng tiền hay bằng vật chưa đủ mà còn phải nạp bằng công-lực của mình. Đó là vấn-đề sưu-dịch mà nông-dân phải đem mồ-hôi nước mắt ra trả. Ngoài công việc của mình làm để sanh lợi có nạp thuế cho chủ, nông-nô còn phải bỏ công ra trong một năm là bao nhiêu ngày làm lụng cho chủ, hoặc cày ruộng, trồng nho, gặt hái, đắp lộ, đào mương cho chủ. Chúng phải tự tay làm lấy hay đem trâu bò thay thế cũng được. Thế cũng chưa hết. Đến khi có giặc, còn phải đem thân ra đỡ lẫn tên mũi đạn để bảo-vệ lãnh-thổ của chủ .

Ấy đó, bao nhiêu gánh nặng của lãnh-chúa chồng-chất trên lưng nông-nô. Tình cảnh nông-nô thật là đốn-mạt. Dầu làm không ra tiền cũng phải kiếm cho ra, chạy cho có để nạp thuế. Bằng chẳng có, thì 'người ta bắt chúng bỏ ngục, người ta nhốt chúng vào sắt vào hầm, vào chỗ dơ bẩn đầy giòi tửa, rồi người ta bỏ cho chết đói. Người ta lăn sắt nung vào mình, người ta nhổ răng cho đến khi chạy ra thuế mới thôi. Người ta bắt chồng bắt cha rồi đem giết trước mắt của vợ con

chúng, để làm trò tiêu-khiển". Đó là lời của Juvénal des Ursins đã thống-thiết thốt ra trong tổng-hội ở thành Orléans năm 1439, kể rõ tình-trạng của nông-dân thiếu thuế.

Đời sống của nông-nô nguy-khổ không sao kể xiết. "Chính trên lưng nông-nô, bọn công-hầu quý-tộc chiến-đấu nhau. Chúng bị trộm cướp, tàn phá, đánh đập, giết chóc; người ta đốt nhà chúng để sưởi ấm; người ta hãm hiếp vợ con chúng. Quyền-lợi độc-nhất còn sót lại của chúng, chỉ có con đường đào-tẩu trong rừng sâu hay trong chỗ nào kiên-cố". (Letourneau: L'Evolution de l'esclavage dans les diverses races humaines trang 483).

Ở Á-châu, tuy chế-độ phong-kiến không sâu sắc như ở Âu-châu, nhưng tình-cảnh nông-dân kể ra cũng không phải là không khốn-đốn.

Trong *Kinh Thi*, tình cảnh ấy được tả rõ trong những chương như Thất-nguyệt tả cảnh nông-dân nuôi tằm, trồng gai để cung áo cừu cho công-tử; chương Phú-diên tả cảnh nông-dân làm ruộng để cho địa-chủ trâu lợi, còn mình thì lãnh những trần-hủ bỏ dư; chương Xuất-Xa tả cảnh dân-chúng bị áp-bức đi lính; chương Tiểu-minh tả cảnh khốn khổ lúc đi đánh giặc phương xa; chương Thạc-thử mô tả cảnh nông-dân dặt nhau đi trốn vì sưu cao thuế nặng v.v...

Tình-cảnh này chẳng riêng gì nông-dân đời nhà Châu mà còn có thể nói là tình-cảnh điển-hình của dân-chúng sống dưới chế-độ phong-kiến ở Á-châu.

Chế-độ này kéo dài cả thời-đại Trung-cổ là một giai-đoạn lịch-sử mà đời sống con người vô-cùng khốn khổ, một mặt do chiến-tranh giữa các chư-hầu tranh hùng tranh bá gây nên, một mặt do nền kinh-tế phong-kiến ràng buộc. Hạng nông-dân chỉ được xem như vật sở-hữu của lãnh-chúa hay địa-chủ. Mọi sản-xuất về vật-chất cũng như mọi sản-phẩm về tinh-thần, tạo ra không ngoài mục-đích để cung-phụng hạng người quý-tộc.

Sống dưới chế-độ khắc-khe như thế, phỏng về mặt đạo-lý, con người còn giữ được phong-độ của thời chánh-pháp chăng ?

## **Tiết II. - Đời Sống Tinh-thần**

Cứ theo cuộc diễn-tiến của Tam-nguơn, xã-hội loài người về mặt tinh-thần càng ngày càng thối-hóa. Kinh Phật cho biết sau thời-kỳ chánh-pháp tức thời-kỳ giáo-pháp còn thanh-hành, là đến thời-kỳ tượng-pháp tức thời-kỳ mà việc tu-hành chỉ còn giữ cái hình-tượng muông-tượng tương-tợ, chứ không giống hẳn khi các vị giáo-chủ còn trụ-thế. Cái tình-trạng thối-hóa này có thể cắt nghĩa là do hai nguyên-nhân như sau :

Vì sống cách xa thời-kỳ chánh-pháp bốn năm trăm năm giáo-lý nguyên-sơ không sao tránh nạn truyền sai hay biệt-kiến. Mỗi người hiểu mỗi cách, cho nên thường xảy ra sự chia chẻ, lập ra phái nọ phái

kia, chống báng nhau, làm cho người hoang-mang, giảm bớt phần tinh-tưởng. Điều này không có tôn-giáo hay học-thuyết nào tránh khỏi.

Đời sống vật-chất càng ngày càng trở nên ác-liệt. Do cuộc tranh-chấp quyền-lợi, tài-sản dần dần tập-trung vào tay của một thiểu số, vì vậy con người sanh ra không còn sống dễ-dàng thư-thái như trước. Tâm-trí họ mãi quay cuồn theo thị-dục nên không được linh-mẫn, hay có thể nói, trình-độ cơ-cảm của chúng-sanh bao giờ cũng đi đôi với hoàn-cảnh xã-hội, cho nên con người sanh ra trong thời-kỳ Hạ-nguơn-trung hẳn phải kém căn-cơ hơn con người sanh ra trong thời-kỳ Hạ-nguơn-thượng, cũng như sau này, con người sanh ra trong thời-kỳ Hạ-nguơn-hạ sẽ kém căn-cơ hơn con người sanh ra trong thời-kỳ Hạ-nguơn-trung. Do căn-cơ kém cỏi ấy mà con người Hạ-nguơn-trung không thể hành y những giáo-lý chỉ thích-hợp với người thượng-căn thượng-trí của thời chánh-pháp

Dầu ở Đông-phương hay Tây-phương, bước vào thời-kỳ Hạ-nguơn-trung, các nền đạo-giáo cũng như triết-học đều trải qua một cuộc phân-hóa, đánh dấu một giai-đoạn thối-hóa của tư-tưởng nhân-loại. Nhất là ở Tây-phương cái tánh-chất thối-hóa ấy trầm-trọng hơn đâu hết.

## **A .- Ở TÂY-PHƯƠNG**

Khác hơn Đông-phương, chế-độ phong-kiến ở Tây-phương đề-nặng trên đời sống nhân-loại, vì ngoài thế-lực của vua chúa hay địa-chủ, còn có thế-lực của giáo-sĩ hay nhà thờ. Họ cũng có thái-ấp như lãnh-chúa và cả một đàn nông-nô phục-dịch. Điền-địa của họ phần nhiều do tín-đồ cống-hiến, tạo thành một tài-sản hết sức to tát. Cứ như sử sách cho biết thì cuối thế-kỷ thứ X, điền-địa của nhà thờ ở nước Pháp và ở Anh chiếm 1/5, ở Đức độ 1/3. (Theo Paul Lacroix: La chevalerie et les croisades, tr. 16). Như thế giáo-sĩ nghiêm-nhiên trở thành địa-chủ không thua gì lãnh-chúa. Song kể về quyền-hành thì có thể nói lãnh-chúa phải kém hơn giáo-sĩ, bởi giáo-sĩ ngoài uy-quyền về đời sống tinh-thần đối với tín-đồ nông-nô. Hay có thể nói Trung-cổ thời-đại (Moyen âge) là thời-đại của nhà thờ cũng nên, là vì ngay như các vị vua chúa cũng còn đặt mình dưới uy-quyền tinh-thần của giáo-sĩ.

Đời sống vật-chất và tinh-thần đã do nhà-thờ chi-phối thì còn lạ gì về phương-diện tư-tưởng, ở Tây-phương vào thời Trung-cổ chỉ xuất-hiện có một nền triết-học quá nghèo nàn là Kinh-viện chủ-nghĩa (Scolastique), tiếng Anh là Scholasticisme.

Trong danh-từ Scholasticisme có chữ La-tinh "Schole" có nghĩa trường học hay học-viện. Ở Trung-cổ thời-đại mọi vấn-đề học-thuật đều do giáo-hội chỉ-huy. Các giáo-sĩ hội nhau ở Kinh-viện để nghiên-cứu giáo-lý, do đó thế-nhân gọi là Kinh-viện học-giả và học-thuyết nghiên-cứu được gọi là Kinh-viện chủ-nghĩa.

Mục-đích của các nhà Kinh-viện học-giả là tìm-tòi mọi luận-chứng để nhận chân và bảo-vệ tín-ngưỡng của giáo-hội, bắt tín-đồ phải phân-phấp nghe theo chớ không được biện-luận hay phản lại. Trọng-tâm của Kinh-viện chủ-nghĩa là làm thế nào cho thiên-khải (révélation) và trí óc con người phối hợp nhau. Do đó mà các nhà luận-giả cho rằng triết-học của thời Trung-cổ thời-đại hoàn-toàn làm nô-lệ cho Thần-học hay có thể nói triết-học lúc bấy giờ tức là Thần-học. Mà đã là Thần-học thì người nghe chỉ có một phận-sự là tin theo chớ không được biện-luận, bởi nó thiếu hẳn lý-tánh căn bản.

Mọi giáo-lý của Kinh-viện chủ-nghĩa đưa ra đều có giá-trị độc-tôn, tuyệt-đối, không ai được sửa chữa hay bài bác. Ai chống báng lại hay nói một cách khác thì bị xử hoặc thiêu-hủy những công-trình phát-minh của mình, hoặc bị hạ ngục hay hành hình trước công-chúng. Khắp nơi giáo-hội lập ra tòa án để xử phạt những vụ chống lại giáo-lý của Kinh-viện. Hàng nghìn quyển sách phát-minh về vũ-trụ và thiên-văn bị đem ra đốt, nhiều học-giả anh-tài bị bắt giam và xử hình vì học-thuyết của họ nghịch lại chủ-trương của giáo-hội. Trên sử sách còn ghi lại nhiều vụ điển-hình như những trường-hợp sau đây:

Ông Roger Bacon (1214-1292), Tàu phiên-âm là Bồi-căn, sanh ở nước Anh, là người mở đầu những tư-tưởng thực-nghiệm. Ông dùng phương-pháp trắc-nghiệm nghiên-cứu sử- học, lý-hóa-học, nông-học và khẳng-khái chủ-trương về tự-do tư-tưởng. Những chủ-trương cũng như những sở-đặc của ông về học-thuật không làm vừa lòng giáo-hội, nên chi ông bị bắt và tống giam trong 10 năm về tội 'truyền-bá những tư-tưởng dị-đoan' nghịch lại Kinh-viện.

Ông Copernic (1473-1513), Tàu phiên-âm là Kha-bạch-ni, sanh ở nước Đức, nổi danh là một nhà thiên-văn-học, một bậc tiền-khu của khoa-học tự-nhiên. Với công-trình nghiên-cứu thiên-văn, ông phát-minh thuyết vận-hành của trái đất, soạn thành quyển 'Thiên thể chuyển-triển luận', chứng minh trái đất quay chung quanh mặt Trời, chớ không phải trái đất đứng yên, còn mặt trời thì quay chung quanh trái đất như các nhà Kinh-viện học-giả đã nhận. Năm 1543 ông đem sách xuất-bản thì chẳng bao lâu ông mất. Giáo-hội cho đó là thuyết dị-đoan nên ra lệnh cấm chỉ và tịch-thâu. Dầu vậy, thuyết địa-động vẫn được các nhà học-giả lúc bấy giờ hoan-nginh và cũng vì tán thành thuyết ấy mà ông Bruno bị bắt.

Ông Giordano Bruno (1548-1600), Tàu phiên-âm là Bạch-hổ-nặc, sanh ở nước Ý, là một nhà triết-học, từ nhỏ chịu sự giáo-dục của giáo-hội, nhưng cứ mãi chỉ-trích giáo-lý đã học nên đã bị trục-xuất ra khỏi nhà trường. Ông bèn châu du các nước Pháp, Anh, Đức diễn-giảng về những điều phát-minh của mình. Ông tán-thành thuyết địa-động và bằng chủ-trương vũ-trụ vô hạn, điều đó trái nghịch với thuyết của giáo-hội cho rằng vũ-trụ do một đấng chúa tể sáng tạo. Thế nên ông bị giáo-hội bắt đưa ra giáo-đình La-mã, bỏ ngục ông 7 năm và bắt



buộc ông phải thủ-tiêu những điều đã chủ-trương, nhưng ông một mực không khứng. Vì vậy ông bị đem ra xử thiêu.

Ông Galilée (1564-1642), Tàu phiên âm là Già-lợi-lược, sanh ở nước Ý, là một nhà số học, một bậc tiền-khu của khoa-học, đồng thời với Bacon và Copernic. Ông cũng đồng quan-điểm với Copernic về sự vận-hành của quả địa-cầu, và cực-lực xướng-minh thuyết địa-động. Giáo-hoàng La-mã triệu ông đến, cấm ông không được tuyên-truyền thuyết ấy nữa, bức ông phải chịu thệ mới thả ông ra. Năm 1632, ông đem sách xuất-bản, làm cho Giáo-hoàng phẫn-nộ, ra lệnh hạ ngục ông một lần nữa. Mặc dầu ở trong ngục, ông vẫn tiếp-tục nghiên-cứu về vật-lý-học, phát-minh nhiều điều cống-hiến cho nền khoa-học hiện-đại.

Với sự xuất-hiện những phát-minh mới về vũ-trụ, giáo-lý của Kinh-viện chủ-nghĩa càng ngày càng tỏ ra cũ-kỹ bất hợp-lý, làm cho dân-chúng thêm bất-mãn đối với giáo-hội. Nhất là việc thiết-lập các cơ-quan tài-phán (Inquisition) để xử hình các nhà bác-học càng làm cho giáo-đồ có tinh-thần tự-do thêm phần-uất.

Đương nhiên, sự đàn áp và độc đoán của giáo-hội càng mạnh chừng nào thì càng gây trong dân-chúng sự phản-ứng càng lớn lên chừng nấy. Những ý-tưởng cải-cách tôn-giáo được nhóm lên trong lúc ngọn triều phẫn-nộ đang nổi dậy thì bỗng xuất-hiện vị anh-hùng cải-cách: ông Martin Luther, Tàu phiên âm là Lô-đắc, ứng-phó ngay khát-vọng của quần-chúng.

Luther là một nông-dân ở miền Bắc nước Đức, từ nhỏ đã tỏ ra dĩnh-ngộ và can-đảm lạ thường. Ông theo học các trường đạo và từng làm giảng-sư trong các giáo-đường. Ông nghiên-cứu các sách Cựu-ước và Tân-ước, nhận thấy nhiều điều mâu-thuẫn giữa lời dạy của Chúa Giê-su và các giáo-sĩ. Ông rất bất-mãn nên quyết ý đề-xướng cuộc cải-cách (réforme).

Lúc bấy giờ là thời Giáo-hoàng Léon X chấp-chưởng giáo-hội. Việc xây cất đại giáo-đường Saint Pierre do giáo-hoàng Jules II để lại, đang đòi hỏi một số tài-chánh rất lớn. Ngân-quỹ của giáo-hội đã kiệt-quệ, để tiếp-tục công việc kiến-trúc, giáo-hội nghĩ đến việc phát-hành những phiếu xá-tội (Indulgence) là một thứ văn-bằng, phàm ai đã phạm tội và muốn chuộc thì cứ bỏ tiền ra mua phiếu xá-tội ấy. Việc bán phiếu đương-nhiên đem lại một mối lợi cho giáo-hội, nhưng trái lại gây sự cùng khổn cho tín-đồ, vì giáo-hội bức ép tín-đồ phải mua.

Đứng trước cảnh bức ép ấy, ngày 31-10-1517, Luther cương-nghị yết-thị 95 điều chống lại nhà-thờ. Việc làm ấy được dân-chúng khắp nơi hưởng-ứng. Giáo-hội cho triệu ông đến, nhưng ông sợ bị bắt nên không tuân lệnh. Vì thế ông bị trục-xuất. Do đó ngọn lửa cải-cách bùng cháy khắp các nước ở Âu-châu. Những nhà ái-quốc ở Đức cũng như sanh-viên các trường đại-học đều chạy theo phe cải-cách. Nhiều cuộc bạo-động và tàn-phá xảy ra. Những lãnh-chúa yếu thế hay bị

nhà-thờ bắt chẹt, nay được dịp vùng đứng dậy phụ-họa theo, kéo đi đánh phá chiếm-đoạt tài-sản của các tu-viện. Những nông-dân nghèo đói cũng thừa dịp ấy chém giết giáo-sĩ và thiêu-hủy thái-ấp của nhà-thờ.

Cuộc hỗn-loạn xảy ra khắp hang cùng ngõ hẻm. Những người Tân-giáo lòng bắt và xử treo các tín-đồ Cựu-giáo. Còn các tín-đồ Cựu-giáo thì cũng lòng bắt và xử treo lại những người theo Tân-giáo. Để bảo-vệ cho nhau, những người đồng một xu-hướng, cùng hợp nhau và tụ-tập thành những khu-vực riêng biệt, không khác các bộ-lạc thời xưa. Họ kiểm-soát lẫn nhau và sẵn sàng tố-cáo mỗi khi dò xét biết được có người trong khu-vực xu-hướng theo phe khác. Chẳng những họ lo tiêu-diệt kẻ lẫn-lộn trong khu-vực mà nhiều lúc họ còn kéo nhau đánh phá những khu-vực của phái nghịch. Họ tàn sát và cướp đoạt chẳng chừa một vật gì. Ai lỡ bị bắt thì hoặc bị xử treo ở các ngõ đường, hoặc đem ra đốt sống.

Lòng cuồng-tín đã đưa họ đến chỗ tàn-nhẫn. Biết bao nhiêu người bị giết lầm hay thù-oán cá-nhân, một cách oan-uổng. Nhiều kẻ anh-tài, nhiều nhà bác-học, những tinh-hoa của nhân-loại, vì không theo phe này hay phe khác nên bị nghi-kỵ và bắt giết oan. Họ xem các người không cùng tín-ngưỡng với họ như bệnh truyền-nhiễm cần phải thẳng tay trừ-khử, vì họ cho rằng bệnh truyền-nhiễm dầu có hại chỉ hại thể-xác mà thôi, chớ người đã tin-tưởng không đồng thì bệnh cuồng-tín của họ sẽ lây nhiễm làm hại tinh-thần của kẻ khác.

Cuộc tranh-chấp giữa Tân-giáo và Cựu-giáo đã gây thành những trận giặc Tôn-giáo khắp các nước ở Tây-Âu trên một thế-kỷ. Đây là một thời-kỳ đen tối nhất trên lịch-sử Gia-tô-giáo mà cũng là thời-kỳ đau khổ nhất ở nhân-loại Tây-phương.

## **B.- Ở ĐÔNG-PHƯƠNG**

Cái thối-triều tư-tưởng trong thời-kỳ Hạ-nguơn-trung đã xảy ra chẳng riêng ở Tây-phương. Các Đạo-giáo như Nho-giáo và Lão-giáo ở Trung-hoa hay Phật-giáo ở Ấn-độ, sau khi các vị Giáo-chủ khuất dạng, lần-lượt có sự phân-liệt trong nội-bộ, chia ra nhiều phe phái chống-báng nhau, nhưng không đến quyết-liệt gây thành trận giặc tôn-giáo như giữa hai phái Cựu-giáo và Tân-giáo ở Tây-phương.

Trong các Đạo-giáo ở Đông-phương, sở dĩ có sự phân-liệt phe phái là do chỗ sở đắc của các môn-đệ khác nhau. Mỗi người đem chỗ ngộ đạt của mình xiển-minh ra lập thành một môn phái riêng. Cho nên mặc dầu có sự khác biệt tư-tưởng giữa các môn-đệ, nhưng tựu-trung sự tranh chấp không ngoài mục-đích đồng làm phát-triển những giáo-lý đã lãnh-thọ, khác hơn các môn phái của Gia-tô-giáo chống nhau vì tranh-chấp ảnh hưởng và độc-quyền lãnh-đạo.

Sự cạnh-tranh giữa các môn phái Đông-phương xem đó rất cần-thiết và hữu-ích vì nó làm sáng tỏ những giáo-lý căn-bản và phát-minh

nhieu học-thuyết mới. Đứng về phương-diện phát-triển tuy rằng có lợi nhưng không khỏi dẫn đến chỗ chi-ly xa dần đạo-thống và chánh-pháp.

### I°) NHO-GIÁO SUY LẠC

Trong các Đạo-giáo Đông-phương, Nho-giáo sớm có sự phân-liệt nội-bộ và suy bại hơn hết.

Trong sách *Hàn-phi-tử* nơi thiên Hiễn-học có nói rằng: "Từ Khổng-tử mất rồi có bọn học nho của Tử-Trương, có bọn học nho của Tử-Tư, có bọn học nho của họ Nhan, có bọn học nho của họ Mạnh, có bọn học nho của họ Tất-Điêu, có bọn học nho của họ Trọng-Lương, có bọn học nho của họ Tôn, có bọn học nho của họ Nhạc-Chính".

Như thế thì sau ngày Khổng-tử mất, Nho-giáo chia làm tám phái: phái Tử-Trương, phái Tử-Tư, phái Nhan-Uyên, phái Mạnh-Tử, phái Tất-Điêu-Khai, phái Trọng-Lương, phái họ Tôn tức phái của Tuân-Khanh (Tuân-Tử) và phái Nhạc-Chính-Khắc. Mỗi phái có mỗi chủ-trương khác biệt, câu nệ và chê-bai lẫn nhau. Như Tuân-Tử nơi thiên Phi thập-nhị tử có hạ câu chê rằng: "Bọn tiện nho của họ Tử-Du, bọn tiện nho của họ Tử-Hạ, bọn tiện nho của họ Tử-Trương", đủ chứng-minh chỗ bất hòa giữa các phái, trầm-triệu của sự biến-thiên và suy-lạc Nho-giáo.

Thật ra, Nho-giáo đã bắt đầu suy-lạc từ cuối đời Chiến-quốc là lúc xã-hội Trung-hoa đổ nát vì loạn-lạc dấy lên khắp nơi, các nước đánh nhau không nghỉ.

Kịp khi nhà Tần dẹp yên các nước, thực-hiện được sự thống-nhất thì vì chánh-sách chuyên-chế dùng hình-pháp trị dân của Tần Thi-Hoàng mà Nho-giáo ngộ nạn "phần thư khanh nho" (đốt sách chôn sống học trò). Nền tảng của Nho-học cùng các kinh sách xưa đều bị phá huỷ triệt-để.

Nhưng đến đời Lưỡng Hán, khi tình-thế ổn-định, các vua quan nghĩ đến việc mở-mang học-thuật thì Nho-giáo được cơ-hội xây dựng trở lại và phát-triển mạnh-mẽ. Có thể nói từ Lưỡng Hán trở đi, Nho-giáo chiếm địa-vị độc-tôn trên xã-hội Trung-hoa.

Để xây-dựng lại nền văn-hóa đã sụp đổ, nhà Hán đã cho sưu-tầm lại kinh sách cũ. Nho học nhân đó hưng-khởi nên tạo thành-huống vô-cùng nhiệt-náo trên nền học-thuật. Kể ra, bắt đầu từ Lưỡng Hán trở lại đây, Nho-giáo gây lấy cái thế-lực rất mạnh, nhưng đó chỉ là về phần Hình-nhi-hạ-học, đến như về phần hình-nhi-thượng-học tức là phần tâm-học, thuần-lý Nho-giáo thì trái lại càng ngày càng suy-đồi vì lối học huấn-hỗ từ-chương khởi lên từ đời Tây Hán.

Thế nên, cứ lấy đại-thể mà xét thì Nho-giáo, về mặt lý-tưởng cao-siêu của lối học hình-nhi-thượng, mãi theo trào-lưu tiến-hóa vật-chất mà hạ thấp dần xuống.

Sở dĩ có lối học huấn-hỗ và từ-chương là vì lúc Hán-sơ, sách xưa đều bị thiêu huỷ; nay muốn gây dựng lại, các học-giả ra công tìm kiếm

những bản cũ, gọi là cổ-văn. Ngoài ra những bậc cổ lão, do ký-ức chép lại sách xưa, gọi là kim-văn. Những bản văn chép theo ký-ức hẳn không tránh khỏi những chỗ sai lầm hay thiếu sót. Đến như những bản cổ-văn, vì bị giấu cất để tránh ngọn lửa Tần, cũng thành ra mất mát, hoặc thiếu trang, hoặc rách nát.

Chính đó là nguyên-nhân tạo nên cái học huấn-hỗ là lối học chăm chú tìm những chỗ sai, chỗ sót và định-nghĩa từng chữ, từng câu, xếp đặt thành kinh truyện. Mỗi phái chủ-trương mỗi cách, cãi và nhau, chỉ chú-trọng về mặt từ-chương, nên cái học thâm viển của Nho-giáo càng ngày càng kém sút đi.

Lối học huấn-hỗ từ-chương rất thịnh-hành trong đời Lương-Hán, Tam-quốc, Lục-triều cho đến đời Tùy và Đường.

Các cuộc loạn-lạc dai-dẳng trong những đời Lương-Hán, Tam-quốc, Lục-triều cho đến đời Tùy mới bắt đầu định xong thiên-hạ. Nhà Tùy mở mang các nhà học và định-lệ thi cử cho người tài, càng thôi-thúc thời-thượng chú-trọng về mặt từ-chương vì đó là nấc thang bước lên đài danh-vọng. Cái tập-quán này được nhà Đường đón tiếp một cách nồng-nhiệt. Các sĩ-phu cầu ở sự đỗ đạt hơn thực học, thành thử cái học văn-khoa thì rất thịnh-hành mà cái học đạo-lý thì rất suy.

Qua đời Tống, các học-giả nhận thấy cái học huấn-hỗ từ-chương chỉ là cái học chú-trọng về phần hình-nhi-hạ, không phản ảnh được đạo-thống của Khổng-Mạnh, nên quay qua tìm lấy cái học hình-nhi-thượng, gây thành phong-trào lý-học trong đời Tống và Minh. Tiêu-biểu cho phong-trào này nên kể Lục Tượng-Sơn đời Tống và Vương Dương-Minh đời Minh là lỗi-lạc hơn hết.

Tuy nhiên, cái học nghĩa lý, mặc dầu chói rạng với những phái Lục, Vương, nhưng không thể át được cái học từ-chương thi cử là cái học bao giờ cũng được người đời ham thích, bởi nó đem lại danh-lợi nhãn tiền. Thành thử cái học khoa-cử hư-văn vẫn là cái bệnh của thời-thượng.

Nguyên-nhân khiến cho lý-học của đời Tống không thể tiếp-tục phát-triển được là vì cuối đời Tống, Trung-hoa bị Mông-tộc cai-trị. Người Mông-cổ là giống dân kém về học-thuật hơn dân Hán. Đó là điều trở ngại cho cái học cao-siêu về hình-nhi-thượng. Hết đời Nguyên của người Mông, lại đến đời nhà Thanh của người Mãn, cũng là một dân-tộc không được phát-triển về tinh-thần. Gia dĩ, cuối đời Thanh, Tây-học du-nhập vào Trung-hoa càng quyến-rủ người đời bỏ cái học về triết-lý khô-khan chạy theo cái học chuộng về đường phát-triển vật-chất.

Nói tóm lại, từ đời Chiến-quốc cho đến đời Thanh, cái học đạo-thống của Khổng-Mạnh thuộc về hình-nhi-thượng vẫn một mực suy-lạc. Mặc dầu đời Tống lý-học được xiển-minh, nhưng đứng về đại-thể mà xét thì Nho-giáo cứ theo trào-lưu thoái-hóa về mặt tinh-thần mà một ngày một suy-lạc.

## 2°) LÃO-GIÁO THẦN-BÍ-HÓA

Triết-học của Lão-giáo là một nền triết-học xây dựng trên lý vô-cực hay Đạo. Vốn là cái lý thuộc về hình-nhi-thượng, không có hình-tướng, chỉ có thể nhận-thức chứ không thể giải bày, cho nên rất khó hiểu, ít người sở đắc.

Cũng thời học Lão mà chỉ có Trang-tử và Liệt-tử là còn giữ được cái học đạo-tâm, nội-truyện của Lão-tử. Kỳ dư, vì không thâm-đạt cái lý vô-vi thanh-tĩnh của Đạo-học, chỉ lãnh-hội cái học cạn-cột của phần ngoại-truyện, nên làm cho Lão-giáo sai lạc, biến thành cái học yếm-thế, quyền-mưu, thần-bí. Chính đó là những nguyên-nhân khiến Lão-giáo thất-truyền, dưỡng thành những trào-lưu tư-tưởng thoái-dọa.

**Tư-tưởng yếm-thế.-** Do những cảnh loạn-lạc thường xảy ra trong thời Chiến-quốc, Tần, Hán, Tam-quốc, Lục-triều làm cho muôn dân đồ-thán, xã-hội đảo-điên mà lòng người đâm ra hoang-mang, mất cả tin-tưởng. Học-thuyết vô-vi của Lão-tử nhân đó biến-thành cái học tiêu-cực, không-tưởng, chán đời, trốn thế.

**Tư-tưởng hình danh.-** Lợi-dụng cái học nhập thế của Lão-giáo đem thi-thiết vào việc trị-dân, những nhà quyền-mưu, tức những nhà chủ-trương dùng hình-pháp thay vì nhân-chánh. Đại-biểu cho tư-tưởng này phải kể Hàn-phi-tử và những nhà biện-thuyết cùng tung-hoành-gia là những người chịu rất nhiều ảnh-hưởng của Lão-học.

**Tư-tưởng tòng lạc.-** Trước cảnh loạn lạc khốn nàn, thay vì chán nản ghét đời tìm nơi ẩn dật, có một hạng người đâm ra phóng-túng, trầm mình trong khoái-lạc truy-hoan. Đại-biểu cho tư-phái này là nhà triết-học Dương-Châu, một môn-đồ Lão-giáo, chủ-trương thuyết vị-ngã, xiển-minh cái tinh-thần tòng-lạc cá-nhân, không thiết gì đến nhân quần xã-hội.

**Tư-tưởng thần-bí.-** Thường thường đứng trước một cảnh-ngộ áp-bức nào mà sức hèn không thể chống trả lại bạo-lực thì cái phản-ứng nội-tâm hay dắt dẫn con người đi đến chỗ thần-bí. Chính đó là nguyên-nhân khiến cho thuyết thanh-tĩnh vô-vi của Lão, Trang biến thành những thuật thần-tiên phương-sĩ, tỵ-trung có thể phân làm bốn phái sau đây:

**Phái huyền-lý.-** Trong đời Tam-quốc và Lục-triều, các học-giả đều khuynh-hướng về thuyết hư-vô của Lão, Trang, xem thường lễ-phép, thích giao-du, uống rượu, khảy đàn, đàm-luận về huyền-lý, gây thành một trào-lưu gọi là Thanh-đàm.

Đời Ngụy có Hà-Án và Vương-Bạc là hai nhà văn tổ-thuật về Lão, Trang. Hà-Án sáng-tác Đạo-đức-luận và văn-phú mấy mươi thiên. Vương-Bạc tinh-thâm về huyền-học, chú-thích Kinh Dịch và Lão-tử có tiếng trong đời.

Đời Tấn, có bọn Khế-Khương, Sơn-Đào, Nguyễn-Tịch, Nguyễn-Hàm, Vương-Nhung, Hướng-Tú, Lưu-Linh mà người đời gọi là nhóm

Trúc-lâm thất-hiền, thường quần-tụ nhau lấy thú đàn rượu làm vui, ngâm thơ vịnh phú, đàm-luận triết-lý của Lão Trang, lánh chốn tục trần, chẳng màng danh lợi.

Như Vệ-Giới cũng là người đời Tấn, có phong-cách tú-dị, thường cỡi xe dê vào thành, lại thích luận-đàm về huyền-lý, xem chẳng khác một vị tiên giáng thế.

Cái lối thanh-đàm huyền-luận, làm ra dáng đạo cốt tiên phong ấy rất thanh-diễn trong đời Lục-Triều, chưa từng thấy trên lịch-sử Trung-hoa.

**Phái đơn đỉnh.-** Phái này rất thanh-hành giữa khoảng đời Tần và đời Hán. Nguyên hồi đời Tần Thi-Hoàng có Hầu-Tiên và Lô-Sanh xướng lên thuyết thần tiên và cách luyện đơn nấu thuốc. Nghe nói đến đạo trường-sanh, Thi-Hoàng lấy làm thích, bèn sai hai người đi tìm. Hầu-Tiên và Lô-Sanh lên núi Lăng-vân, xây đỉnh nấu đơn, còn lưu lại nhiều di-tích như đài phi-thăng, giếng luyện thuốc. Danh phái đơn đỉnh phát-sanh là kể từ đó.

Cái thuật nấu đơn luyện thuốc ấy rất phát-đạt ở đầu đời Hán, Lý Thiếu-Quân và Loan-Đại tự khoe học được thuật luyện đơn-sa thành hoàng-kim và có thể đến Bồng-đảo gặp tiên. Nhân vua Vũ-đế cầu tiên-phương, Đại đến nhận biết thuật nấu thuốc trường-sanh bất lão; vua nghe lấy làm thích, phong làm Lạc-thông-hầu và gả công-chúa cho. Mấy tháng sau Đại khấn gói lên đàng, nhưng không dám ra Bồng-đảo, lại lộn lên núi Thái-sơn tu-luyện. Vua cho người theo dò, chẳng thấy điều linh-diệu, nên bắt giết đi.

Cuối đời Hán, có Nguy-bá-Dương cùng ba đệ-tử vào núi luyện đơn. Khi đơn đã thành, biết rằng đệ-tử còn lòng nghi-hoặc nên lấy thuốc ra thử, thuốc vừa nuốt khỏi miệng thì ông ngã ra chết. Một người đệ-tử cùng uống thử, cũng chết luôn. Hai người đệ-tử kia không dám uống bèn bỏ đi. Sau đó Bá-Dương và người đệ-tử đã chết, cùng sống lại. Từ đó danh tiếng lẫy-lừng, sáng-tác các sách: *Tham-đồng-khế*, *Ngũ-hành tương-loại*...mượn hào tượng của kinh Dịch để luận về phép luyện đơn.

Đời Tấn có Cát-Hồng cũng nhận có phép tiên-thuật, viết sách về cách luyện đơn mà sử sách gọi là Đơn-kinh. Cát-Hồng viết rất nhiều sách như: *Bảo-phác-tử* gồm hai thiên, nội-thiên luận về phép tu luyện để thành tiên, ngoại-thiên dựa theo thuyết Lão Trang bàn về nhân-sự; *Thần tiên truyện* 10 quyển; *Ẩn dật truyện* 10 quyển; ngoài ra còn viết trên 100 quyển về đơn-thuật.

**Phái phù lục.-** Khác hơn phái đơn-đỉnh chuyên luyện thuốc trường-sanh, phái phù-lục sở-trường về thuật luyện phù chú. Phái này thanh-hành vào cuối đời Hán.

Nhà Ngô có Vu-Kiết lập tinh-xá ở đất Ngô-hội, đốt hương đọc sách Đạo. Cứ theo sách *Hậu Hán Thư* thì Kiết có được tại tuổi Khúc-phụ 170 quyển Thần thơ, nhan đề Thái-bình thanh-tĩnh thơ mà các

đạo-gia gọi là *Thái-bình kinh* trong đó dạy về âm-dương ngũ-hành cùng các phép bói, độn, kỳ-đạo. Kiết theo đó luyện phép phù thủy trị bệnh, người theo rất đông. Về sau Kiết bị Tôn-Sách giết.

Theo học với Kiết, có Cung-Sùng và Tương-Khải.

Sau nữa, có Trương-Giác, cũng theo phép thuật trong Thái-bình kinh của Vu-Kiết mà chữa bệnh cho dân-chúng. Người theo trên 10 vạn, nhân đó có tên Thái-bình đạo. Đời vua Linh-đế, quân lính của Giác đều chít khăn vàng, nên có tên là giặc Huỳnh-cân.

Cũng vào thời Hậu Hán, đời vua Thuận-đế có Trương Đạo-Lãng người đất Bái, bỏ quan vào ở ẩn trong núi Long-Hổ, tu luyện thành đạo, bèn vào đất Thục lên núi Hạc-minh, dung phù chú trị bệnh cho dân. Ai muốn nhập đạo phải mang theo năm đấu gạo, nhân đó có tên *Ngũ đấu mễ đạo*. Lãng được môn-đệ tôn làm Thiên-sư. Con của Lãng là Trương-Hoành, cháu của Lãng là Trương-Lỗ nối truyền nhau mãi.

Cùng nối nghiệp của Lãng, có Khấu Liêm-Chi, tự nhận thường gặp tiên-nhân Thành Công-Hưng truyền cho đại pháp, lại gặp Thái-thượng Lão-quân dạy phải thừa nghiệp của Lãng mà làm Thiên-sư và ban cho 20 quyển tiên-thuật.

**Phái chiêm nghiệm.**- Đời Hậu Hán, ngoài phái Phù-lục còn phái Chiêm-nghiệm là phái chuyên về phương-thuật, chiêm-tinh, bói quẻ, giỏi thuật âm-dương ngũ-hành, xem tướng luận mạng, đoán việc kiết hung. *Hậu Hán thư* cho biết có 33 người trứ danh, đại khái như Dực-Phụng, Ty-Hoảng, Hồ-Hướng, Khuông-Hoành, Cung-Thắng, Trương-Hoành, Lang-Hạo, Thái-Ung, Dương-Hậu, Phi-Trường-Phòng, Quán-Lộ, Tả-Từ...

Về mặt trước-tác, đời Tấn có Quách-Thác soạn quyển Táng-thơ được đời xưng tụng là tổ-sư của các nhà địa-lý. Đời Tùy có Lâm Hiếu-Cung làm sách Lộc-mạng thơ, Bách-quái thơ, Thái-ất thức kinh, Cửu cung qui kinh, được hậu thế gọi là tổ-sư của các nhà toán-mạng. Đời Bắc Chu có Vệ-Nguyên-Tung làm sách Nguyên-bao, Dã-quí-Tài làm sách Linh-đài bí uyển, đều nổi tiếng là tổ-sư của thuật bói quẻ. Đời Lương có Đào Hoảng-Cảnh làm sách Tường kinh được đời sau gọi là tổ-sư của nghề xem tướng.

Ấy đó, Lão-giáo đến đời Tam-quốc, Lục-Triều đã biến thành cái học của hạng phương-sĩ, thuật-số, luyện thuốc trường-sanh, mất cả tinh-thần vô-vi thanh-tĩnh của triết-lý Lão Trang.

Nói tóm lại Nho-giáo cũng như Lão-giáo sau ngày các vị khai-sáng khuất dạng độ vài trăm năm là bắt đầu thất chân-truyền và suy-lạc. Ấu đó cũng là cái thối-triều chung của các nền học-thuật và đạo-lý ở thời-kỳ Hạ-nguơn-trung.

### **3°) PHẬT-GIÁO BỘ-CHẤP**

Ở Ấn-độ cũng thế, sau khi Đức Phật Thích-Ca nhập Niết-bàn độ 100 năm thì Phật-giáo phân-hóa, phát-khởi vấn-đề bộ chấp giữa hai

phái lão-thành bảo-thủ và thiếu-tráng tân-tiến, xảy ra trong kỳ kết tập lần thứ hai.

Phật-pháp trong khoảng thời-gian từ cuộc kết tập lần thứ nhất cho đến khi vua A-Dục lên ngôi, vẫn giữ một màu sắc, như nước biển chỉ thuần có một vị mặn. Sở dĩ chưa có biến-động nào xảy ra, là vì, cứ như Nam-sơn giới-sớ đã nói, còn giữ được mấy đặc điểm sau đây : 1° Giáo-chủ mới vừa tịch-diệt nên giữa các môn-đệ chưa có ý kiến khác biệt khả dĩ dẫn đến cuộc tranh-luận ; 2° Trong vòng 100 năm, các học-giả cứ một mực truyền-thừa, chưa có tư-tưởng xung đột nhau ; 3° Trong khoảng thời-gian ấy, đồ chúng đều là hạng lợi cơ đủ sức lãnh-hội các pháp quyền thiết, cho nên dầu có dị-thuyết khởi lên cũng không đến nỗi ngộ-nhận, nhờ đó mà giáo-pháp giữ được một màu một vị.

Nhưng một khi các vị đại-đệ-tử của Phật như Đại Ca-Diếp, A-Nan cùng những vị tổ thừa-kế không còn nữa, vì thiếu tiếng nói của những người được thừa nhận là truyền-thống, nên ai cũng có thể chấp lấy ý-kiến của mình mà chủ-trương khác nhau. Chính đó là khởi-đoan của sự phân-liệt giữa các môn-đồ Phật-giáo.

Về nguyên-nhân của sự phân-liệt, có hai truyền-thuyết khác nhau.

Cứ theo truyền-thuyết Nam-phương Phật-giáo của phái Tiểu-thừa, sở dĩ có sự phân-liệt và bộ-chấp là vì mười điều phi-pháp do chư tăng ở Tỳ-Xá-Ly khởi xướng lên phạm đến giới-luật. Để bảo-vệ Luật-tạng, tôn-giả Da-xá-đà (Yasoda) đứng ra triệu tập tại thành Tỳ-Xá-Ly nước Bạt-kỳ, cuộc kết tập lần thứ hai. Kỳ kết-tập này có 700 vị trưởng-lão đến dự, do đó có tên là *Thất-bách tập-pháp*, với mục-đích là để tuyên-minh Thánh-giáo chống lại mười điều phi-pháp. Kết-quả là kỳ kết-tập này là sự thành hình Thượng-tọa-bộ và Đại-chúng-bộ không phải phát-sanh từ cuộc kết tập lần thứ hai mà đã manh-nha từ cuộc kết-tập lần thứ nhất.

Theo *Bộ chấp luận sớ* của Chân-Đế thì sau khi Phật nhập-diệt, Đức Ca-Diếp triệu tập 500 vị La-hán tại hang Thất-diệp, kết-tập Tam-tạng. Ngài A-Nan tụng về Kinh-tạng, ngài Phú-lâu-na tụng về Luận-tạng và ngài Ưu-bà-ly tụng về Luật-tạng. Lúc bấy giờ ở bên ngoài có hàng vạn tỳ-kheo đến muốn nghe pháp, nhưng không được vào, nên tập hợp nhau, mỗi người theo như-pháp mà kết-tập Tam-tạng do tỳ-kheo Bà-sư-bà làm thượng-thủ. Số người dự vào cuộc kết-tập bên ngoài có tên là Đại-chúng-bộ, còn Tam-tạng kết-tập bên trong, do Đức Ca-Diếp làm Thượng-tọa, có tên là Thượng-tọa-bộ.

Mặc dầu có danh-tử Thượng-tọa và Đại-chúng khác nhau, nhưng mầm phân-liệt chưa bộc-lộ, phải đợi đến một trăm năm sau mới phát-sanh sự bộ-chấp giữa hai phái mà nguyên-nhân là năm điều đề-nghị về tân-thuyết của ngài Đại-Thiên, nghĩa là động-nhân của sự phân-liệt thuộc về giáo-lý hơn qui-luật. Có thể nói đây là sự phản-động của



trào-lưu tư-tưởng tự-do, do ngài Đại-Thiên làm đại-biểu, chống chủ-nghĩa bảo-thủ.

Khi Đức Phật còn trụ thế, bao giờ Ngài cũng tùy theo căn-cơ của chúng-sanh mà thuyết ra những pháp tương-ứng. Về tự-thể, giáo-pháp không có phân-biệt cao hạ, nhưng vì căn cơ có thâm có thiển mà thành ra có những chủ-trương dị-đồng. Danh-từ Tiểu-thừa và Đại-thừa sở dĩ có, cũng chẳng qua để chỉ hai hệ-thống tư-tưởng, hai hạng căn-cơ đó thôi.

Dầu ở học-thuyết giáo-lý cũng thế, lúc ban sơ, hạng người chú-trọng về hình-thức bao giờ cũng chiếm phần đông. Chính trong giai-đoạn nguyên-thủy ấy, những kinh-điển phù-hợp với tinh-thần hình-thức được dịp khai-thác và phát-triển hơn hết. Các tư-tưởng tiến-bộ, dầu có, cũng không tái nào xuất-hiện được. Phải đợi cho đến khi, chủ-nghĩa hình-thức động dao, vì tánh-chất bảo-thủ nên trở thành quá thời, lúc bấy giờ tư-tưởng tiến-bộ mới thoát ra được.

Cứ theo *Dị-bộ tôn-luân-luận* của Bồ-tát Thế-Hữu thì vào thời vua A-Dục (độ 218 năm sau ngày Phật nhập Niết-bàn) có ngài Đại-Thiên (Ma-ha Đề-bà) xướng-xuất năm điều tân-thuyết:

1) **Dư sở dụ** là nói: dầu chứng đến bậc A-la-hán, tuy dứt các lậu phiền-não sanh tử, nhưng chưa tránh khỏi xuất tinh vì thiên-ma dụ-hoặc trong mộng.

2) **Vô Tri** là nói: dầu chứng đến bậc A-la-hán, tuy không còn vô-tri nhiễm-ô nhưng còn thứ vô-tri chẳng nhiễm-ô, làm trở ngại sự nhận-thức chân-tướng nhưng không làm trở ngại sự chứng đắc Thánh-quả.

3) **Do dụ** là nói: dầu chứng đắc đến bậc A-la-hán, tuy đã đoạn trừ các thứ nghi-hoặc, nhưng đối với các pháp thế-gian vẫn còn nghi-hoặc.

4) **Tha linh nhập** là nói: dầu chứng đắc đến bậc A-la-hán, có tuệ-nhãn, đắc giải-thoát, nhưng phải nhờ người khác khai-thị mới biết mình ngộ-ngập. Như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên là bậc đại-căn đại-trí phải nhờ có Phật thọ-ký mới biết mình chứng đến bậc nào, hà huống là bậc thiếu-căn thiếu-trí.

5) **Đạo, nhân thỉnh cố khởi** là nói: Đạo Thánh chẳng tùy-tiện phát-sanh mà phải thống-thiết kêu khổ, thành-tâm cải-hối. Nhân tiếng kêu khổ, thành-tâm cải-hối ấy mà Thánh-đạo phát-khởi.

Trên đây là năm điều tân-thuyết được nhìn nhận là chân-chánh Phật-giáo. Để tóm lược năm điều tân-thuyết, Đại-Thiên có xướng bài kệ rằng:

*Dư sở dụ, Vô-tri,  
Do-dự, Tha linh nhập,  
Đạo nhân thỉnh cố khởi,  
Thị danh Chân Phật-giáo.*

Năm điều tân-thuyết này đã gây nên một cuộc tranh-luận sôi nổi giữa phái tán-thành hay Đại-chúng-bộ và phái phản-đối hay Thượng-

toa-bộ. Trong cuộc tranh-chấp ấy, Đại-chúng-bộ thắng thế ở Trung-bộ Ấn-độ, thế nên Thượng-toạ-bộ phải dời lên Ca-thấp-di-la ở miền Bắc.

Giáo-đoàn chẳng những đã phân-liệt làm hai phái căn-bản: Thượng-toạ-bộ và Đại-chúng-bộ, mà về sau trong mỗi phái căn-bản còn phân-liệt ra nhiều bộ phái khác nữa.

### **a) Đại-chúng-bộ phân-liệt**

Tương-truyền, ban sơ các nhà học-giả Đại-chúng-bộ vẫn đồng-tâm hiệp-ý, cùng nhau hoằng-dương giáo-lý Đại-thừa tại thành Vương-xá, nhưng về sau do tư-tưởng bất đồng mà phân ra làm ba bộ: 1° *Nhất thuyết bộ* của những người đặt tin-tưởng hoàn-toàn ở xuất-xứ cũng như nghĩa-lý của kinh Đại-thừa; 2° *Thuyết xuất thế bộ* của những người không hoàn-toàn tin ở kinh Đại-thừa; 3° *Kê dẫn bộ* cũng gọi là Hội sơn trú bộ của những người chỉ tin ở Tạng Luận chớ chẳng quan-thiết gì đến sự tin hay không tin kinh Đại-thừa. Đó là lần thứ nhất Đại-chúng-bộ phân-liệt làm ba bộ.

Sau đó, Đại-chúng-bộ còn phân thêm một bộ nữa gọi là Đa-văn-bộ. Người chủ-trương bộ này là A-la-hán Tự-bi-y, vốn từng theo Phật nghe Pháp, nay nhận thấy Đại-chúng-bộ chưa thâm-ý của Phật, nên tung ra những giáo-lý cao sâu của Đại-thừa hầu bổ-túc Đại-chúng-bộ.

Đa-văn-bộ ra đời chẳng bao lâu thì có tôn-giả Ca-chiên-diên nhận thấy Đa-văn-bộ tuy hoằng-truyền thâm-nghĩa nhưng chưa được tường-tế, nên gia-đĩ phân-biệt tục-đế với chân-đế, thuyết giả-danh với thuyết chân-thực của Phật. Nhân đó có tên Thuyết giả bộ.

Về sau, cách Phật diệt độ 200 năm, có một người ngoại-đạo xuất-gia, tu theo Đại-chúng-bộ, cũng tên là Đại-Thiên, nghe nhiều, tinh-tấn, thường ngụ trên Chế-đa-sơn, cùng các tăng-chúng nghiên-cứu về năm điều tâm-thuyết. Do chỗ bất đồng giữa hai phái tán-thành và phản-đối mà phân ra làm ba bộ: 1° Nhóm ở tại núi Chế-đa thì gọi là *Chế-đa sơn bộ*; 2° Nhóm ở phía Tây núi Chế-đa thì gọi là *Tây-sơn trú bộ*; 3° Nhóm ở phía Bắc núi Chế-đa thì gọi là *Bắc-sơn trú bộ*.

Như thế, trước sau Đại-chúng-bộ đã trải qua 4 lần (có thuyết nói là 5 lần) phân-liệt, hợp thành tất cả 9 bộ: 1° Đại-chúng-bộ, 2° Nhất thuyết bộ, 3° Thuyết xuất thế bộ, 4° Kê dẫn bộ, 5° Đa văn bộ, 6° Thuyết giả bộ, 7° Chế-đa sơn bộ, 8° Tây sơn trú bộ, 9° Bắc sơn trú bộ.

### **b) Thượng-toạ bộ phân-liệt**

Sự phân-liệt của Đại-chúng bộ xảy ra trong khoảng 200 năm sau ngày Phật nhập-diệt. Đến như Thượng-toạ-bộ phải đợi đến 300 năm sau ngày Phật nhập-diệt, sự phân-liệt mới xảy ra, nghĩa là chậm hơn 100 năm.

Tương-truyền, từ Tôn-giả Ca-Diếp cho đến Ưu-bà-cúc-đa, Kinh tạng vẫn được hoằng-truyền không có gì thay đổi. Về sau, thời-gian càng đi xa thì cái khuynh-hướng chuộng Luận khinh Kinh một ngày

một phát-hiện ra. Các vị Đại-đức thấy thế lấy làm lo ngại, mới đứng ra củ-chánh. Vì thế mà Thượng-tọa-bộ phân-liệt làm hai bộ: 1° Thuyết nhất thiết Hữu-bộ cũng gọi là *Thuyết nhân bộ*; 2° Tuyệt sơn bộ, tức chuyển danh của Thượng-tọa-bộ không muốn ở chung với những người phân-tranh nên dời lên ở Tuyệt-sơn. Nhân đó, Thượng-tọa-bộ đổi tên là *Tuyệt-sơn-bộ*.

Về sau, thuyết-nhất-thiết Hữu-bộ phân ra làm một bộ nữa, gọi là *Độc-tử-bộ* lấy tên đệ -tử của La-hầu-la là Bà-thư-tử cũng gọi là *Độc-tử*.

Sau đó, nhận thấy nghị-luận của Độc-tử-bộ còn nhiều khuyết-điểm nên có một số học-giả chủ-trương lấy nghĩa Kinh bồ-túc. Do đó Độc-thử Độc-tử bộ, phân-liệt làm 4 bộ: 1° Pháp thượng-bộ, 2° Hiền trụ-bộ, 3° Chánh lượng bộ, 4° Mật lâm sơn bộ.

Cũng trong khoảng 300 năm sau Phật nhập-diệt có một vị vua theo đạo Bà-la-môn tên là Hóa-địa xuất gia tu Phật, nhận thấy trong kinh Phật còn nhiều chỗ chưa được viên-mãn, nên lấy ý-nghĩa của kinh Phê-đà trang-nghiêm kinh Phật. Trong hàng đệ-tử, có người tin theo những luận-thuyết ấy, biệt lập làm bộ gọi là Hóa-địa-bộ.

Về sau trong Hóa-địa-bộ nảy sanh ra Pháp-tạng-bộ, lấy tên của đệ-tử của Mục-kiền-liên.

Đến cuối khoảng 300 năm sau Phật nhập diệt, Thuyết nhất-thiết Hữu-bộ lại lưu-xuất ra một bộ, lấy tên là Âm-quang-bộ cũng gọi là Thiện-tuế-bộ, do ngài Thiện-tuế chủ xướng. Thiện-tuế có họ là Âm-quang, nên nhân đó gọi là Âm-quang-bộ.

Sau Phật nhập diệt độ 400 năm, lại xuất-hiện thêm Kinh-lượng-bộ do ngài Cứu-ma-la-đa thành lập, nhận thấy học-giả của Hữu-bộ và Độc-tử-bộ quá thiên-chấp Luận-tạng, xa dần Kinh-tạng, nên ngài mới tuyên-xưng Tôn-giả A-nan làm thầy và lấy Kinh làm lượng, bởi Kinh là căn-bản của Phật-pháp, còn Luật và Luận chỉ là để giải-thích các Kinh mà thôi. Bởi lấy Kinh làm lượng, cho nên có tên là Kinh-lượng-bộ, cũng gọi là Thuyết-chuyển-bộ, chủ ý cho rằng Kinh-tạng có năng-lực chuyển chánh-pháp từ tiền-thế đến hậu-thế.

Như thế, trước sau Thượng-tọa-bộ đã trải qua 7 lần (có thuyết nói 8 lần) phá-liệt, hợp thành tất cả là 11 bộ: 1° Thuyết nhất-thiết Hữu-bộ, 2° Tuyệt-sơn bộ, 3° Độc-tử-bộ, 4° Pháp thượng-bộ, 5° Hiền-trụ bộ, 6° Chánh-lượng-bộ, 7° Mật lâm-sơn bộ, 8° Hóa-địa bộ, 9° Pháp-tạng bộ, 10° Âm-quang bộ, 11° Kinh-lượng bộ.

Nói tóm lại Đại-chúng phân làm 9 bộ, Thượng-tọa phân làm 11 bộ, tổng-cộng tất cả là 20 bộ. Thật là một cảnh tượng vô cùng quang-đáng về phương-diện phát-triển tư-tưởng Phật-học. Nhưng cũng chính đó là biểu-tượng của sự chia-ly và xa dần chánh-pháp. Có điều là sự tranh chấp bộ phái của Phật-giáo, chẳng những chẳng gây thành chiến-tranh giữa các tín-đồ như các tôn-giáo khác, mà trái lại làm cho giáo-lý căn-bản thêm sáng tỏ và một ngày sum-nghiêm thêm. Sở dĩ

được như thế là nhờ giáo-pháp từ-bi của Phật đã đào-luyện nơi đồ-chúng một tinh-thần hy-sanh và cầu tiến.

Dẫu vậy mặc lòng, về đại-thể, Phật-giáo cũng không tránh khỏi cái tình-tệ của thời tượng-pháp là thời-kỳ đồ-chúng chuyên tu về hình-tướng hơn ngộ nhập chứng chơn.

### CHƯƠNG III THỜI-KỲ HẠ-NGUƠN-HẠ I° XÃ-HỘI THAM DỤC

Thời-kỳ Hạ-nguơn-hạ là thời-kỳ đen tối, xấu-xa nhất của buổi Hạ-nguơn, bởi đây là giai-đoạn cuối cùng của Tam-nguơn, cũng như phần cặn cáu còn đọng lại trong lu nước.

Giữa thời-kỳ Thượng-nguơn-thượng và thời-kỳ Hạ-nguơn-hạ là sự cách-biệt giữa hai thái-cực, giữa hai cái đối-lập của trắng với đen, của cái cực-kỳ thanh-cao và cái cực-kỳ ô-trược. Cứ nhìn vào cuộc đời của con người Thượng-nguơn-thượng rồi đem cái trái ngược đối-chiếu lại là chúng ta có được cuộc đời của con người Hạ-nguơn-hạ.

Như đã thấy, khi thế-giới chúng-sanh mới thành-lập, con người từ trên các cõi thượng-giới hóa-sanh xuống Hạ-giới. Ban sơ hình-thể còn khinh-thanh, tâm-tánh còn hòa-hợp với thiên-nhiên nên có đủ các phép thần-thông tự-tại. Giữa người với người, chẳng cần dùng ngôn-ngữ cũng có thể thông-cảm nhau bằng những luồng tư-tưởng. Nhờ vậy họ sống thuần tĩn và hoàn-toàn hướng về nội-thức.

Nhưng con người huyền-linh ấy vì đắm mê vật-dục mà một ngày một trở nên trọng-trược. Cứ theo kinh Bi-hoa thì từ 8 vạn tuổi ở đầu Thượng-nguơn giảm xuống còn 3 vạn tuổi, con người chưa nhiễm-trược, nhưng bắt đầu từ 2 vạn tuổi trở đi thì con người không còn khinh-thanh nữa mà nhiễm phải năm điều trược:

1) **Kiếp trược** là thời-kỳ, khi tuổi thọ giảm xuống còn 2 muôn thì kiếp sống con người trở nên không an do bốn thứ trược sau đây nhiễm-loạn.

2) **Kiến trược** là sự nhận-định xét nghĩ như đục. Bước vào thời-kỳ Kiếp-trược thì trí óc con người trở nên-mờ mịt do năm thứ lợi-sử khởi lên: a) Thân-kiến là chấp thân mình thật có; b) Biên-kiến là chấp thân hằng còn hay chẳng còn sau khi chết; c) Tà-kiến là chấp chẳng có luật nhân-quả; d) Kiến-thủ-kiến là chấp mình hơn người; e) Giới-cấm-thủ là chấp lấy cách giữ giới thái-quá của các đạo tà.

3) **Phiền-não trược** là tâm-điên trở nên vẫn đục do năm thứ độn sau đây làm mê mờ: a) Tham-lam; b) Giận hờn; c) Mê-si; d) Kiêu-mạn phách lối; e) Nghi-ngờ đối với các thiện-pháp.

4) **Chúng sanh trược** là con người vì kiến-trược và phiền-não-trược hoặc-loạn mà thành ra tâm độn thể nhược, chiêu-cảm lấy quả báo xấu-xa, thân-hình thô-kịch, phước ít khổ nhiều.

5) **Mạng-trực** là cuộc sống càng ngày càng bản-thiêu, tuổi thọ cứ giảm xuống mãi.

Ban sơ, khi mới bước vào Kiếp-trực ở cuối buổi Thượng-ngươn, sự nhiễm trực còn nhẹ, nhưng dần dần theo thời-gian, sự nhiễm trực càng tăng tiến lên mãi cho đến buổi Hạ-ngươn thì cái mật-độ của nó vượt lên đến chỗ cao tột.

Sự nhiễm trực của con người Hạ-ngươn vì không khác một hồ nước chắt chứa lâu đời. Ban đầu thì nước chưa đục, nhưng trải qua thời-gian, phần nào lớp nước trong ở trên mặt được mức bớt đi, phần nào rớt-rến một ngày một tích-tụ thêm, thành thử trong hồ chỉ còn cặn lại những đồ trọng trực.

Bởi quá trọng trực, trực cả thân-thể lẫn tâm-thức, nên con người Hạ-ngươn-hạ mất hết bản-tánh huyền-linh của con người Thượng-ngươn-thượng. Cuộc đời ngũ-trực cứ xô đẩy họ mãi rơi xuống hố vật-dục. Rồi để thỏa-mản những khát vọng về danh, lợi, tình, họ đuổi miết theo đà vật-dục và càng đẩy mạnh bánh xe vật-dục lăn mau.

Đứng trên chiếc xe vật-dục đang lăn, trước mắt họ chỉ thấy có vật-dục và cứu cánh của cuộc đời đối với họ cũng chỉ qui hướng về một mục-đích là tìm cầu và phát-triển mọi khoái-cảm về xác-thịt. Thế là đời sống của họ nghiêng về vật-chất, khác hơn người Thượng-ngươn sống hoàn-toàn về tinh-thần.

Cứ theo đó thì vấn-đề Tâm và Vật đã diễn-tiến song đôi với quá-trình phát-triển của Tam-ngươn: Thượng-ngươn là thời-kỳ phát-triển về Tâm, Trung-ngươn là thời-kỳ phát-triển về Tâm lẫn Vật, còn Hạ-ngươn là thời-kỳ hoàn-toàn phát-triển về Vật.

Thật ra thì vật-chất đoạt lấy địa-vị độc-tôn và ngự-trị trên đời sống và tâm-hồn con người là bắt đầu từ thời-kỳ Hạ-ngươn-hạ là thời-kỳ phát-minh máy-móc và khoa-học.

Sau một thời-gian gần mười bảy thế-kỷ sống trong hắc-ám, xã-hội Tây-phương bắt đầu chuyển mình trời dậy. Những cuộc viễn-chinh của đoàn Thập-tự-quân (Croisades), những cuộc khám-phá các cõi xa lạ của những nhà thám-hiểm mở đường thông-thương cho sự giao-dịch và phát-đạt các thị-trấn ở Âu-châu. Nhiều thành-thị thương-mại được dựng lên, quần-tụ thành một xã-hội thị-dân càng ngày càng tăng-gia hàng ngũ. Thế-lực phong-kiến và nhà-thờ vì thế suy-vi.

Cuộc thương-mại với xứ lạ đem lại cho thị-dân một nguồn-lợi vô cùng trọng-đại. Số vàng bạc do cuộc khám-phá châu Mỹ và sự khai-quật các mỏ ở Pérou, tấp-nập đổ về Âu-châu như một luồng sinh-khí thổi vào nền thủ-công và kỹ-nghệ trong nước. Vào thế-kỷ thứ XVII, chánh-sách kinh-tế của các quốc-gia ở Âu-châu đều quay quần vào năm điểm sau đây:

Tìm đủ cách chiếm đoạt vàng bạc càng nhiều càng hay;

Khuyến-khích cuộc thương-mại với ngoại-quốc hơn buôn-bán trong nước;

Khuyến-khích nền kỹ-nghệ biến-chế nguyên-liệu thành hóa-vật chế-tạo và mang đi được;

Khuyến-khích sự tăng-gia dân-số, bởi ngành chế-tạo cần nhiều nhân-công mà một nước nông-nghiệp không cung-cấp đầy đủ;

Trao cho nhà nước sự chỉ-huy phong-trào thương-mại và quyền can-thiệp khi cần. (Dẫn theo Hendrick Van Loon: Histoire de l'Humanité, tr. 255)

Cho được thực-hiện những điều trên đây, các nước đua nhau biến nền thủ-công-nghệ thành kỹ-nghệ để kịp sản-xuất hàng-hóa cung-ứng vào cuộc thương-mại. Chính đó là động-lực thúc đẩy các nhà sản-xuất nghĩ đến việc phát-minh máy-móc để tăng-gia sản-xuất.

Năm 1760 ở Anh máy chạy bằng hơi nước đã được áp-dụng vào nhiều kỹ-nghệ kéo sợi, như kỹ-nghệ dệt vải ở Lancashire và kỹ-nghệ dệt nỉ ở Yorkshire. Năm 1769, Watt kế tục những công-trình của Salomon de Caus và Denis Papin, dùng hơi nước để chạy máy. Cũng trong năm ấy, Joseph Cugnot người xứ Lorraine chế được xe vận tải chạy bằng hơi nước đã phổ-biến khắp nơi.

Cuộc phát-minh máy móc đã giúp cho kỹ-nghệ tiến-triển rất nhanh chóng. René Gonard trong quyển *Kinh-tế học-thuyết sử* nhận rằng : "một kỷ-nguyên mới mở ra với kỹ-nghệ đầy khả-năng-tính mà trước kia không thể sánh kịp. Người thời nay chừng như đã có cảm-giác rõ-rệt về những khả-năng-tánh ấy.

"Sau thời-đại Trung-cổ của địa-chủ thẳng thẽ, sau thời-đại thương-m ãi của thương-nhân, nước Anh bước đến (trước hơn các nước) thời-đại của đại công-xưởng.

Kỹ-nghệ (nhờ dùng máy chạy bằng hơi nước và than) đã giải-phóng những tư-bản cũ, bấy lâu bị bắt-buộc phải thiết-lập gần rừng và sông để lấy nhiên-liệu và sức nước. Nền tiểu thủ-công mà người ta cho rằng không mấy thay đổi từ xã-hội văn-minh Cận-đông đến giữa thế-kỷ thứ 18, phải nhường chỗ cho đại kỹ-nghệ. (Dẫn theo Pierre Lucius : Faillite du Capita-lisme, tr. 212).

Với chế-độ đại kỹ-nghệ, tiểu kỹ-nghệ vì sức sản-xuất kém, phải đành phá-sản. Trong lúc ấy thì các công-xưởng chạy bằng máy móc tăng-gia thập bội, thành ra số hàng-hóa đưa ra thị-trường phải ối-động. Sức tiêu-thụ địa-phương không thể ngốn hết số hàng-hóa sản-xuất quá dư, tất nhiên đòi hỏi sự tự-do mậu-dịch và tự-do cạnh-tranh. Kể ra nước Anh là nước đoạt hai quyền tự-do ấy trước hơn đâu hết để được bành-trướng đại kỹ-nghệ. Tuy nhiên sự tự-do cạnh-tranh trong xứ chỉ là một động-lực làm phát-triển kỹ-nghệ thôi. Sức tiêu-thụ trong xứ, dầu sao vẫn còn kém cỏi đối với sức sản-xuất ồ-ạt của kỹ-nghệ cơ-khí. Điều-kiện cần thiết cho sự phát-triển kỹ-nghệ là phải xuất-cảng hàng-hóa ra xứ ngoài, phải có nhiều thị-trường mới ở hải ngoại. Do đó,

sự phát-triển kỹ-nghệ cơ-khí dẫn-khởi vấn-đề xâm-lược thuộc-địa. Phương chi đất thực-dân chẳng những đem lại cho kỹ-nghệ những thị-trường mới mà còn cung-cấp nhiều nguyên-liệu mà các nước kỹ-nghệ rất cần đến.

Ấy, cả đặc-tánh của chủ-nghĩa tư-bản ở thời-kỳ chớm nở, đều bao gồm trong hai điều-kiện tất-yếu là sự tự-do cạnh-tranh và xuất-cảng hàng-hóa ra ngoại-quốc. Kết-quả hiển-nhiên của sự tự-do cạnh-tranh ở thời-kỳ này là sự đào-thải các xưởng nhỏ và sự tập-trung các xí-nghiệp lớn. Và chẳng, sự tổ-chức xí-nghiệp theo qui-mô đại kỹ-nghệ rất cần nhiều vốn, các xưởng nhỏ bởi ít vốn, hơn nữa bởi tổ-chức lồi-thôi, sản-vật tạo ra mất, thành-thủ không cạnh-tranh nổi với những xí-nghiệp lớn tổ-chức hoàn-bị hơn, lại nhờ nhiều vốn, nguyên-liệu mua nhiều ắt rẻ hơn, nên hóa-vật tạo ra tất nhiên phải rẻ. Do đó, số xưởng nhỏ ngày một giảm thiểu để tập-trung vào các xí-nghiệp lớn.

Nhưng khi các xưởng nhỏ bị đào-thải, các nhà tư-bản thấy sự cạnh-tranh giữa các đại xí-nghiệp không lợi gì, nên đổi chánh-sách cạnh-tranh ra chánh-sách liên-hiệp để đủ lực-lượng khuếch-trương cho kịp các xí-nghiệp ngoại-quốc. Sự liên-hiệp các đại xí-nghiệp đưa chế-độ đại tư-bản đến tình-trạng khác hẳn tình-trạng cũ, là lấy sự độc-quyền làm căn-bản cho sự phát-triển kỹ-nghệ. Bởi thế, chủ-nghĩa tư-bản ở thời-kỳ này đã biến thành chủ-nghĩa của những nhà độc-quyền.

Sự liên-hiệp các nhà độc-quyền đã tạo ra những xí-nghiệp đồ-sộ với những hình-thức mới như Cartel, Comptoir, Consortium, Trust, Syndicat...nhằm mục-đích chia thị-trường và quyền-lợi giữa các nhà tư-bản. Trong khi độc-quyền tập-trung thì tư-bản thành ra dư-dật đến đọng lại. Đáng lẽ đem số tiền dư ấy khuếch-trương nông-nghiệp trong xứ, họ lại đem ra ngoại-quốc mưu-đồ thực-nghiệp, là bởi họ thấy đem tiền mở-mang nông-nghiệp trong xứ không lợi bằng đem vốn đi khai-thác các xứ lạc-hậu là nơi nguyên-liệu đã rẻ mà nhân-công cũng không mắc. Một số tư-bản nhỏ có thể khai-thác nhiều nguồn-lợi và chắc chắn được lợi-tức thập bội.

Đến đây, chủ-nghĩa tư-bản bước qua giai-đoạn xuất-cảng tư-bản, khác hơn thời-kỳ trước chỉ chú vào sự xuất-cảng hàng-hóa. Với sự xuất-cảng tư-bản, chế-độ tư-bản đạt đến giai-đoạn phát-triển tối-cao và biến thành chế-độ đế-quốc với tham vọng đi chiếm thuộc-địa và gây chiến-tranh xâm-lược.

Nói tóm lại sự phát-triển cơ-khí đã thúc đẩy nền kinh-tế thủ-công tiến lên kỹ-nghệ, từ tiểu-thương tiến lên đại tư-bản tài-chánh. Quá-trình của sự phát-triển này có thể phân ra làm hai giai đoạn: giai-đoạn thứ nhất với sự tự-do cạnh-tranh và xuất-cảng hàng-hóa và giai-đoạn thứ hai với sự liên-hiệp các đại xí-nghiệp và xuất-cảng tư-bản.

Với sự phát-triển máy-móc, nguồn lợi càng tăng-gia thì lòng tham của con người càng thêm lớn. Để thỏa-mãn dục-vọng không bờ bến, hạng người có phương-tiện trong tay đẩy mạnh sự phát-triển

máy-móc và cố độc chiếm tất cả quyền-lợi về mình. Lòng tham vọng ấy đã tạo nên trên xã-hội loài người, từ thế-kỷ thứ XVII trở lại đây, một cảnh-tượng vô cùng thê-thảm đầy dẫy những đói khó, thất-nghiệp, chiến-tranh.

Vì sự độc-quyền và tập-trung tư-bản mà các tiểu kỹ-nghệ phá sản; vì máy-móc cướp công hàng triệu thợ thầy thất-nghiệp, đói đau; vì sản-xuất quá thặng dư mà hàng-hóa ồ ạt gây nên nạn kinh-tế khủng hoảng trầm-trọng; vì giành giật thị-trường mà các nước nhược-tiểu bị xâm-lãng; vì tham vọng qua phân thế-giới mà chiến-tranh khốc-liệt xảy ra không dứt.

## **2° CHIẾN-TRANH TÀN-KHỐC**

Trong các thời-kỳ không có lúc nào loài người chém giết nhau tàn-nhẫn bằng thời-kỳ Hạ-nguơn-hạ. Động-lực của sự tàn-sát, xâm-lược, chiến-tranh đều không ngoài dục-vọng không bờ bến của con người.

Đã biết, từ khi cuộc đời trở nên ô-trược, con người không còn thanh-tịnh thiện-lương như trước nữa, nhưng chưa quá tham-tàn hung-ác bằng thời-kỳ mà đời sống quá thạnh về vật-chất. Đất-đai khi còn thừa, dân-số chưa đông đúc, việc sanh-hoạt còn dễ dàng thì ai cũng có thể sống yên với thửa ruộng của mình, với những sản-vật thiên-nhiên sẵn có. Phương-tiện sanh-sản chưa tinh-xảo thì dầu có tham ác cũng không làm sao khai-thác hết được.

Nhưng bắt đầu từ khi phát-minh máy-móc, phương-tiện sản-xuất càng tinh, qui-mô khai-thác càng rộng, mỗi lợi thâm-hoạch càng nhiều thì sự tranh-chấp quyền-lợi giữa loài người càng trở nên ác-liệt. Thúc đẩy bởi những mối lợi to tát do các cuộc thương-mãi với xứ ngoài, khai quật mỏ vàng mỏ bạc cùng tài nguyên ở các nước xa lạ, lòng ham lợi càng bùng-bột lên, tìm đủ cách giật giành chiếm đoạt. Mặt nào cải thiện phương-pháp sanh-sản để tăng-gia sản-suất, mặt nào lo độc chiếm thị-trường để tiêu-thụ hàng-hóa, cuộc cạnh-tranh vì thế càng lúc càng trở nên gay gắt đến gây thành những cuộc chiến-tranh khốc hại. Để nắm lấy phần thắng về mình, nước nào cũng thi đua chế-tạo vũ-khí tối-tân có thể giết hại hằng muôn, triệu sanh-linh trong nháy mắt.

Từ thế-kỷ XVII trở lại đây là những chuỗi ngày thê-thảm nhất của nhân-loại. Chẳng có lúc nào các nước chẳng đánh nhau. Ngọn lửa chiến-tranh, như châm thêm dầu, mỗi ngày bùng cháy mạnh lên. Nhiều nhà khoa-học lấy làm tự-đắc và hãnh-diện về những phát-minh của mình, cho đó là một sự văn-minh tấn-bộ, nhưng có biết đâu, vì không phụng-sự hạnh-phúc nhân-sanh, những công-trình phát-minh ấy chính làm khổ nhân-loại suốt mấy trăm năm gần đây, tức là suốt thời-kỳ Hạ-nguơn-hạ.



Cứ theo các biến-chuyển xảy ra, thời-kỳ Hạ-nguơn-hạ trải qua ba giai-đoạn: giai đoạn thứ nhất, từ cuộc phát-minh cơ-khí cho đến trận Đại-chiến thứ nhất, tức là bắt đầu từ thế-kỷ XVII đến năm 1914. Giai-đoạn thứ hai, tức là năm 1918 đến năm 1939. Giai-đoạn thứ ba từ trận Đại-chiến thứ hai đến trận Đại-chiến thứ ba, tức là từ 1945 trở đi.

**Giai-đoạn thứ nhất.**- Bước vào đầu thế-kỷ XVII, như chúng ta đã thấy, xã-hội Âu-châu cựa mình trỗi dậy sau hằng nghìn rưỡi năm đồng trong hắc ám của Trung-cổ thời-đại. Nhờ các cuộc thám-hiểm và giao-thông mở đường mà thương-mại trở nên phồn-thạnh. Các đô-thị lớn được dựng lên, các nền kỹ-nghệ chấn-phát. Chế-độ phong-kiến dần dần sụp đổ trước sự trưởng-thành của các quốc-gia tân-tiến. Sự phát-triển thương-mại đòi hỏi sự tăng-gia sản-xuất. Đó là động-nhân thúc đẩy sự phát-minh cơ-khí. Với sự xuất-hiện máy-móc, các thủ-công, tiểu kỹ-nghệ phải nhường bước cho đại kỹ-nghệ khuếch-triển qui-mô sản-xuất hoǎng-đại. Nhưng lúc bấy giờ, luật-lệ trong nước còn gǎt-gao đối với sự tự-do cạnh-tranh và thông-thương, rất có hại cho sự phát-triển kinh-tế. Cho được tự-do hành-động, các nhà sản xuất và thương-mại nổi lên tranh-đấu, gây thành những cuộc cách-mạng ở các nước Âu-châu.

Mở đầu cho sự cạnh-tranh tự-do là cuộc cách-mạng ở nước Anh. Sau cuộc cách-mạng của Cromwell, nước Anh thực-hiện được quyền tự-do về kinh-tế, đẩy mạnh sự phát-triển kỹ-nghệ trong nước và bành-trướng thế-lực thương-mại ra xứ ngoài. Nhờ được tự-do giao-dịch, các nhà kinh-doanh Anh đã mở đường cho công cuộc chiếm đất thực-dân trước hơn các nước. Hầu hết trên các mặt địa-cầu, chỗ nào cũng có thuộc-địa của Anh.

Sự phát-triển kinh-tế của Anh thúc đẩy phong-trào tranh-đấu đòi được tự-do kinh-thương ở các nước. Để kịp tranh ảnh-hưởng trên đường quốc-tế, nước Pháp, Đức cũng như Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha ban-hành sắc lệnh nới rộng quyền kinh-thương và khuyến-kích các đoàn thám-hiểm đi tìm các cõi xa lạ. Mọi cơ-sở sản-xuất đều được canh-tân và tăng-cường lực-lượng. Công-cuộc chiếm-đoạt đất thực-dân làm bộc-phát những cuộc tranh-chấp vô cùng gay go giữa các đoàn thám-hiểm. Nước nào cũng muốn chiếm lãnh những nước còn lạc-hậu hơn mình, có khi cùng trên một khu-vực mà nhiều nước tranh nhau chia xẻ đến sanh ra nhiều cuộc chạm súng lưu huyết. Những miếng mồi béo bở quyến-rủ nhất là những đất Phi-châu, Ấn-độ, vùng Đông Nam Á, Trung-hoa, Bắc và Nam-Mỹ.

Ở Phi-châu, Anh, Pháp, Bỉ, Ý, Đức, Tây-ban-nha...tranh nhau chiếm lãnh mỗi vùng, chia xẻ đất-đại thành manh mún. Ở Bắc Mỹ, hai nước Pháp và Anh đụng độ nhau và rốt cuộc Pháp rút lui vì yếu thế, Pháp còn nhượng bộ Anh ở Ấn-độ. Ở Nam-Mỹ thì Bồ-đào-nha và Tây-ban-nha làm bá chủ. Nhưng quyết liệt nhất là sự tranh-chấp thị-trường của các nước Anh, Pháp, Mỹ, Nga, Nhật, Đức...trên đất Trung-hoa. Mỗi

nước cắt đất lập tô-giới và tranh-đoạt độc-quyền về sự khai-thác đường hỏa-xa và bưu-điện.

Chẳng bao lâu, những nước bán-khai trên khắp mặt địa-cầu đều bị các cường-quốc chia nhau chiếm-lãnh, khai-thác cho chính-quốc một nguồn lợi to-tát về nguyên-liệu. Nhân đó cuộc thương-mãi thêm phần-thịnh, nền kỹ-nghệ trong nước thêm khuếch-trương. Thế-lực của giới người kinh-doanh trở nên mạnh-mẽ, dĩ nhiên không tránh khỏi đụng chạm quyền lợi của hạng vua chúa còn ngự-trị ở xã-hội Âu-châu. Mặc dầu được nhà cầm-quyền nới rộng sự tự-do về phương-diện kinh-tế, nhưng về phương-diện chánh-trị họ còn bị nhiều ràng buộc.

Nền kinh-tế càng phát-đạt chừng nào thì càng thôi-động hạng kinh-doanh tức giai-cấp tư-sản đứng lên tranh-đấu cho quyền sống của con người chừng nấy. Những tư-triều tự-do bình-đẳng xướng-khởi lên gây thành những cuộc vận-động trong dân-chúng, khơi ngòi cho những cuộc cách-mạng dân-quyền bùng nổ ở nhiều nước.

Mở đầu cho cuộc giải-phóng giai-cấp tư-sản là cuộc cách-mạng độc-lập của Hoa-kỳ. Từ lâu Bắc Mỹ là đất thực-dân của Anh. Năm 1776, Huê-kỳ đứng lên tranh-đấu giải-thoát ách đô-hộ của Anh mà giành lại quyền tự-chủ. Về hình-thức, có thể nói đó là một cuộc chiến-tranh giải-phóng của một nước bị-trị, nhưng về thực-chất, chính đó là một cuộc cách-mạng dân-quyền. Vì rằng Huê-kỳ là một nước tổ-hợp đủ các hạng chánh-trị-gia lưu-vong, từng đứng lên tranh-đấu dân-quyền, nhưng đã thất bại, hoặc tự bôn-tẩu qua Huê-kỳ tìm nơi ẩn-trú. Cái ý-chí tranh-đấu dân-quyền ấy mãi nuôi nấng trong tim óc của họ. Đánh đuổi quyền thống-trị của Anh chỉ là một phương-tiện lấy lại quyền tự-chủ để thực-hiện mục-phiêu chánh là sự thành-lập một chế-độ hoàn-toàn dân-chủ mà họ tha-thiết từ lâu. Điều này biểu rõ nơi bản Tuyên-ngôn dân-quyền (Bill of right), trong đó tuyệt-nhiên không đề-cập đến việc chống Anh mà chỉ thiết-lập các nguyên-tắc về chủ-nghĩa dân-chủ, nhìn nhận dân-quyền và mọi tự-do căn-bản.

Cuộc cách-mạng Huê-kỳ gây nên một xúc-động mạnh ở Âu-châu và mở đường cho nhiều cuộc cách-mạng dân-quyền liên-tiếp xảy ra. Trước hết là cuộc cách-mạng Pháp bùng nổ năm 1789 và kéo dài ngót một thế-kỷ. Sau Pháp, các nước Đức, Ý cùng các nước ở Trung-Âu nổi lên cách-mạng để thống-nhất quốc gia và thoát-ly chế-độ phong-kiến. Một khi củng-cố nội-bộ và hoàn-bị các qui-mô phát-triển kinh-tế để trở nên một quốc-gia tân-tiến và cường-thạnh, các nước bèn chuyển hướng cuộc tranh-đấu ra xứ ngoài. Sự cạnh-tranh ảnh-hưởng trên cuộc-diện quốc-tế, sự tranh-chấp quyền-lợi trên các đất thực-dân đã xô đẩy các nước đi đến những cuộc chiến-chinh dai-dẳng để rồi bùng nổ Đại-chiến thứ nhất 1914-1918, đưa nhân-loại vào cảnh tàn-sát vô cùng thảm-khốc.

Nói tóm lại, giai-đoạn đầu của thời-kỳ Hạ-ngươn-hạ đã gạch đậm trên lịch-sử nhân-loại mấy đặc-điểm sau đây:

1° Sự khám-phá các cõi xa lạ và phát-minh cơ-khí đã giúp nền thương-mại phồn-thịnh và các nền kỹ-nghệ bột-hưng. Các nước Âu-châu cõi lột phong-kiến để tổ-thành những quốc-gia tân-tiến. Nhiều cuộc cách-mạng nội-bộ phát-sanh phá vỡ những ràng buộc cũ, mở cửa cho sự tự-do cạnh-tranh về xuất cảng.

2° Sự tăng-gia sản-xuất đòi hỏi sự mở mang thị-trường ở ngoại-quốc, làm nguyên-cơ cho những cuộc chiếm-lãnh đất thực-dân và sự tranh giành giữa các nước, đến gây thành nhiều cuộc tranh-chấp thuộc-địa.

3° Được quyền tự-do cạnh-tranh về kinh-tế chưa đủ mà còn cần phải được tự-do về chánh-trị. Đó là nguyên-nhân đã dưỡng thành những cuộc cách-mạng dân-quyền ở Huê-kỳ, Pháp và các nước ở Âu-châu.

4° Sau khi củng cố nội bộ và phát-triển các đất thực-dân, các nước lại xung-đột nhau về quyền-lợi, sự tranh-giành ảnh-hưởng, đến kéo nhau vào cuộc Đại-chiến thứ nhất.

**Giai-đoạn thứ hai.**- Cuộc sát-hại sanh-linh trong trận Đại-chiến thứ nhất chỉ làm đau khổ nhân-loại hơn là giải-quyết mọi mâu-thuẫn về quyền-lợi giữa các nước để đem lại hòa-bình thế-giới. Đã không san bằng sự bất-công mà trái lại tạo thêm những bất-bình-đẳng mới. Những nước chiến-thắng tăng thêm thế-lực bằng cách tước đoạt thuộc-địa của các nước chiến-bại. Thành thử đòn cân quân-bình thế-lực càng chênh-lệch hơn trước khi xảy ra chiến-tranh. Các nước chiến-bại phải chịu khuất-phục dưới sự quyết-định của điều ước Vẹt-xây (Versailles) để chờ dịp phục thù trả hận.

Gia dĩ, trận Đại-chiến thứ nhất còn sản-sanh thêm một mối hiểm họa cho hòa-bình nhân-loại. Đó là sự khai-sanh nước Nga-sô cộng-sản. Sở dĩ Nga thực hiện được chế-độ Sô-viết, là vì chế-độ tư-bản sản-sanh ra nó. Từ khi nền kỹ-nghệ phát-triển, các xí nghiệp tập-trung thì các ngành tiểu-công, vì cạnh-tranh không lại nên phá-sản. Số người mất nghiệp phải gia-nhập vào hàng-ngũ thợ-thuyền càng ngày càng tăng-gia và tập-trung vào các đại kỹ-nghệ. Kịp khi cơ-khí phát-minh, các đại kỹ-nghệ canh-tân thì số người bị máy móc cướp công ăn việc làm mỗi ngày mỗi thừa thải rất nhiều. Số cung vượt qua số cầu, thành-thủ giá trị lao động phải rẻ mà số người thất-nghiệp càng lúc càng đông, diễn ra cảnh đói đau trong xã-hội.

Khai-thác nỗi đau khổ của giới cần-lao, Các-Mác (Karl Marx) đào sâu sự thù-địch giữa chủ và thợ, giữa hạng tư-bản và vô-sản chuyên-chính, gây thành những phong-trào đình-công, bạo-động khắp nơi. Những lý-thuyết của Các-Mác được Lê-nin (Lénine) tiếp-tục và thừa lúc các nước bận đánh nhau, tổ-chức thợ-thuyền nổi lên cướp chánh-quyền ở Nga, thành-lập chế-độ cộng-sản.

Nói tóm lại trận Đại-chiến thứ nhất, chẳng những không giải-quyết mọi mâu-thuẫn mới. Sau mười mấy năm chịu lép về vì chiến-

bại, Đức chuẩn-bị quật-khởi tự-cường, lôi kéo Ý và Nhật cùng đứng vào hàng-ngũ chống lại điều-ước Vẹt-xây (Versailles) bất-công và định qua phân lại thế-giới. Cuộc phản-động của *Trục Phát-Xít* đã đưa nhân-loại vào cuộc tàn-sát vô-cùng khốc-liệt của Trận Đại-chiến thứ hai.

**Giai-đoạn thứ ba.-** Hai quả bom nguyên-tử của Mỹ thả xuống nước Nhật kết-liệu trận Đại-chiến thứ hai để mở ra một kỷ-nguyên mới, một cuộc-diện bất ổn mới. Nhờ sự tranh-chấp ảnh-hưởng của các cường-quốc trì-núu nhau mà các nước nhược-tiểu, các đất thực-dân thừa cơ đứng lên cỡi ách đô-hộ, lấy lại quyền tự-chủ. Kể ra trận Đại-chiến thứ hai đã sửa chữa một phần nào sự bất-công giữa các nước thống-trị và bị-trị, nhưng về phương-diện hòa-bình thì chẳng những không đem lại sự đảm bảo nào mà trái lại tạo thêm tình-thế bất ổn. Vì rằng sau Đại-chiến thứ hai, Đế-quốc cộng-sản của Nga-sô mở rộng thêm thế-lực ở Trung-Âu và Đông-Á, qua phân thế-giới thành hai khu-vực ảnh-hưởng : khu-vực cộng-sản và khu-vực thế-giới tự-do. Thừa thế thắng lợi, Nga-sô quyết thực-hiện cái mộng bá chiếm hoàn-cầu của Nga-hoàng, tổ-thành những quốc-gia cộng-sản, nên ngấm gia-tăng binh-lực và thôi động các cuộc nội-chiến khắp nơi.

Sự căng thẳng giữa hai khối: cộng-sản - tự-do càng ngày càng quyết-liệt. Đàng nào cũng thi đua chế-tạo vũ-khí, tăng-gia quân-lực. Những khí-giới dùng trong trận Đại-chiến thứ nhất và thứ hai mà người ta cho là tối tân và khốc-hại nhất thì nay đã trở thành lỗi thời đối với những chiến-cụ mới ghê-gớm gấp mấy trăm nghìn lần chiến-cụ cũ. Người ta có thể biến các thành-thị lớn, có khi cả một diện-tích một quốc-gia thành biển trong chốc lát.

Thế-giới sẽ đảo-lộn và tan-tành vì sức tàn-phá của bom nguyên-tử, khinh khí trong trận Đại-chiến thứ ba sắp tới đây.

Nhân-loại đang đứng trước sự hăm-dọa của họa diệt-vong tận-thể. Thì ra, cũng vì con người không kềm hãm được lòng tham tàn của mình, nên cứ mãi dong ruổi mù-quáng theo đà sa-đọa của vật-chất.

### **3.- TƯ-TƯỜNG ĐẠO LẠC**

#### **A.- Chánh-giáo thất truyền**

Về phương-diện tư-tưởng, thời-kỳ Hạ-ngươn-hạ, tương-xứng với thời-kỳ mạt-pháp trong kinh Phật là thời-kỳ Phật-pháp suy-vi, kẻ tu-hành căn-tánh cạn-cột lảng mất chánh-tín chạy theo tà-tướng, chia rẽ chống báng nhau nên ít người chứng quả.

Kinh *Pháp-trụ* có nói rằng: "Hồi Phật gần nhập Niết-bàn có di-chức với ngài A-nan rằng: sau Ta diệt rồi, đến đời mạt-pháp các môn-đệ của Ta bỏ các giáo-pháp, cứ tập theo các thuyết không chính đáng chẳng chịu tu giới, tu huệ, lại nhóm nhau những điều hung đảng ác, thấy ai có giữ được giới-hạnh thì sỉ-nhục chê-bai. Vì cố ấy nên các vị Thiên-long buồn rầu mà xa lìa, còn các vị Đại-thần và Trưởng-giả thì không sanh lòng tin kính Tam-bảo làm cho chánh-phật muốn diệt".

Trong Kinh *Đại-Tập*, nói đến thời-kỳ Đấu-tranh kiên-cố, tương-xứng với thời mạt-pháp cũng cho biết rằng vào thời-kỳ này “phần nhiều những kẻ tu-hành, tâm hay háo thắng, ý thường ganh-ghét, tuy là đồng tu một tôn-giáo mà đối-đãi nhau như kẻ ngoại đạo, nhất là chấp chỗ học vấn của mình là phải mà cho kiến-giải của người là sai”.

Thời-kỳ tượng-pháp, tuy Phật-giáo có suy-vi, nhưng chưa đến đổi đạo lạc bằng thời-kỳ mạt-pháp, từ ngày Lục-tổ Huệ-Năng bắt truyền y, bát. Các bậc chân-tu đại-đức lần lượt vắng dạng trong cửa thiền, trái lại kẻ giả danh hay thất thời lỡ vận mượn cảnh già lam để trốn đời lánh nợ thì càng lúc càng đông. Nhân đó các lối tu mê-tín dị đoan a-tùng xướng khởi, khiến kẻ tu hành xa dần chánh-pháp, qui-hướng theo ngoại đạo tà-tông. Mỗi cảnh chùa là mỗi phe phái, có ông Phật riêng, có Thầy riêng, gia-cư điền-địa riêng, thờ cúng tu niệm riêng không khác những thái ấp ở thời phong-kiến. Bởi chủ-trương riêng nên giữa các chùa-chiền có sự chống-báng, chia rẽ nhau.

Sự đòi-bại của cửa thiền đã được kinh *Đại Bửu-Tích* tiên-đoán từ lâu: “sau thời mạt-pháp 500 năm, những người tự-xưng Bồ-tát mà hành cầu-pháp. Đức Di-Lặc ví dụ như một con chó vào nhà kia trước, thấy con chó vào sau thì sanh tâm phần-hận tật-đố, ngăn-ngừ sủa căng, bởi nhận nhà đó là nhà mình...Kẻ tu hành đã khởi cái ý tưởng ấy thì sanh tâm tham đắm, vào trước nhà ai thì thấy vị tỳ-kheo vào sau, bèn dùng con mắt sân mà ngó, lòng đầy ganh-tỵ. Hai đảng gây-gổ nhau, phí-báng nhau, nói vị tỳ-kheo này lỗi thế này, vị tỳ-kheo nợ lỗi thế kia...Do chẳng qua vì việc y thực mà ra vậy.”

Đạo Phật đã thế, đạo Khổng cũng không hơn gì. Từ Mạnh-tử trở đi, Nho-giáo “càng ngày càng lạc lằm, đường Thiên-Lý chẳng cần, chỗ thậm thâm không rõ, chỉ học đặng khoe tài hay giỏi, đục lợi cầu danh, tổn nhân ích kỷ, chớ không chịu học để sửa mình, tầm hiểu cho tột cùng cái lý cao siêu huyền-bí, cái cơ nguồn cội muôn loài”. (Đại thừa chơn-giáo tr.428).

Nhà triết-học Vương Dương-Minh, trong một bức thư đáp lời ông Nhiếp Song-Giang, có đoạn nói về cái tệ-học của Nho-gia như vầy:

“Đời sau cái học lương-tri không rõ, người thiên-hạ dùng cái tư-trí để ganh-tị nhau và đè nén nhau, cho nên mỗi người có một bụng, mà những cái biết chênh-lệch hẹp hòi, những cái thuật gian dối, thâm giấu đến nỗi không nói xiết được. Ngoài mượn cái danh là nhân-nghĩa mà trong làm cái thực tự-tư, tự-lợi; quý từ để a-dua thói-tục; kiêu hạnh để cầu tiếng khen; che cái điều hay của người mà nhận làm cái giỏi của mình; bởi sự riêng của người để trộm lấy cái thắng của mình, ganh được thua nhau bằng sự phần-nộ, mà còn bảo rằng tuấn-nghĩa; đánh đổ nhau bằng sự hiểm-độc, mà còn bảo rằng tật ác; ghen người hiền, ghét kẻ tài, mà còn tự cho là công thị công phi; rông rở về tình-dục, mà còn tự cho là đồng hiếu-õ; lẩn nhau, hại nhau, thân ngay như cốt nhục một nhà, đã có cái ý nhĩ ngã thắng phụ, cái hình bỉ thử phiên li,

phương chi thiên hạ lớn, dân vật nhiều, coi là nhất thể làm sao được ! Bề-bộn, rối trí, họa hoạn, không bao giờ hết, lại còn lạ gì !”

Ông Trần Trọng-Kim còn nhận rằng:

“Đến nay thời-cuộc biến-đổi, các thế-lực tân học mạnh lên, lòng người thiên về đường trí xảo, tình cảm càng ngày càng đơn-bạc văn-hóa vật-chất cự-thịnh. Nho-giáo tự hồ cái nhà cũ đã hẩm nát hết cả, động đến là đổ bẹp xuống.” (Nho giáo, quyển thượng, lời phát đoạn, tr. XXXII)

Chẳng riêng gì Phật-giáo và Nho-giáo mà cả Lão-giáo, nghĩa là cả Tam giáo cũng đều thất truyền. Trong *Đại-thừa Chơn-giáo* có đoạn nhận rằng:

“Tam-giáo xưa kia lập Đạo, lúc ban sơ truyền-bá có diệu-lý quang-minh bắt đầu từ chỗ vô-vi khẩu thọ tâm-truyền, lần lần xuống thì trở ra hữu-hình mà Đạo-mẫu thất chánh, tâm pháp lạc sai, ấy là cơ Đạo đến thời-kỳ cuối cùng của Tam-giáo thất chơn-truyền diệu-pháp...(theo *Đại-thừa Chơn-giáo* tr. 60).

“Tam-giáo trước là Nho, Thích, Đạo vì hoằng khai cũng đã lâu đời, nên bị biến cải mà thành thứ phải thất chơn-truyền làm cho sai lạc mất hết cả Thiên-cơ mẫu-nhiệm, bởi đó nhơn-sanh tu tuy nhiều mà thành thì chẳng có.

“Lại cũng bị thất truyền mà Tam-giáo lần lần phải chịu lu lờ mờ mịt. Nẻo chơn không ai đến, đường chánh chẳng người đi, nên cỏ mọc, bìm leo, gai rào, cây lấp. Vì lẽ đó nhơn loại phải chịu mãi trong vòng dây luân-hồi tứ khổ, đày đọa mãi ở chỗ trần-ai. Nhơn-sanh cũng vì vậy mà lần tiêu Đạo-Đức, phế tinh-thần mới chuộng hữu hình, nên bày những âm thanh, sắc tướng. Không ai còn để chí, lưu tâm đến chỗ thâm-huyền cao viễn chỉ ưa sự dễ-dàng, tạng thấy, tạng nghe, rồi cứ dầy lòng nhơn-dục tham mê, mới gây nên tội ác nặng nề, phải mang lấy sừng-lông mà bị thối-hóa lai súc-sanh và luân-hồi lục-đạo.” (Theo *Đại thừa chơn giáo* tr .429).

Mà sở dĩ người đời không còn lưu tâm đến đạo-nghĩa nữa là vì các cuộc cạnh-tranh về đời sống bắt họ chú trọng vào quyền-lợi kinh-tế, chánh-trị, những sự hưởng lạc về vật-chất hơn những giáo-lý cao siêu mà họ cho là những lý-thuyết vu-vơ, như Đào Duy-Anh đã nhận trong *Việt Nam Văn Hoá Sử Cương*:

“Nhưng ngày nay những điều-kiện sinh-hoạt mới bắt người ta phải cạnh-tranh, phải phấn-đấu để mưu sống còn, những cuộc tranh-đấu về kinh-tế, về chính-trị, về xã-hội, ta thấy xuất-hiện một ngày một nhiều. Vậy nên chủ-nghĩa vô-vi của Lão-tử, chủ-nghĩa Trung-Dung của Khổng-tử, chủ-nghĩa phi-chiến của Mặc-tử, chủ-nghĩa từ-bi của Thích-Ca, đối với người đời nay, họ cho là những lý-thuyết mộng-tưởng vu-khoát”. (Theo Đào Duy-Anh, *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương* tr.327).

Nói tóm lại, cứ như các nhận-xét vừa trình bày, các nền đạo-lý, xuất-phát từ thời-kỳ Hạ-ngươn-thượng, đã phai mờ ở thời-kỳ Hạ-

nguồn-trung nhưng bước sang thời-kỳ Hạ-nguồn-hạ thì hoàn-toàn thất-truyền và sai lạc. Sở dĩ đạo lạc đường ấy kể ra cũng có nhiều nguyên-nhân, nhưng đại-khái không ngoài sáu khoản sau đây:

1° **Lâu đời sai lạc.**- Bất cứ một học-thuyết hay giáo-lý nào, phạm thời-gian càng lâu xa thì không tránh khỏi sự truyền sai hay thất lạc. Những cuộc biến thiên và loạn lạc là những lúc kinh-điển khó tránh được nạn mất mát hay đốt phá. Nếu không mất mát thì sự chép lại, thay đổi văn-tự, cũng đủ tam sao thất bản rồi.

Ngoài nguyên-nhân biến-thiên, đạo-lý thất truyền còn do trí óc và bàn tay của người đời thêm thắt. Vì hiểu lầm thì ít, nhưng phần lớn là vì củng cố lập-luận của mình mà nhiều người diễn-dịch sai hay biến-chế kinh-điển. Vì vậy mà thời-gian càng sâu xa, càng trải qua nhiều lần biến-chế thì chánh-giáo càng thất truyền sai lạc.

2° **Đời thịnh về vật-chất.**- Phương chi đời càng ngày càng tiến mạnh về đường vật-chất, máy-móc phát-minh đem lại lợi lộc, khoái cảm về xác thịt càng nhiều thì càng làm cho tâm trần thêm say sưa mê đắm. Những cuộc mưu-sinh hằng ngày, những cuộc cạnh-tranh quyền lợi, lôi cuốn con người quay lộn mãi trong guồng máy của vật-dục. Họ đã bị các mối lợi nhần tiền ám ảnh thì họ đâu còn tâm-trí để nghĩ đến đạo-lý cao thâm. Đó là nguyên-nhân khiến chánh-pháp phải lu mờ.

3° **Vụ về hữu hình.**- Đời càng tiến mạnh về vật-chất thì não-trạng con người càng nghiêng ngã về hữu-hình. Những cuộc vật lộn để tranh sống đã tạo cho họ những tập-quán thích cái gì thấy được, cái gì đem lại kết-quả trước mắt. Trong óc họ chất chứa những con toán, những công-thức kỹ-hà, cho nên cái gì không giải-thích một cách máy móc, vừa với tầm tay nghe, mắt thấy, tay sờ chạm được thì họ cho là vu-vơ, thần-bí. Trước những não-trạng máy-móc ấy, các nền giáo-lý cao-siêu khó mà kiếm được miếng đất đặt chơn.

4° **Vụ lợi.**- Một khi đặt quyền-lợi làm mục-đích cho đời sống con người thì những điều nhân-nghĩa đạo-lý, đối với họ không còn giá-trị gì cả. Muốn làm một việc gì, điều mà người đời quan-tâm trước nhất là xem nó có đem lợi hay không. Phạm đã thấy lợi thì dầu làm hại kẻ khác, họ cũng cứ làm. Tâm-niệm của họ là cả học-thuyết của Dương-châu, chỉ nghĩ có lợi riêng, mặc dầu trái nghịch đạo-nghĩa. Như thế, trách sao những đạo-giáo chủ-trương nhân-ái từ-bi chẳng còn được người đời nay trọng thị.

5° **Căn-cơ thiếu-bạc.**- Nhưng nguyên-nhân chánh của sự đạo lạc các nền đạo-lý cổ-truyền, có thể nói là vì căn-cơ thiếu-bạc của chúng-sanh. Khi Thượng-nguồn mới lập, khí hậu còn tốt, con người lúc bấy giờ từ cõi siêu-đẳng hạ sanh, cho nên căn-tánh linh-mẫn, nhưng cuộc đời càng ngày càng nhiễm-trược thì hạng người thượng căn thượng-trí lần lần siêu-hóa, nên càng trở nên ít, trái lại số thiếu căn thiếu trí càng lúc càng nhiều. Do đó những lý-thuyết cao-siêu đươ-

nhiên không còn phù-hợp với con người Hạ-ngươn-hạ. Vì vậy mà chánh-pháp phải thất truyền.

6° **Các hoặc-thuyết hưng khởi.**- Một khi chính giáo không còn được người đời ưa chuộng thì chính là lúc rất thuận-lợi cho những hoặc-thuyết hưng khởi lên. Có thể xem sách chánh-giáo và hoặc-thuyết như ánh-sáng với bóng tối. Hễ ánh-sáng đến là bóng tối lui, còn ánh-sáng đi là bóng tối đến. Mà sở dĩ hoặc-thuyết được hưng thịnh cũng vì căn-cơ chúng-sanh thiếu-bạc, không đủ sức lãnh-hội và xiển-dương chánh-giáo, cho nên dễ nhận lầm hoặc-thuyết và xu-hướng theo hoặc-thuyết, bởi nó dễ thực-hành và đem lại nhiều khoái-cảm về vật-dục. Các đạo-giáo vì thế mà phải suy-đồi.

### **B.- Hoặc-thuyết thịnh hành**

Đồng thời với sự tiến-bộ vật-chất và cơ-khí, tư-tưởng-giới Tây-phương cũng trải qua một cuộc biến-động lớn vào đầu thế-kỷ XVII. Chống lại nền kinh-viện-học của thời Trung-cổ, Descartes, một nhà triết-học Pháp, đánh dấu một cuộc cách-mạng tinh-thần bằng Phương-pháp-luận của ông, một phương-pháp xây-dựng trên lý-trí.

Với phương-pháp-luận, Descartes phủ-nhận và hoài-nghi tất cả những lý-thuyết nào mà lý-trí con người không thể xét nghiệm được. Học-thuyết ấy gồm có ba đặc-điểm sau đây:

a) Bài-bác các cựu thuyết để giải-thoát mọi ràng buộc tư-tưởng thần học. Ông đặt ra nghi-vấn đối với mọi vấn-đề đã có từ trước và từ chỗ nghi-vấn ấy ông nêu ra những nguyên-tắc duy-lý.

b) Mở ra một con đường mới cho suy-luận và thực-nghiệm, căn-cứ trên bốn điểm:

'' 1°.- Không nhận một điều gì là thực, trước khi ta chưa biết chắc là thực, nghĩa là cẩn-thận dè-dặt, không được hấp-tấp vội-vàng, và chỉ nên suy-xét điều gì phân-minh rõ-rệt trong ý thức mà ta không thể hồ-nghi được nữa.

'' 2°.- Chia mỗi sự khó ra nhiều phần đơn-giản để cho dễ giải-quyết.

'' 3°.- Lập chí suy-xét cho có thứ-tự, đi từ vật đơn-giản, dễ biết rồi dần đi lên đến những sự vật phức-tạp khó hiểu, và xếp đặt cho có thứ tự cả những sự vật mà vốn tự-nhiên nó không có thứ tự gì hết.

'' 4°.- Kiểm-soát lại và tổng duyệt lại để chắc-chắn rằng mình không bỏ sót một điều gì ''.

c) Hoàn-toàn chủ-trương nhị-nguyên-luận. Đối với bản-thể vũ-trụ, ông lập-thuyết trên lý-tĩnh-tồn giữa Tinh-thần và Vật-chất để đi đến kết-luận rằng Thần và Thế-giới là hai biểu-tượng đối-lập nhau.

Học-thuyết đã mở đường cho chủ-nghĩa thực-nghiệm và thúc đẩy các ngành khoa-học tiến mạnh trên con đường tiến-hóa vật-chất và phát-minh cơ-khí.



Như một trận bão lớn, phương-pháp-luận duy-lý đã làm lung lay cả hệ-thống tư-tưởng của Kinh-viện-học đặt trên nền-tảng chủ-quan và độc-đoán. Được cởi mở phần nào những ràng buộc của Thần-học, hơn nữa quá chói mắt trước kết-quả không ngờ, mang lại khoái cảm nhần tiền của nhiều cuộc phát-minh vật-chất, các nhà khoa-học càng say mê những cuộc quan-sát và thực-nghiệm tỉ-mỉ đi sâu vào sự nghiên-cứu chi-ly các sự vật. Mọi vấn-đề đối với họ đã trở thành những bài toán giải-quyết bằng những con số, một cách hết sức máy móc. Dựa vào những cuộc khám-phá, phát-minh vật-chất, đi từ mò-mẫm này đến mò-mẫm khác, nhiều biện-thuyết cực-đoan tung ra, làm đảo lộn cả nền móng đạo-nghĩa cổ-truyền, trật-tự xã-hội .

Những biện-thuyết cực-đoan ấy đã tạo ra, từ đầu thế-kỷ XVII trở lại đây, một não-trạng với những đặc-tánh như sau:

**Hướng-ngoại.-** Tánh quan-sát và tò-mò thực-nghiệm bắt con người phải chăm-chú vào những hiện-tượng sự tướng hữu-vi. Tâm-tư con người không còn được rảnh-rang để trầm-ngâm suy-nghĩ mà luôn luôn tìm-tòi, náo-loạn bởi những động-tác bên ngoài. Do đó, họ đã trở nên con người hướng ngoại. Thật ra, sở dĩ con người Hạ-nguơn-hạ hướng ngoại là vì họ khiếm-khuyết tâm-linh hay mất bản-tánh huyền-linh đã có. Họ không tin-tưởng nội-giới là một kho-tàng, nếu biết tu dưỡng khám-phá sẽ tìm thấy nhiều huyền-năng có thể giúp họ sống an vui tự-tại. Để bù đắp bản-tánh huyền-linh đã mất ấy, họ tìm cầu ở sự vật bên ngoài và cố tâm làm cho nó phát-triển. Những phát-minh về máy-móc như : Vô-tuyến truyền-hình, vô-tuyến truyền thanh, phi-cơ, tàu lặn...chẳng qua là để làm thỏa mãn cái bản-tính huyền-linh về Thiên-nhãn-thông, Thiên-nhĩ-thông, thăng-thiên, độn thủy...mà trước kia người Thượng-nguơn đã có.

**Duy-vật cực đoan.-** Bởi mất tánh hướng nội, con người Hạ-nguơn-hạ chỉ sống hướng ngoại. Và một khi đã hướng ngoại thì não-trạng của con người thiên hẳn về hữu tướng hữu hình. Họ chẳng nhận những gì không thể thực-nghiệm, thế nên với họ chỉ có vật-chất mới đáng trọng-thị, quan-tâm, còn kỳ-dư, cái gì không thể dùng khoa-học kiểm-soát hay tính bằng con số, đều là hư nguy cả.

Họ bươi sỏi, đào bới vật-chất để rồi với sự mò-mẫm và suy-diễn võ-đoán, họ xây-dựng nên một hệ-thống tư-tưởng mang danh là chủ-nghĩa Duy-vật. Phất cờ duy-vật tiền-phong là Các-Mác và Ăn-ghên với thuyết duy-vật sử-quan và Duy-vật biện-chứng-pháp, căn cứ vào sự biến hóa vật-chất để làm tiêu-chuẩn cho sự nghiên-cứu và lập-thuyết về mọi vấn-đề xã-hội. Mác quan-trọng-hóa vai-trò kinh-tế và phương-thức sanh-sản, cho đó là những động-lực quyết-định cuối cùng của mọi sự vật. Với phương-pháp tam-đoạn-luận: chánh-đề, phản-đề và hủy-thể của hủy-thể, Mác thành lập những luật về mâu-thuẫn và lượng-biến chất-biến.

Sống trong hoàn-cảnh mà mọi sự biến-hóa đều do vật-chất quyết-định thì con người không còn được xem là tối tôn tối trọng nữa. Nã-phá-luân chẳng qua là một ngoạn-vật của thời-cuộc. Nếu không có Nã-phá-luân thì tình-thế lúc bấy giờ của nước Pháp cũng tạo ra một Nã-phá-luân khác.

Vai trò con người do đó bị hạ thấp ngang bằng với máy-móc không hơn không kém.

Cùng một quan-niệm trọng-thị vật-chất và miệt-thị giá-trị con người, còn có thuyết sanh-tồn cạnh-tranh và nhân-tổ-luận của Đạt-nhĩ-văn (Darwin). Dựa vào sự tiến-hóa các bộ xương của loài khỉ mà người ta vừa mới khai-quật ở lớp đất thạch-khí, Đạt-nhĩ-văn cho rằng loài người là hậu-duệ của giống khỉ, với dụng ý bài bác thuyết của Kinh-viện-học bảo rằng loài người là con cháu của A-đam và Ê-va do Đức Chúa Trời sáng-tạo.

Có phải chăng vì phản-động lại Kinh-viện-học của thời Trung-cổ mà các nhà lập-luận cận-kim xướng xuất chủ-nghĩa Duy-vật ? Nhưng dầu sao trong lúc đánh đổ những lý-thuyết cực-đoan Duy-tâm, các nhà phụng thờ khoa-học đã rơi vào những lý-thuyết cực-đoan Duy-vật, nghĩa là theo quan-niệm Phật-giáo có hai điều sa lầy : một đàng ở vũng Thường-kiến và một đàng ở vũng Đoạn-kiến.

**Trọng lượng hơn phẩm.-** Một khi con người bị xem như một ngoạn-vật của hoàn-cảnh xã-hội, của sức sanh-sản vật-chất thì mọi giá-trị trên đời đều đánh giá bằng những con số, nghĩa là lượng được xem trọng hơn phẩm. Với mục-đích san bằng mọi phẩm-giá tinh-thần và khuôn đúc con người cùng một ni một rập, những chủ-thuyết về bình-đẳng hình-thức được đề-cao, gây thành một tư-triều mạnh-mẽ từ đầu thế-kỷ XVII. Với quan-niệm bình-đẳng cơ-giới, cá-nhân chỉ là một con ốc trong guồng máy, một con cừu trong đoàn cừu. Mọi giá-trị đều tính bằng con số nhiều, cá-nhân dầu là một bậc Thánh-nhân cũng chỉ là một phần-tử, ngang hàng với phần-tử tầm-thường khác. Quan-niệm trọng người Hiền, kính bậc Thánh, do đó, không còn nữa. Người ta trọng sức mạnh và tôn thờ thuyết sanh-tồn cạnh-tranh, nghĩa là dùng sức mạnh của số đông hay cơ-khí tối-tân đè bẹp số ít hay kém phương-thức giết người. Với chủ-thuyết bình-đẳng hình-thức tôn-sùng sức mạnh, người ta đi đến chủ-trương đấu-tranh giai-cấp.

**Đấu-tranh giai-cấp.-** Bởi không thừa nhận sự chênh-lệch về phẩm-giá tinh-thần, và khả-năng sáng-tạo cá-nhân, mặc dầu hô-hào "sự hưởng-thụ cân-xúng với tài-năng và công-tác", người ta cho rằng sự cách biệt giữa lao-động và trí-thức, giữa người có của và người không của là một sự bất công xã-hội. Thế nên, để ban bằng sự chênh-lệch ấy, người ta chủ-trương giai-cấp đấu-tranh. Người ta cho rằng sở dĩ có sự bất-công xã-hội, sự chênh-lệch tài-sản là vì trong xã-hội có hạng người ưu-thế nắm lấy các phương-thức sanh-sản, lợi-dụng những đặc-thù sẵn có để bóc-lột "thặng dư giá-trị", cướp sức lao công.

Phàm đã nhận đó là một sự bất công thì đương-nhiên người ta chủ-trương một cuộc sửa chữa những bất công ấy bằng cách cướp lại những cái gì mà người ta cho rằng đã mất hay bị bóc lột. Như thế, với chủ-thuyết giai-cấp đấu-tranh, người ta gây sự hận-thù giữa chủ và thợ, giữa kẻ giàu và người nghèo, giữa hạng trí-thức và người lao-động.

**Chủ-trương bạo hành.-** Với ý-niệm gây hận-thù giữa các giai-tầng xã-hội, hạng Duy-vật sử-quan cho rằng: *"Lịch-sử nhân-loại là một cuộc đấu-tranh giai-cấp"*, một cuộc cách-mạng thường-xuyên của hạng người bị trị chống lại hạng người thống-trị. Nung nấu trong lửa *"hận thù giai-cấp"*, con người sẽ trở thành bất-nhẫn và luôn luôn sống trong *"cuồng-vọng thắng-lợi miễn là được thành-công dầu phải dùng đến thủ-đoạn phi nhân nghĩa"*.

Não-trạng cuồng loạn ấy đã sản sanh ra bao nhiêu lý-thuyết làm hoặc-loạn cả giá-trị tinh-thần truyền-thống nhân-bản tốt đẹp. Với tham vọng thắng lợi, người ta xem mạng người như cỏ rác, muốn đem ra làm vật hy sanh, làm biễn người để thử thách với bom đạn lúc nào cũng được, miễn người ta biết khai-thác não-trạng hận-thù về giai-cấp. Những thuyết dùng máu và sắt để giải-quyết mọi bất-công xã-hội được người đời cuồng-nhiệt đón tiếp và xem như những quyển kinh nhật-tụng thường hành.

**Sùng-bái tự-kỳ.-** Nhưng ngoài hạng tích-cực, luôn luôn chủ-trương bạo-hành và sẵn-sàng hy-sanh thân mạng cho đấu-tranh, chủ-nghĩa Duy-vật còn sản sanh một hạng người tiêu-cực chỉ biết có mình và quyền-lợi của chính mình.

Đó là hạng người sùng-bái tự-kỳ, đặt cá nhân trên nghĩa chung. Lòng cuồng nhiệt đối với lợi riêng của hạng Duy-vật tích-cực đối với đấu-tranh. Bởi quá say mê tư-lợi và chỉ sống vì tư-lợi, họ không ngại dùng bất cứ thủ-đoạn nào để đoạt sự thắng-lợi, dầu phải làm hại kẻ khác. Như thế là phái Duy-vật tiêu-cực gặp nhau với phái Duy-vật tích-cực ở quan-niệm sùng-bái thành-công và thắng lợi.

Từ trong nguồn Duy-vật tiêu-cực còn diễn-xuất dòng tư-tưởng Duy-tình (Romanesque), ca tụng khoái-cảm và nhục-dục. Để mơn-trớn con tim và rung-cảm tâm hồn uỷ mị thích trác-táng, những cảnh yêu-đương dâm-đăng, bại lý thương luân, được diễn tả trên sách vở báo chương, trên màn nhung màn bạc.

Đại khái, vào thời-kỳ Hạ-nguơn-hạ tư-tưởng nhân-loại đã ngã hẳn về chủ-thuyết Duy-vật, một chủ-nghĩa thiên trọng về vật-chất và hướng ngoại, trái nghịch với tư-tưởng Thượng-nguơn và Trung-nguơn chú-trọng về tinh-thần và hướng-nội. Trong chủ-nghĩa Duy-vật còn phát-sanh hai triều-lưu tư-tưởng: một Tích-cực và một Tiêu-cực.

Phái Tích-cực là phái quá khích chủ-trương san phẳng mọi hình-thức chênh-lệch xã-hội bằng thuyết giai-cấp đấu-tranh và bạo-động. Trái lại phái Tiêu-cực thì thích thú với khoái-cảm do các phát-minh vật-

chất mang lại, cố giữ và thâu đoạt những quyền-lợi tư riêng và lo khơi nguồn những tư-tưởng đạo-tình hưởng-lạc.

Não-trạng thiên-trọng về vật-chất, do hai luồng tư-tưởng duy-vật tích-cực và tiêu-cực tạo thành, đã gây ra lắm cảnh-tượng đau thương trong xã-hội.

Về phương-diện **Duy-vật tích-cực**, vì quá say sưa với cuồng-vọng tranh thắng, chóa mắt trước những tiến-bộ về cơ-khí, chúng luôn luôn chủ-trương phá đổ tất cả và ban bằng mọi giai-cấp. Những cái gì trái với quan-niệm duy-vật đều bị bài xích triệt-để. Các học-thuyết nhân-bản, những giáo-lý cao-siêu quá tầm quan-sát của thực-nghiệm là những tấm bia cho phái Duy-vật vô-thần tấn công. Chúng chủ-trương dùng sắt và máu, cho nên dầu phải dùng thủ-đoạn vô nhân-đạo, miễn đem lại thắng lợi, chúng cũng không hề chối từ.

Xã-hội vì thế luôn luôn sống chấp-chờn trong hỗn-loạn chiến-tranh. Với thời-kỳ nhân-loại đua nhau chế-tạo vũ-khí và ca tụng sự chém giết thì chỉ có sức mạnh là được sùng-phụng trên hết.

Ảnh-hưởng của phái **Duy-vật tiêu-cực** cũng chẳng kém tai hại. Một khi con người chỉ biết có lợi và lấy sự thỏa mãn nhục-dục làm mục-dích cho đời sống thì những chữ trinh-tiết, liêm-sĩ mất cả giá-trị. Giữa cha con, chồng vợ, anh em...không còn tình nghĩa luân-thường nữa. Con có thể tố cáo cha, giết hại cha vì danh-lợi, vợ có thể phản-bội, đầu độc chồng vì tiền. Con cái không còn xem cha mẹ là những đấng sanh thành nghĩa nặng mà lại cho rằng sự ra đời của chúng là sự ngẫu-hưng nhục-dục của cha mẹ.

Với đà tiến-triển của học-thuyết duy-vật, với não-trạng thích-thú nhục-dục, rồi đây con người sẽ sống không khác con vật. Đời sẽ là một trường chém giết, một cuộc ngẫu-hợp theo thú-tánh tự-nhiên.

Kinh Phật có cho biết vào thời mạt-kiếp, con người sẽ trở nên hung ác, **“thấy nhau sanh tâm độc ác giết hại, chớ không có chút từ tâm, như anh thợ săn trong rừng núi thấy cầm-thú thì sanh lòng giết hại, không khác.”** (Theo kinh Khởi Thế Nhân-Bản).

Phải chăng, đó là Đức Phật ám chỉ vào con người hung ác ở thời-kỳ Hạ-nguơn-hạ đang tiến đến ngưỡng cửa của nạn tàn-sát diệt-vong ?

#### **4°- CON NGƯỜI HỖN-TẠP**

Trừ-phi, vì đại-nguyên thì hầu hết con người sanh vào cõi trần đều vì nghiệp-cảm. Cõi Ta-bà sở dĩ có là do nghiệp-cảm của chúng-sanh hun-đúc nên, hay nói theo Duy-thức học, do các A-lại-da cùng biến-hiện. Người sanh vào cõi trần là vì đã gieo hạt giống nhân-luân, cũng như người sanh vào cõi súc-sanh hay địa-ngục đã gieo hạt giống ác nghiệp.

Mỗi cảnh giới vốn thích-hợp cho mỗi nghiệp-cảm; nó thu hút những loại cùng nhân-duyên, cũng như chất từ-thạch chỉ hút những loại kim-thuộc chứ không hút những chất khác.

Những loại cùng một nghiệp-thức thì cùng vào một sanh vào một cõi, như cõi trần, bởi trải qua nhiều thời-kỳ tiến-hóa của Tam-nguơn khác nhau, cho nên con người sanh ra cũng tùy từng thời-kỳ mà có nhiều hạng khác nhau.

Cùng thời là con người, nghĩa là cùng một nghiệp-cảm, cùng một hột giống nhân-luân, nhưng con người ở thời-kỳ Thượng-nguơn có khác hơn con người ở thời-kỳ Hạ-nguơn, nhất là thời-kỳ Hạ-nguơn-hạ.

Khi mới thành-lập, cõi Thượng-nguơn rất trong sạch, mỗi mỗi đều mới tạo, khí-hậu đã tốt, đất-đai thích hợp cho các giống lúa tự-nhiên sanh. Với hoàn-cảnh ấy chỉ có những hạng người cùng một nghiệp-cảm sống trên muôn tuổi, đã gieo nhiều phước-báo đều sanh ra để thụ hưởng cuộc đời nhân-lạc ấy. Người sanh vào thời-kỳ này hầu hết là hạng người từ cõi trời Nhị-thiền và Tam-thiền nghĩa là hạng người do tu Thiền-định mà đắc quả lên các cõi thiên, nay vì sức thiền đã mãn nên hóa sanh xuống cõi nhân-gian. Nguyên cái bản-tánh thiền-định của họ vẫn còn, nên tâm-tánh họ thường vắng lặng, hợp với cảnh tĩnh của cõi Thượng-nguơn mà sống lâu trên muôn tuổi.

Họ sánh không khác lớp nước ở tầng trên trong lu nước. Lớp nước ấy chỉ có một màu trong, không pha lộn một chút bẩn đục.

Đến như con người Hạ-nguơn, nhất là con người Hạ-nguơn-hạ thì chẳng khác gì lớp cặn cẩu ở đáy lu. Nó là một lớp hỗn-tạp của bao nhiêu thứ bẩn chứ không rắc rờng như lớp người ở Thời-kỳ Thượng-nguơn. Đó chẳng qua vì cuộc đời ác thế của buổi Hạ-nguơn do nghiệp-cảm của chúng-sanh-trước tạo nên vậy.

Sở dĩ có sự hỗn-tạp ấy là do con người Hạ-nguơn đều từ nhiều cõi đầu-thai đến, khác hơn người Thượng-nguơn chỉ từ cõi thiên hay thuần những người thiện-căn hạ sanh.

Đại-khái, con người sanh vào cõi đời Hạ-nguơn-hạ, có thể phân ra làm hai hạng: một hạng vì nghiệp-cảm và một hạng vì thệ-nguyện.

### **a) Hạng vì nghiệp-cảm**

Hạng người sanh vào cõi đời này vì nghiệp-cảm thật là phức-tạp. Mặc dầu cùng cảm lấy quả nhân-luân nhưng do-lai của chúng khác nhau, có thể kể ra mấy hạng như sau:

**Từ thượng-nguơn rơi xuống.-** Khi Thượng-nguơn mới thành lập, các người ở cõi thiên, vì nghiệp-cảm hóa-sanh xuống cõi trần. Lần lần, bởi đắm-mê dục-lạc nên đắm ra nhiễm trần. Dầu vậy, nhưng vì nguyên là con người đã có gieo hột giống Bồ-đề trong tâm-thức, nên tánh giác hấy còn. Sau một thời-gian ô-nhiễm, nhờ tánh giác đánh thức, có một số người chợt tỉnh giấc mê. Để siêu xuất ra cõi trước, họ

gấp rút tu hành, hay có thể nói nhờ các bậc tiên-giác giáo-độ, nên chẳng bao lâu họ được siêu-hóa.

Trong lúc đó thì có một hạng người đắm say dục-lạc, càng ngày càng đậm. Bản-tánh huyền-linh của họ vì thế mà lu mờ. Hưởng hết phước-báo, họ bị lối cuốn theo đà dục-lạc mà luân-chuyển không ngừng ; hết thời-kỳ Thượng-nguơn chuyển xuống thời-kỳ Trung-nguơn, hết thời-kỳ Trung-nguơn lại rút xuống thời-kỳ Hạ-nguơn. Mặc dầu mỗi ngày một nhiễm-trược, nhưng nhờ còn giữ được hột giống nhân-luân nên họ còn ở mãi cõi trần, không đọa lạc vào các cõi khác.

Đó là hạng người đọa-lạc từ Thượng-nguơn xuống Hạ-nguơn.

**Từ Hạ-nguơn trước chuyển lộn lại.-** Nhưng đến thời-kỳ Hạ-nguơn, bởi mãi diên-trì không cương-quyết tu hành để vượt lên, nên khi cõi đời Hạ-nguơn chấm dứt để thiết-lập lên cõi Thượng-nguơn, cũng vì không đủ điều-kiện thích-ứng với hoàn-cảnh mới, hay có thể nói không cùng một nghiệp-cảm, cùng một thức A-lại-da cộng-biến, mà có người không sanh được vào cõi Thượng-nguơn, đành phải chuyển sanh vào một cõi phù-hợp với duyên-nghiệp, chịu ngưng-trệ cuộc tiến-hóa trong mấy muôn năm.

Trong khoảng thời-gian ngưng-trệ ấy, hoặc sanh vào cõi Thượng-nguơn nhưng với hình-thức thấp hèn của các súc sanh hay cây cỏ, dần dần tiến-hóa cho đến thời-kỳ Hạ-nguơn, khi nhân-duyên phù-hợp thì đầu-thai trở lại kiếp người.

Chúng ta hiện sống trong thời-kỳ Hạ-nguơn sắp mãn, nếu không tạo đủ điều-kiện để thích-ứng với cõi Thượng-nguơn tới hay siêu-hóa thì cũng sẽ chịu ngưng-trệ cuộc tiến-hóa trong vài vạn năm nữa để chờ khi cõi đời chuyển xuống thời-kỳ Hạ-nguơn, phù-hợp với nghiệp-cảm mà đầu thai sanh làm người trở lại.

**Từ cuộc tiến-hóa vượt lên.-** Ngoài hạng rơi rớt từ thời-kỳ Thượng-nguơn hay ngưng -trệ từ thời-kỳ Hạ-nguơn trước, người sanh vào cõi này còn từ cuộc tiến-hóa chuyển lên. Đó là những linh-căn tiến-hóa từ loài kim-thạch lên cỏ cây, từ loài cỏ cây tiến lên loài cầm-thú, từ loài cầm thú lên loài người. Cuộc tiến-hóa của mỗi loài phải trải qua hằng vạn năm, càng kém tri-giác thì sự tiến-hóa càng chậm, thời-gian phải lâu xa. Như loài kim-thạch nhờ làm phân nuôi sống cây cỏ hằng vạn kiếp mới tiến-hóa lên loài thảo-mộc. Trong kinh Niết-bàn, Đức Ph(ật có nhận rằng :” Tường bích ngỏa lịch giai hữu Phật-tánh.” Phên, vách, ngói, gạch đều có bản-tánh thành Phật, đủ chứng minh loài kim-thạch cũng có khả-năng-tánh tiến-hóa.

Đến như loài cây cỏ cũng nhờ nuôi sống muôn loài hằng vạn năm mà tiến-hóa lên loài cầm-thú. Lại đến phiên cầm-thú, nhờ làm lợi ích cho đời hằng trăm kiếp mà tiến-hóa lên loài người.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo có viết:

”Người là gốc của muôn vật, muôn vật là ngọn của con người, mà Trời Đất là gốc của loài người, người là ngọn của Trời Đất.

Luật tiến-hóa của thảo mộc, thú cầm, nhân loại, nó từ từ tăng tiến mãi, nhưng cũng có thoái-hóa vậy."

Tiếp đó, có giải thêm về cuộc tiến-hóa như vậy:

“ Từ thảo mộc bắt đầu lên cho chí loài người, nó có 3 cái phép:

1° Như thảo mộc thì cái gốc trở xuống, ngọn day lên (gốc đầu, ngọn chơn)

2° Rồi nó tiến-hóa đến bậc thú cầm thì cái đầu cái đuôi ngang nhau.

3° Thú cầm qua nhân loại thì cái đầu trở lên, cái chơn xuống dưới.

Ấy là 3 phép.

Vậy thì thảo mộc có một phần hồn. Thảo mộc tiến-hóa mãi, muôn vạn kiếp mới bước sang qua thú cầm đã đặng hai phần hồn. Thú cầm mới dần dần tiến-hóa mãi, trăm, ngàn, muôn kiếp lên đặng làm người thiệt là công-phu khổ hạnh, xả thân giúp đời một cách khó khăn cực nhọc ; nhưng cũng vui lòng, mãn kiếp nọ sang kiếp kia, cứ lập công-quả mãi.

Vạn vạn muôn lần đầu thai mới qua đặng phẩm bậc loài người, thì tấn-hóa đến loài người đã đủ trọn tam hồn thất phách.

Những con thú mới qua làm người thì còn khờ-khạo, ngu-ngây, tánh tình độc hiểm, nhưng biết khôn xả thân giúp đời thì chuyển kiếp đôi ba chục lần cũng đặng minh-mẫn, khôn-ngoan.

Nhưng đã đặng làm người phải tấn-hóa mà tấn-hóa mãi thì cần phải chuyển kiếp trăm ngàn lần đặng học hỏi mọi lẽ thế-gian: *đặng làm người rất khó.*"

Song xét ra, theo thuyết luân-hồi thì cây cỏ hay cầm-thú cũng chẳng chi khác hơn là những linh-căn sa-đọa, đi ngược lại cuộc tiến-hóa nên phải ngưng-trệ mấy muôn năm, thọ hình-thức những giống vật hạ đẳng để khi thời-kỳ Hạ-nguơn lai đáo, lại xuất-hiện với hình-hài con người, như đoạn trên đã nói. Rồi nếu trong thời-kỳ này không chuẩn-bị công-hạnh để siêu-hóa hay sống còn trong cõi Thượng-nguơn thì cũng đọa lạc như trước. Cứ thế luân-chuyển mãi. (Trong kinh Phật có nói khi dọn đất cất Tịnh-xá Kỳ-hoàn, Đức Phật có chỉ một ổ kiến và cho biết đàn kiến ấy đã trụ mãi trạng-thái kiến mấy muôn kiếp không tiến-hóa).

**4° Từ các cõi đến.**- Ngoài hạng theo luật tiến-hóa đầu thai, con người sanh ra cõi đời này còn từ các cõi đến. Trong hạng người này có thể phân ra làm hai hạng : một hạng từ các ác-đạo chuyển lên như Địa-ngục, ngạ-qui và một hạng từ thiện-đạo chuyển xuống như các cõi trời hay thượng giới.

Cứ theo thuyết luân-hồi thì những người hành ác-nghiệp khi mạng chung sẽ tùy nghiệp mà đọa vào các cõi ác. Cực ác thì đọa vào địa-ngục, ác bậc trung thì đọa vào ngạ-qui hay súc-sanh để thọ lấy quả khổ do nghiệp nhân đã gây tạo. Nhưng khi quả báo đã mãn thì có

kẻ được trở lại đầu sanh vào loài người để thọ thêm quả Đẳng-lưu và Tăng-thượng. Quả Đẳng-lưu là quả báo trước kia gây nghiệp thế nào thì phải thọ quả thế ấy. Như trước kia gây nghiệp trộm cắp thì nay phải chịu quả bị người trộm cắp lại. Thêm vào đó, còn chịu quả Tăng-thượng, nghĩa là quả do nghịch cảnh bên ngoài đưa lại, như làm ruộng thì thường hay mất mùa hay gặp thủy tai hạn hán.

Đó là hạng người từ ác đạo chuyển sanh. Đến như những hạng người hành thiện-nghiệp sanh lên cõi trời, nay vì phước báo đã mãn, lại chuyển sanh lại cõi trần. Cũng như hạng từ ác-đạo đầu thai, hạng từ thiện-đạo chuyển sanh cũng thọ lấy quả Đẳng lưu và Tăng-thượng. Nhưng thay vì gặp nghịch cảnh, họ thường được trợ duyên. Đã nhờ gây nghiệp lành được sanh lên thượng giới, nay trở lại trần họ còn giữ được phần nào bản-tánh thiện. Tuy nhiên cũng có kẻ không tiếp tục làm thiện mà lại chuyên làm ác, đó chẳng qua vì tiền kiếp họ chỉ làm phước chớ không tu huệ, nên nay ra đời gặp phải thời-kỳ ác-liệt, họ dễ bị hoàn-cảnh lôi cuốn vào đường ác.

Nói tóm lại, bốn hạng người vừa kể trên đều là những người sanh ra đời vì nghiệp-cảm. Họ sanh vào thời-kỳ ác-thế này mà đền trả bao nhiêu oan-khiên đã gây tạo. Cứ chuyển-luân mãi trong vòng nghiệp-báo cho nên càng lâu xa chừng nào thì sự trả vay vay trả càng chập-chồng chất-ngất thêm chừng nấy. Vì vậy mà vào thời-kỳ Hạ nguơn cùng cuối này diễn ra bao nhiêu việc hung-hăng ác hại, chẳng qua là để đền trả nghiệp-báo giữa nhau mà ra vậy.

Mặc dầu sống trong cảnh ác, vầy vò trong nghiệp-báo, những người rơi từ Thượng-nguơn lại đây hay từ các thượng giới chuyển đến nhờ có gieo hột giống thiện nên còn giữ được phần nào bản-tánh hiền-lương, sớm thức-tỉnh hồi đầu lo tu-niệm. Đó là hạng người có hy-vọng được siêu-hóa hay ít ra cũng vượt lên cõi Thượng-nguơn để tiếp-tục cuộc tiến-hóa hướng thượng.

### **b) Hạng vì thệ-nguyện**

Cõi Ta-bà chẳng chỉ là nơi của chúng-sanh bị nghiệp-lực dẫn-dắt đầu-thai mà còn là chốn hẹn-hò của những người vì thệ-nguyện, là hạng người ở ngoài sự chi-phối của dẫn-nghiệp. Họ đến cõi trần là do nguyện-lực. Hẳn phải có ít nhiều quyền-năng tự-tại, họ mới ra vào cõi tục dễ-dàng theo ý muốn như thế.

Cứ theo sở-hành mà phân loại thì có thể chia ra làm hai hạng: hạng quỷ ma và hạng Hiền Thánh.

**Hạng quỷ ma.-** Thuộc về hạng quỷ ma là những kẻ có những hành động nhiễu loạn, phá hoại người lương-thiện, nghĩa là luôn luôn chủ-trương việc ác. Chúng hầu hết là quyến-thuộc hay nhân-dân của Ma-vương tên gọi Ba-tuần (Papiyas) là một vị vua ở từng trời Tha-hóa tự-tại, từng trời cao tốt của cõi Dục-giới.

Cứ theo kinh Phật thì cõi Tha-hóa tự-tại là một cái vô-cùng khoái-lạc. Người sanh vào cõi này có sức thần-thông muốn chi được



này, tự-tại vui chơi. Làm chủ cõi này là Ma-vương đã từng dẫn ma-quân xuống phá Phật khi sắp thành Đạo.

Trong kinh có kể lại rằng: Lúc Phật Thích Ca ngồi tham-thiền dưới cội cây Bồ-đề, Ma-vương thấy ở chỗ Phật ngồi ánh hào quang thì nó nghĩ thầm rằng: "Một khi Thái-tử Sĩ-Đạt-Ta chứng quả Như Lai đem giáo-pháp nhiệm mầu ra truyền-bá thì ắt sự nghiệp của nó ở cõi trần sẽ đến ngày hư hoại, các tà-pháp của nó sẽ không còn khuyến-dụ được ai, nên chi nó tìm đủ phương phá hoại. Nó đem cả quân-binh, huyền-thuật, sắc đẹp khủng-bố và cám dụ nhưng lòng của Thái-tử không hề nao-núng. Vì căm-tức không phá được Thái-tử nên Ma-vương thệ-nguyện đến đời mạt-pháp đem quyến-thuộc hiện vào làm môn-nhân đệ-tử của Phật để phá hoại cho được đạo Phật mới thôi.

Lời thệ-nguyện ấy, Ma-vương luôn ôm ấp nên không giờ phút nào chẳng cho quyến-thuộc xuống cõi trần khuyến-dụ cám dỗ những người làm hiền, tu theo Phật. Nhất là vào thời-kỳ Hạ-ngươn mạt-pháp này chúng-sanh phần đông phước ít tội nhiều để cho Ma-vương thực-hiện lời thệ-nguyện trước kia của nó.

Không còn lúc nào thuận-tiện bằng lúc này, Ma-vương cùng quyến-thuộc kéo nhau xuống thế, bủa lưới khắp nơi trần-gian. Đức Huỳnh Giáo Chủ đã mách trước :

*Thời-kỳ này nhiều quỷ nhiều ma,  
Trời mở cửa quỷ-vương xuống thế.*

Trời đây là cõi Tha-hóa tự-tại nơi quê-hương của Ma-vương. Trong Đại-thừa Chơn-giáo của Cao-đài cũng có cho biết rằng: "Phật Tiên giáng thế thì ma quỷ cũng ra đời. Trời độ rồi chúng-sanh, quỷ giặc giành nhân-loại." Chúng xuống trần chẳng qua vì thệ-nguyện phá đời, cho nên khắp chốn cùng nơi, chỗ nào chúng cũng hạ dinh lập trại.

Đức Huỳnh Giáo Chủ không ngớt cảnh tỉnh người đời:

*Đạo quỷ-vương rất nhiều chi ngánh,  
Khuyến dương-trần sớm tránh mới mầu;  
Để ngày sau đến việc thảm sầu,  
Rán nghe kỹ lời Ta mách trước.*

Sở dĩ người đời không nhìn ra ma quỷ là khi xuống trần, chúng cũng theo luật sanh-hóa mà mang hình hài xác thịt của loài người. Tuy nhiên, cứ theo kinh Phật hay giảng-kệ của các bậc siêu-phàm đã cho biết thì hạng quỷ ma chẳng phải là khó phân-biệt. Bởi chúng có những hành-động trái với lẽ thiện nên người đời có thể nhận thấy như: Tâm-địa luôn luôn ác-độc, tham tàn, thích sự sát sanh hại vật, chủ-trương chém giết, cướp giựt, ganh hiềm ghét ngó nhất là đối với kẻ tu hành ngay thẳng, chống báng đạo-đức, thích làm việc thương-luân bại lý, cuồng loạn dâm ô, đả kích các đạo giáo...Nói tóm một điều là chúng luôn luôn chủ-trương việc ác, nghịch hành với lẽ thiện.

Ngoài những hành-vi hung-ác, toan sát hại sanh-linh, chúng còn chuyên-luyện những tà-thuật hư-ngụy chống lại các đạo-giáo chân-

chính. Trước những mưu-cơ trí-xảo, những tà-thuật phép linh, nhiều người nhẹ dạ non lòng thường bị cám-dỗ. Nhất là những hạng người không có căn lành, những người từ các cõi ác, từ các giống hạ-đẳng mới chuyển sanh, vì thiếu giác-tánh phân-biệt chánh-tà, chơn-vọng nên sa vào cạm bẫy của chúng, kết bè hiệp đảng càng lúc càng đông, tai hại cho đến nhiễm lây hạng người hiền-lành chất-phác. Việc ác vì thế một ngày một thịnh-khởi, gieo rắc đau thương trong sanh chúng.

**Các Đấng cứu đời.**- Nhưng đồng thời với quỷ ma xuất-hiện thì các Đấng có bản-nguyện cứu thế cũng ra đời. Các Ngài ra đời không vì luân-hồi hay vì nghiệp-cảm mà vì thệ-nguyện, vì lòng bác ái từ bi. Cõi đời càng trở nên hung ác chừng nào thì các Đấng siêu-phàm càng gấp rút ra đời chừng nấy. Nhất là thời-kỳ Hạ-ngươn mạt-pháp này, ma quỷ xuất hiện ra nhiều gây nạn đau khổ cho nhân-gian thì các Ngài được dịp ra đời để thực-hiện bản-nguyện cứu-tế của mình.

Trong các kinh Phật, các vị Bồ-tát, A-la-hán thường nguyện đến đời mạt-pháp ác-thế hiện ra cứu độ chúng-sanh. Đức A-nan há chẳng nguyện: "Cõi ác-thế, ta thề vào trước !"

Trong kinh Ưu-bà-tắc-giới, Đức Phật cho biết Bồ-tát hiện vào ác-thế là vì thệ-nguyện: "Thiện nam tử ! Tất cả bạn ác và các phiền-não nghiệp chính là bạn để trang-nghiêm đạo của Bồ-tát. Tại sao ? Vì tất cả phàm-phu không có trí-tuệ và chánh-niệm, nên dùng phiền-não làm kẻ oán địch, còn Bồ-tát trí-tuệ chánh niệm đầy đủ, nên dùng phiền-não làm bạn ác và nghiệp cũng thế. Thiện nam tử ! Xa lìa phiền-não, không thọ thân trong các cõi dữ, thế nên Bồ-tát dù hiện ác nghiệp, nhưng kỳ thật không phải nghiệp ác của thân, miệng và ý tạo ra, là sức thệ-nguyện; vì nguyện-lực ấy thọ thân trong thú dữ".

Chẳng những các Bồ-tát mà cả đến chư Phật cũng hiện ra đời như kinh Diệu-Pháp Liên-hoa đã nói: "Xá-lợi-phất! các Phật hiện ra trong đời ác năm trước...lúc kiếp-loạn trước, chúng-sanh như bần, bòn-sén, tham-lam, ganh-ghét, có đủ các căn bất thiện."

Việc các Đấng Phật, Thánh, Tiên lâm-phàm vào thời Hạ-ngươn mạt-kiếp này, đã được Đại-thừa Chơn-giáo cho biết:

Nay là đúng cuộc tuần hườn,  
Phật Tiên giáng thế ra ơn độ đời.  
Chấn hưng giáo-lý Đạo Trời,  
Hầu toan đánh thức người đời tỉnh say.

Và nơi khác:

Đời mạt-pháp nên Phật Tiên đồng giáng-thế,  
Đem chơn-truyền mà phổ-tế mấy triệu ức sanh-linh.

Ngoài Cao-đài-giáo, bên Bửu-Sơn Kỳ-Hương các đấng siêu-phàm cũng không dứt lời cảnh-tỉnh.

Đức Huỳnh Giáo Chủ có viết:

Từ ngày vàng lộn với thau,  
Phật Tiên Thánh cùng nhau xuống thế.

Hoặc giả:

Cờ thế-giới ngày nay gần thúc,  
Nên Phật Tiên phải xuống hồng-trần.

Thì ra, trong lúc các giới hung ác quỷ ma xuất-hiện ra đời hại chúng-sanh thì các đấng siêu-phàm cũng giáng-lâm ra tay cứu tế.

Song khi xuống trần các ngài cũng chịu luật sanh-hóa mang lấy thân phàm xác tục như con người. Về điều này, Đại-thừa Chơn-giáo có giải rằng:

“Linh-hồn của các con từ cõi Bồng-lai Tiên-cảnh hoặc Cực-lạc Niết-bàn mà muốn đầu thai xuống hạ-giới này là cõi thứ bảy thì phải trải qua 6 cõi hư-linh ở thượng-tầng không-khí, mà mỗi khi trầm xuống cõi hư-linh thì linh-hồn phải chịu dưới quyền cấu-tạo của Tạo-hóa chi cơ, nghĩa là phải thọ bảm thần-khí ở cõi hư-linh đó mà bao bọc thêm ra ngoài một lớp thể-chất nữa, mà hễ càng trầm xuống xa chừng nào thì càng nặng-nề thêm chừng nấy. Khi trầm xuống đến cõi Dục-giới này lại còn phải mang thêm một xác thân phàm tục đủ điều”.

Vì mang lấy xác phàm-tục như người đời nên người đời không thể phân biệt. Tuy nhiên, trong cái thể-xác phàm-tục ấy, ẩn-náu một linh-quang siêu xuất trên phàm tình lục tánh. Cứ theo Khổng-tử thì bậc Thánh đứng trên thiên-hạ là hạng người “sanh ra không học mà biết”. (Sanh nhi tri giả)

Trang-tử, tinh-tường trong sự nhận-xét Thánh-nhân hơn, có nói rằng: “Hữu nhân chỉ hình, vô nhân chỉ tình. Hữu nhân chỉ hình, cố quần ư nhân. Vô nhân chỉ tình, cố thị phi bất đắc ư thân”. Thánh nhân có hình thể như người thường nhưng không có tánh-tình như người. Bởi có hình-hài như người, nên ở chung hợp với người; không có tánh-tình như người nên thân tâm siêu-xuất ngoài vật, không bợn thị phi, không bị ngoại vật chi phối.

Cứ theo những nhận-xét trên đây, các bậc siêu-phàm có thể phân-biệt với hạng phàm-tục hay quỷ ma ở những đức tánh sau đây:

Sanh ra là được tỏ ngộ, không học mà thông.

Tánh không còn nhiễm-trước, siêu-xuất trên lợi-danh tình-ái.

Hằng đem đạo-lý giáo-hóa người, luôn luôn khuyên đời hành thiện.

Tánh khiêm-nhượng, không khoe-khoang, xưng hô lớn lối.

Dầu có huyền-diệu, chỉ thị-hiện với mục-đích thức-tỉnh và độ đời, và khi người đời thức-tỉnh thì không thị-hiện nữa...

Về hai đức-tánh: không học mà thông và có huyền-diệu thì hạng Ma-vương cũng có thể có được, nhưng chúng khác hơn Thánh Tiên ở chỗ chúng còn tính nhiễm-trước lợi-danh, kiêu-căng, tự đắc, lớn lối xưng-hô và không bao giờ có pháp-môn hay đạo-lý để giáo-hóa mà chỉ xui-giục người đời làm việc ác bằng những lời huyền-hoặc.

Nói tóm lại, cùng ra đời vì thế-nguyên, nhưng hạng ma quỷ thì luôn luôn chủ-trương việc ác và tìm đủ cách phá hại đời; còn hạng

siêu-phàm thì luôn luôn khuyên đời hành thiện và hằng tìm phương cứu thế độ dân.

Đó là hai trận doanh Thiện và Ác đang diễn ra trong thời-kỳ Hạ-nguơn-hạ.

### 5° ĐỨNG TRƯỚC HỌA DIỆT-VỌNG

Ở đời việc lành bao giờ cũng khó làm hơn việc ác. Phương-chi tánh con người lại dễ bị quyến-rủ và ngã theo thói hư tật xấu phần nhiều là những việc dễ tập tành và thường đem lại nhiều khoái-cảm về xác-thịt, trong lúc ấy thì điều lành đòi hỏi những sự khắc khổ tiết-dục, những điều thanh-cao tốt đẹp về tinh-thần, toàn là những điều khó làm khó tập. Làm lành ví cũng như người trèo non, mỗi bước đi là mỗi khó khăn mệt nhọc, mất nhiều thì giờ mà trèo lên chẳng bao xa; còn làm ác ví như người đi xuống dốc, trượt chơn một cái là tuột luôn tới chơn núi.

Việc ác đã dễ cảm-nhiễm và tập-tành, thế nên trên con đường ác, mặc dầu nhỏ hẹp, người đời cứ vẫn xô lẫn chen chúc nhau đi, trong lúc đường lành mở rộng thênh-thang lại ít người lai vãng. Thật là:

Lam-kiều hữu lộ vắng hoe,

Ngục-môn không cửa mà hè nhau đi.

Đức Huỳnh Giáo Chủ

Cái xu-hướng ác xâm-chiếm hầu hết tâm-hồn con người, cho nên người ta không lấy làm lạ mà thấy những phong-tục xấu-xa ngoại lai, không cần cổ-võ, người đời cũng tấp-nập đua đòi; đến như những điều tốt lẽ hay thì dầu cho rất hòng hô-hào cũng ít người phụ-họa.

Cái trận doanh của giặc ác vì thế mà càng lúc càng đông, nhất là trong thời-kỳ Hạ-nguơn mạt-pháp này, đang gặp lúc các tà-thuyết hoặc-khởi thì hàng-ngũ của nó gia tăng không thể tưởng-tượng.

Sở dĩ trận doanh của chúng bành-trướng mau lẹ và lấn thế hơn trận doanh Thiện, kể ra có nhiều duyên-cớ mà chúng tôi có thể lược kê sau đây mấy động-cơ chính :

**Phép tài tri xảo.-** Bọn ma-quân như kinh Phật cho biết, không ngoài dòng dõi của Thiên-ma Ba-tuần tử cung Tha-hóa tự-tại sai xuống. Chúng đâu ở cõi này, đều giỏi về thần-thông biến-hóa, trí-xảo mưu-mô. Danh-từ Tha-hóa tự-tại đủ nói lên cái khả-năng thiên-biến vạn-hóa của con người ở cõi ấy. Chúng có đủ 5 phép thần-thông, chỉ còn lậu-tận-thông là chưa có. Thế nên, chúng có thần-lực muốn biến-hóa cách nào cũng được.

Trong kinh có kể rằng : Một hôm tổ Ưu-bà-cúc-đa nhập định, có Ma-vương Ba-tuần đến phá khuấy. Khi xuất định, ngài dùng thần-thông hàng-phục được nó, nên sau đó nó qui thuận và thỉnh ngài đến thọ trai của nó cúng dường. Ngài không nhận lời, nhưng để không phụ lòng cúng-dường của nó, ngài muốn nó hóa hiện lại cảnh Phật cùng Thánh-chúng mà chính nó đã được mục-kích khi Phật còn trụ thế. Nó

nhận lời nhưng căn dặn tổ khi nó hóa hiện ra thì đừng có lạy, sợ bị tổn đức. Sau khi tổ Ưu-bà-cúc-đa hứa lời thì Ma Ba-tuần biến mất. Một lúc sau, từ trong rừng, Đức Phật đủ 32 tướng tốt, chói rực hào-quang cùng một đoàn đại đệ-tử và Thánh chúng nghiêm-chỉnh đi ra. Quên hẳn lời hứa, tổ tướng đó là Đức Phật hiện đến nên vội-vàng đứng dậy kính lễ. Lúc ấy Ma-vương biến mất.

(Sau Phật Thích Ca, các vị tổ là : 1) Tôn-giả Ma Ha Ca Diếp, 2) Tôn-giả A Nan, 3) Tôn-giả Thương Na Hòa Tu, 4) Tôn-giả Ưu Ba Cúc Đa.....)

Đến như hình-tượng Đức Phật có đủ uy-nghi và hào-quang mà Ma-vương còn biến-hóa được thì nghĩ lại trên đời còn có vật gì mà bọn chúng không làm được.

Với tài phép dường ấy, một khi đầu thai xuống trần, mặc dầu mang lấy thể xác con người, chịu luật tạo-hóa chi-phối không còn nhẹ nhàng biến-hóa như xưa, nhưng cái bản-tánh quý ma của chúng không mất. Chúng vẫn tìm cách phá đời bằng đủ cơ-mưu trí-xảo.

Về phương-diện vật-chất, sẵn có bản-tánh biến-hóa, chúng tỏ ra rất giỏi về cơ-xảo, tiến-bộ về đường chế-tạo những việc ác-độc để đẩy mạnh loài người đến chỗ tương sát tương tàn.

Về phương-diện tinh-thần, chúng luôn luôn chống báng lại những gì gọi là thuần-phong mỹ-tục, đạo-lý nghĩa-nhân. Chúng chủ-trương những lý-thuyết tán-dương sức mạnh, ca-tụng đạo-tình, khuyến-kích con người trở lại với thú-tánh tự-nhiên.

Nếu vì sách-thuật để lôi cuốn hạng người có tâm-đạo thì chúng không ngại mang lốt kẻ tu-hành nhưng luôn luôn chủ-trương tà-thuyết huyền-hoặc mê-tín dị-đoan.

**Nhiễm lây vì kém đức.**- Đứng trước làn sóng vật-dục càng lúc càng thịnh, bị thôi-miên bởi những sáng-chế cơ-khí tinh-xảo hay quyến rũ bởi những khoái-cảm do máy-móc đem lại cho đời sống vật-chất, hơn nữa mê-hoặc bởi những tà thuyết hư-nguy, nhiều người, thứ nhất là hạng từ các cõi ác mới chuyển sanh, bởi thiếu óc phân-biệt chánh-tà mê-vọng, nên ò-ạt phụ họa xu-hướng theo. Hàng ngũ của giặc ác vì thế mà càng thêm đông-đức.

Cũng như một làn nước lũ đổ xuống, chẳng những lôi cuốn những vật trong lòng sông mà còn tràn ngập làm hư hại đến cửa nhà ở hai bên bờ nước. Đó là tình trạng của hạng người, mặc dầu từ cõi thiện chuyển sanh, nhưng vì giặc ác lan tràn nên bị cuốn lôi hay cảm nhiễm. Họ cũng không thể cưỡng lại được sức quyến rũ hay sự uy hiếp của giặc ác, cũng chẳng qua vì căn lành của họ chẳng trồng sâu, chẳng khác những cây rễ cạn non thường bị tróc gốc khi có giông bão lớn.

Trận-tuyến của giặc ác, nhờ thế càng ngày càng mở-mang khu-vực.

**Nghiệp chông chất.**- Nhưng cái nguyên-nhân chánh giúp cho giặc ác hoành-hành trong thời-kỳ Hạ-nguơn, phải kể là vì nghiệp chông chất của chúng-sanh.

Cứ theo luật nhân-quả thì phàm đã gây nhân nào thì thọ quả nấy, không khi nào sai chạy. Sự trả quả diễn ra ba cách : 1° *Hiện báo* là nghiệp tạo ra trong hiện-thế thì trả ngay trong một kiếp ấy ; 2° *Sanh báo* là nghiệp tạo đời này qua đời sau mới thọ báo ; 3° *Hậu báo* là nghiệp tạo đời này, qua nhiều đời sau mới trả.

Nếu con người cứ mãi ở trong vòng oan oan tương-báo thì kiếp sống chỉ là chuỗi trả vay vay trả không bao giờ dứt. Trong kinh Phật thường nói: Người ăn thịt dê sau sẽ đầu thai làm dê trả lại; thiếu mạng người thì phải bị người đòi mạng; đốt nhà người thì sẽ bị người đốt nhà lại; làm ly-tán gia-đình người thì người sẽ làm ly-tán gia-đình trả lại. Không có tai nạn hay hoạn họa nào xảy ra trên đời mà chẳng ở trong cái vòng nghiệp-báo tương-tục. Từ-Thọ Thiên-sư có làm bài kệ rằng:

Thế thượng đa sát sanh,  
Toại hữu đao binh kiếp.  
Phụ mạng sát nữ thân,  
Khiếm tài phần nữ trạch.  
Ly tán nữ thê tử,  
Tăng phá tha sào huyết.  
Báo ứng các tương-đương,  
Tỷ nhĩ thịnh Phật thuyết.

Có nghĩa :

Trên đời lắm sát sanh,  
Mới có cuộc đao binh.  
Thiếu mạng người bị giết,  
Thiếu tiền bị đốt nhà.  
Vợ con mình ly-tán,  
Vì đã phá nhà người.  
Vay trả vẫn tương-đương,  
Rửa tay nghe Phật thuyết.

Nghiệp-báo trả vay chẳng-chặt như thế, đã vậy từ đời Thượng-nguơn trở lại đây, tội nghiệp của con người cứ mãi chắt-chồng, đời này sang đời nọ, đến nay là thời-kỳ cùng cuối của buổi Hạ-nguơn, bao nhiêu nghiệp-báo dồn đôn, chẳng trách sao con người quá hung tàn, đời càng độc ác.

Kinh Hoa Nghiêm có viết: "Trong châu Diêm-phù-đề, chúng-sanh giữa thời ngũ-trược, chẳng làm mười điều lành, chăm làm nghiệp ác: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói ý thị, nói đồn xóc, nói độc ác, tham, giận hờn, mê-si; ngoài thập ác, con chẳng hiếu đối với cha mẹ, chẳng cung kính sa môn, tranh giành nhau, cãi lẫy nhau, hủy nhục nhau, buông lung theo sự quấy, trái phép mong cầu. Vì những nhân-duyên ấy, gió mưa không chừng, lúa thóc chẳng tốt, nhân dân

thiếu hụt, bệnh hoạn đầy đây, phiêu-bạc bốn phương, không nơi nương dựa.”

Đã tạo nghiệp nhiều đời thì nay đến thời-kỳ phải trả. Đó là nguyên-nhân của bao nhiêu nạn tai, đói đau, giặc giã, tàn-sát sanh-linh, xảy ra trong lúc này càng bừa càng nhiều, hơn lúc nào hết.

Vì là thời-kỳ trả quả, cho nên những người đã tạo nghiệp, mặc dầu được siêu-hóa hay đầu-thai vào cõi khác, đến nay cũng phải trở lại trần để cùng nhau thanh-toán những món nợ cũ một lần chót.

Chính đó là một dịp tốt cho ma-quân lợi-dụng để lôi kéo mọi người vào hàng ngũ và thúc đẩy chúng-sanh tiến mạnh trên con đường hung-ác thù-hằn. Vốn đã vay nợ máu lẫn nhau, cái hận-khí chưa được báo thù làm cho cá-nhân với cá-nhân, đoàn-thể với đoàn-thể, quốc-gia với quốc-gia...xem nhau như hai con gà ra trận, hai con cọp hàm-hừ, chỉ chực đánh đá nhau, móc họng nhau cho thích nư, cho đã giận.

Để tiêu-diệt đối-phương, bên nào cũng tìm đủ các tăng cường sức mạnh, tạo chế những khí-cụ tàn-sát phi-thường. Khắp bầu trời, phủ đầy uất khí xung thiên; mọi tâm-hồn đều sống trong kinh-khủng đang đứng nhìn cái hố diệt-vong bày trước bước đường. Chỉ trong một phút điên rồ, một chút sẩy chơn cũng đủ dặt nhau đến nơi tận-diệt.

Đứng trước họa diệt-vong, người còn tỉnh tâm không khỏi phập phồng lo sợ, thốt ra những tiếng gọi thất thanh.

Trong bài trần-thuyết của phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam tại hội-nghị Phật-giáo thế-giới hợp lần thứ tư ở Tân-Đề-Ly (Ấn-độ) năm 1956, đã vang lên những lời báo động:

“Thế-giới ngày nay đang lâm vào một tình-trạng báo-động; quyền-lợi giữa người và người, giữa giai-cấp và giai-cấp, giữa quốc-gia và quốc-gia đã là nguyên-do của tất cả những kinh-khủng tràn lan khắp mọi địa-phương.

“Người ta rùn mình khi nghĩ đến hố diệt-vong đang đón chờ nhân-loại. Tiếng gọi thất thanh nhưng rời rạc của một vài tâm-hồn nhân-loại vang lên đây đó không đủ để cản ngăn sức lôi cuốn của dòng quyền-lợi.

“Bản thân mình, giai-cấp mình, quốc-gia mình, quyền-lợi mình, chủ-nghĩa mình, xui giục con người tiến mãi đến chỗ rình-rập nhau, găm-gử nhau, xem nhau như là thù nghịch muôn đời.”

Rồi đây vận-mạng của nhân-loại sẽ ra sao?

Vẫn biết, không ai thay đổi cái luật “tự tác tự thọ” nhưng đứng trước cảnh thuyền sắp đắm giữa vời, những người ở trên bờ còn có phương cứu vớt, nào ai nỡ đứng đó mà nhìn. Huống chi thuyền chưa chìm mà trên bờ có kẻ nhẫn tâm phá hoại cho mau chìm, hại lây những kẻ khác thì sao người ta không tìm cách cản ngăn, bắt họ dừng tay lại.

Ví dầu, trước sau gì thuyền cũng chìm không phương sửa chữa thì ít ra người ta cũng cố hết sức xông thuyền ra cứu vớt. Nếu không

cứu được hết thì may ra cũng vớt được một phần nào những người còn chút hơi tàn bơi lội.

Chính đó là bản-hoài của các tôn-giáo có chí-nguyện cứu đời đang cố đắp con đê "THIỆN" để chặn đứng sức hung bạo của làn nước "ÁC".

## **6°.- PHẢN-ỨNG CỦA CÁC ĐẠO-GIÁO**

Đứng trước sự bành-trướng của giặc ác nhân-loại đến ngưỡng cửa diệt-vong, các Đạo-giáo không sao chẳng phản-ứng để giựt giành, nếu không được hết, cũng được phần nào những kẻ hiền-lương ra khỏi nanh vuốt của tử-thần. Từ nửa thế-kỷ trở lại đây, các cuộc phát-minh vũ-khí nguyên-tử và khinh-khí càng đạt đến mức tàn phá tối cao của nó, trận-tuyển của giặc ác và bạo tàn càng thạnh uy-thể thì các đạo-giáo càng thêm nỗ lực trong công cuộc cứu thế độ dân, phát động mạnh phong-trào chấn-hưng thống-hợp.

Ngoài những tổ-chức vận-động hòa-bình, ngăn cản việc thử và chế-tạo bom nguyên-tử có ảnh hưởng về mặt chánh-trị nhưng không được sâu rộng trong dân-gian, còn có các Đạo-giáo kêu gọi nhân-sinh, hô hào tình tương thân, tương ái giữa nhân-loại mà ảnh-hưởng về mặt tinh-thần lan tràn và nhuần thấm trong mọi tầng lớp nhân-dân.

Trong các cuộc vận-động và kêu gào tình bác ái đại đồng giữa nhân-loại chúng-sanh, chúng ta có thể kể mấy tôn-giáo và hiệp-hội có nhiều ảnh-hưởng trên phương-diện huy-động tinh-thần thống-hợp, kêu gọi con người trở lại với Đạo-đức, quay về con đường thiện.

### **a) Quan-điểm Thông-thiên-học**

Đứng trên lãnh-vực trí-thức, hội Thông-thiên-học chủ-trương tình huynh-đệ đại-đồng với ba mục-phiêu:

1° Gây tình Huynh-đệ đại-đồng giữa nhân-loại không phân-biệt nòi giống, giai-cấp, tôn-giáo, tín-ngưỡng và nam-nữ.

2° Khuyến-khích, nghiên-cứu các tôn-giáo, triết-lý và khoa-học.

3° Nghiên-cứu những luật tự-nhiên chưa giải được những quyền-năng ẩn-tàng trong con người.

Giải về mục-đích xây dựng tình Huynh-đệ đại-đồng, Bác sĩ Arundale, một huynh-trưởng của Hội Thông-thiên-học có viết:

"Cái tinh-thần của thế-giới hiện nay là hiệp nhất, mặc dầu người ta có chỗ dị đồng. Hội Thông-thiên-học đã tiêu-biểu cho cái tinh-thần ấy đến cực-độ, vì hội không có tín-ngưỡng, giáo-điều, mà cũng không có điều gì bắt buộc, ngoại trừ điều kiện phải hữu-ái với mọi người. Đó là hội của mọi người biết thương-thức, tôn-trọng và yêu quý tình bằng hữu trên mọi sự. Họ lấy tình bạn mà thu hút mọi sự dị đồng, và họ lấy chúng mà bồi đắp cho tình bạn thêm mạnh." (Tạp-chí Tìm Hiểu Thông-thiên-học số 43-44)



Sự xuất-hiện của hội Thông-thiên-học và chủ-thuyết Huynh-đệ Đại-đồng, chính là một phản-ứng chống lại cảnh đời nguy-vong của đấu-tranh, của chém giết.

Hội Thông-thiên-học ra đời ngay thời-kỳ mà "nền vật-chất tràn lan khắp chốn". Từ kẻ què mùa dốt-nát đến người trí thức thông-minh ai ai cũng cho rằng "con người chỉ là một cái máy, khi sống ăn uống, hoạt-động; lúc chết rồi, máy hư tan rã và hóa thành tro bụi! Còn linh-hồn là điều ảo-tưởng, do trí tưởng-tượng bịa ra."

"Cái tai hại là mỗi nguy-vong của cuộc đời là ở chỗ đó. Vì không có hy vọng ở kiếp tương-lai, con người chỉ mong tranh-đấu cướp giật, cho kiếp sống hiện tại không còn biết nhân, nghĩa, lễ, trí, tín là gì? Miễn vinh thân, phì gia là đủ và cho mình đã đạt đặng mục-đích của cuộc đời rồi. Giữa cảnh nguy-vong ấy, bà Blavatsky có sứ-mạng đem chân-lý soi sáng cõi đời đen tối này...(Theo tạp chí TTH số 37 và 38).

Thế là hội Thông-thiên-học thành lập và từ năm 1875 cho đến nay một mực đem thuyết Huynh-đệ đại-đồng kêu gọi mọi người "ăn năn cải-hóa và tu-chính thân mình càng ngày càng trở nên nhân-tử, bác-ái, hy-sinh, khoan-dung, và huynh-đệ với tất cả mọi người xuyên qua các bức rào thành-kiến, đẳng-cấp và chủng-tộc."

### **b) Quan-điểm của Cao-đài-giáo**

Cũng kêu gọi sự đoàn-kết tinh-thần, nhưng đứng trên lãnh-vực tôn-giáo, Đạo Cao-đài chủ-trương "Tam-giáo qui nguyên" hầu đem con người trở lại với nền đạo-đức cổ-truyền.

Theo Cao-đài-giáo, đời sống càng ngày càng trở nên xấu-xa, con người càng ngày càng hung ác, gây nên cảnh tương sát tương tàn, đưa nhau đến chỗ diệt-vong là do Tam-giáo thất truyền, mờ lu Đạo-đức.

Nay muốn cứu-độ chúng-sanh thoát khỏi vòng tiêu-diệt, chỉ có phương phổ-truyền đạo-đức làm nền-tảng cho sự phục-hưng và qui-nguyên Tam-giáo.

"Phải nhờ Đạo-đức mới huấn-luyện hồn dân, chế kềm tâm chúng mà dìu dắt trở lại con đường nghĩa nhân hạnh-phúc.

"Con người phải hiểu biết cho phân-minh rành-rẽ luật báo-ứng nhân-quả thì mới chịu hồi tâm cải ác tùng lương mà tu phong-hóa, chỉnh luân-thường, để làm cái giới-hạn cho nhân-sanh. Được vậy đời mới lần lần nhiễm lấy Đạo-đức tinh-thần mà ưa làm phải làm lành, biết tránh tai, tránh họa. Lâu lâu con người lại thông-suốt đến cả căn-cơ Đạo-đức mà tìm ra nguồn cả của chúng-sanh.

"Đã tìm ra nguồn cội ấy thì nhân-loại sẽ bắt đầu thương yêu nhau trở lại, vì sẽ rõ biết tất cả chúng-sanh ở thế-gian này dầu thảo mộc, thú cầm hay nhân-loại chỉ cùng chung một lò sanh-hóa, cùng chung một khối tinh-thần; dường ấy lớn là anh, nhỏ là em, thì lòng bác-ái mới mở rộng ra, mà không bao giờ còn loài nào muốn ăn thịt nhai xương nướ máu loài nào nữa hết. Con người chừng ấy sẽ trở nên chí-thiện mà không bao giờ còn những thói nhỏ nhen, hèn mạt như

tham lam ganh gổ, oán chạ, thù vợ, ghen hiền, ghét ngỏ, vân vân. Chừng đó là đời đã thái-bình, dựng nghiệp Thuấn Nghiêu: phong võ điều hòa, bốn phương cộng lạc. Ấy có phải là nhờ nơi Đạo-đức mà un đúc lòng người đó chăng?

‘‘Thế nên, không chi ích lợi cần yếu cho đời bằng Đạo với Đức. Hễ Đạo-đức hoảng khai, đời đã thâm-nhiễm thì con người mới hết dục-vọng, mà hết dục-vọng là hết tàn-ác, hết tàn-ác là hết khổ đau. Vậy nên các con phải chung tay hiệp sức mà rán lo sao cho bành-trướng Đại-đạo để độ rỗi quần-sanh trong thời mạt-kiếp này.’’ (theo Đại-thừa Chơn-giáo tr.178-180)

Một khi Đạo-đức được phổ-truyền thì Tam-giáo sẽ qui-nguyên hiệp nhất, thế-giới sẽ đại-đồng:

Xưa kia Tam-giáo tam-tòa,  
Ngày nay chung lại một nhà phổ-thông.  
Thuyết-minh chánh-lý Đại-đồng,  
Làm cho con Lạc cháu Hồng mở mang.  
Dựng đời Ngũ-đế Tam-hoàng,  
Trăm nhà muôn họ vững-vàng thành thơi.  
Đại-thừa Chơn-giáo (tr.36)

### **c) Quan-điểm của Cơ-đốc-giáo**

Để cứu-vớt nhân-loại khỏi nạn diệt-vong, Cao-đài-giáo kêu gọi con người trở lại với Đạo-đức, còn Cơ-đốc-giáo thì kêu gọi trở về với Chúa.

Theo Cơ-đốc-giáo, chính vì loài người không chịu nghe lời Chúa, để cho bọn Sa-tan cám dỗ mà một xa lẫn chánh-nghĩa, dong ruổi trên con đường tội lỗi hung tàn. Những sự bất công, giết hại, lòng căm-thù, tật-đố, những sự cướp giựt, xâm-lãng...mỗi ngày một tăng-gia, làm cho đời ngập tràn những đau thương thống khổ. Vết thương xã-hội cứ theo đà tiến-hóa vật-chất mà loan lở mãi ra, không còn phương cứu chữa. Sức bành-trướng của hung-tàn bạo-ác, nhân đó đẩy mạnh cơ tận-diệt của thế-gian. Điều này đã được Chúa Giê-su cho biết trước.

Căn-cứ theo điều dự-ngôn của Chúa ‘‘thì cái biểu-tượng lớn sẽ bắt đầu bằng một trận thế-giới chiến-tranh. Từ năm 1914 đến nay, ba mươi nước đã tham chiến để đánh lẫn nhau, và vì vậy mới gọi là trận thế-giới chiến-tranh thứ nhất. Tiếp theo trận chiến-tranh ấy là đỏi kém, bệnh dịch xảy ra ở nhiều nơi, sự-kiện đó tiếp-tục đem lại khổ sở khốn cùng cho nhân-loại sau khi trận thế-giới chiến-tranh đã hết. Thật vậy số người chết bệnh dịch nhiều hơn bao giờ trong lịch-sử, gây ra sự tàn-phế lớn lao cho vừa tài-sản, vừa nhân-mạng. Thế mà Chúa Giê-su đã nói: ‘‘Mọi điều đó chỉ là sự tai hại.’’ Và như vậy, từ trận thế-giới chiến-tranh thứ nhất, cái thời-gian đau khổ cứ tiếp-tục và khuếch-trương, thành một trận thế-giới chiến-tranh khác khủng-khiếp hơn trận thứ nhất. Thế mà hiện nay người ta còn sợ một trận chiến-tranh

khác nữa dùng những chiến-cụ tàn-phá khủng-khiếp hơn. Đói kém, động đất vẫn còn hành hạ nhân-loại. Một cảm-tưởng về sự bất an đã bao trùm tất cả nhân-loại. Chính trong lúc họ đang tự hỏi tương-lai đã dành chắc chắn những gì cho họ. Đức Chúa Giê-su đã tả đúng những sự-kiện đó và nó là một phần cái biểu-tượng mà Ngài đã tiên-tri. Ngài đã nói nó phải xảy ra dưới đất, dân các nước sầu-não rối loạn vì biển nổi om-sòm và sóng đào. Người ta nhân trong khi đợi việc hung dữ xảy ra cho thế-gian, thì thất kinh mất vía." (Tin lành về nước Đức Chúa Trời tr.21).

Điều sắp xảy ra ấy, Thánh kinh gọi là trận Hạ-ma-ghê-đông (Hamaguédon), trong đó quỷ Satan và những hung thần của nó và những tô-tử hữu-hình của nó trên mặt đất sẽ bị tiêu-diệt." Thế-giới sẽ vì trận giặc huỷ diệt này mà tan tành. Nhưng loài người không phải là không có lối thoát. Và lối thoát để sống còn ấy, theo Cơ-đốc-giáo là con người phải nghe theo Chúa và trở về với Chúa.

"Khiêm-nhượng đi với Đức Chúa Trời có nghĩa là ăn ở thanh-khiết và không bao giờ nghịch hành những nguyên-tắc của Thánh-kinh để làm vữa lòng thế-gian. Nhưng, hành động như thế, đòi hỏi một sự hiểu biết xác thực. Thánh-kinh và một lòng yêu đậm đà Chúa Giê-hô-va (Đức Chúa Trời).

"Kẻ nào đặt đức tin vào Đức Chúa Trời và nước của Chúa Jésus cai-trị, đã ly khai cuộc đời và hợp thành xã hội của một thế-giới mới. Thật sự, chúng hợp thành một xã-hội người hay một tổ-chức thế-gian ở thế-giới mới của Chúa. Cho được sống còn sau cuộc huỷ diệt cõi đời hiện nay và hưởng những đặc ân của thế-giới mới, điều cần yếu là phải dự vào xã hội gồm những kẻ phụng-sự Đức Chúa Trời. Chỉ có những người thanh-khiết mới sống còn để nhìn thấy ngày mà không một vùng khói nguyên-tử nào bốc lên gieo sự kinh-khủng và báo tin sự huỷ diệt vô số đời sống nhân-loại. Sự huỷ diệt của thế-giới hiện tại bởi Đức Chúa Trời, sẽ là một ân-huệ cho nhân-loại, vì thế-giới mới thay thế cho cõi đời này sẽ mang lại cho loài người biết vâng lời, một nền hòa bình và an ninh vĩnh-cửu. (theo tạp chí Réveillez vous, số 22 Mai 1958).

#### **d) Quan-điểm Phật-giáo**

Ngày nay ai cũng nhìn nhận Phật-giáo là nền đạo có mục-đích đưa con người đến chỗ an vui, hoàn-toàn giải-thoát. Muốn đạt đến mục-đích cao quý ấy, con người phải hành theo lời dạy của Phật : Tránh mọi điều ác, làm tất cả điều lành và an-định thân tâm.

Nếu mọi người đều ăn ở theo lời Phật dạy thì chắc chắn xã-hội sẽ được an vui, loài người sẽ sống hòa-hiếu.

Trải qua trên 2500 năm, lịch-sử đã chứng tỏ Phật-giáo là một nền đạo hòa-bình. Gần nửa số nhân-loại hoan-hỷ đón tiếp ánh-sáng của Phật-đà. Trên bước đường truyền-bá, đạo Phật chưa từng gặp một sự kháng-cự nào đến gây thành chiến-tranh tôn-giáo. Sở dĩ được như thế là nhờ giáo-lý của đạo Phật xây dựng trên lẽ từ-bi và bác-ái.

Dầu ở hoàn cảnh nào, đạo Phật cũng một mực kêu gọi chúng sanh chống lại việc ác và quay về con đường thiện. Trên 2500 năm, lời dạy của Đức Phật vẫn là một định lý luôn luôn được thực-dụng trong cuộc đời một ngày một trở nên hung ác. Nhất là trong thời-kỳ mạt-pháp này, giặc ác đang xua loài người đến chỗ diệt-vong thì giáo-lý của đạo Phật càng cần-thiết cho sự cứu-vãn hòa-bình.

Nhân lễ kỷ-niệm 2500 năm Phật nhập Niết-bàn, tổ-chức tại Ấn-độ năm 1956, thủ tướng Nê-ru, trong một bài diễn văn, có đoạn nói rằng :

“Trên thế -giới ngày nay, chúng ta nhận thấy một cảnh-tượng đặc-biệt là trong khi đa-số nhân-loại có thể nói là toàn thể nhân-loại mong muốn hòa-bình, bất cứ vì lý do gì ; tuy nhiên, những sức mạnh của điều ác và của bạo lực đã lan tràn và mang lại bao nhiêu sự thù ghét, muốn phá hoại và đè nén kẻ khác.

“Chắc chắn đó là một vòng lẩn-quẩn. Làm thế nào để ra khỏi tình-trạng này trong bao nhiêu năm cũng như qua bao thế-hệ.

“Phải có một cách nào khác để giải-quyết vấn-đề đó chúng ta mới tìm ra giải-pháp, ngoài ra không có lối giải-quyết nào cả và như thế không chắc gì có thể thực-hiện được hòa-bình.”

Và sau khi kiểm-điểm các biện-pháp, ông Nê-ru thấy rằng:

“Không có đường nào có thể tìm thấy được để cứu nhân-loại ra khỏi những vụ tranh-chấp và chiến-tranh vừa qua, trừ phi ra họ đi theo con đường xưa mà vị chánh-giác đã chỉ đường cho nhân-loại.

“ Đó là Đức Phật.

“Tôi không nói với quý ngài con đường mà những mối thù hận, chiến-tranh mà bạo-lực có thể rời khỏi tâm-hồn nhân-loại. Trừ phi con đường ấy không tiếp-tục nữa, như thế sự đấu-tranh và tranh-chấp sẽ còn mãi và thế-giới không đi xa hơn nữa.

“Trong lúc những nguy-khốn đó, tôi thấy một hy-vọng dạt-dào trong con đường mà Đức Phật chỉ dạy : một nhà cách-mạng thế-giới.

“Tâm-hồn được thư-thái phần nào và tin-tưởng thêm không phải vì những biến-cổ đã xảy ra trên thế-giới, nhưng là vì bức thông-điệp của Đức Phật. Tôi tin rằng thế-giới không thể dùng một con đường bằng chiến-tranh hay bằng bạo-lực để giải-quyết tình-trạng hiện-thời mà phải theo con đường Đức Phật đã tìm thấy và chỉ rõ cho chúng ta.” (Theo bản dịch của Nguyễn Thọ, trong Liên-Hoa số tháng năm, Đinh Dậu)

Ông Nê-ru, đứng trên căn-bản lý-thuyết tìm lấy phương-pháp cứu-vãn hòa-bình. Nhưng cho được thực-hiện những phương-pháp ấy, là vai-trò và hoạt-động của Phật-giáo thế-giới.

Tại hội-nghị Phật-giáo thế-giới lần thứ tư họp ở Ấn-độ, trong bài thuyết-trình của đại-diện phái-đoàn Phật-giáo Việt-nam, có đoạn tha-thiết kêu gọi các Phật-tử:

‘‘Hơn bao giờ hết, Phật-tử toàn thế-giới cần phải tỏ rõ ý-nguyện tha-thiết hòa-bình của mình bằng cách thực-hiện một đoàn-kết to rộng lấy sự sống làm căn bản, lấy trí-thức làm phương-châm và lấy giác-ngộ làm cứu-cánh. Cùng với những tâm-hồn nhân-loại khác, chúng ta cố tâm xây-dựng, không phải những cường-quốc hùng mạnh về binh-bị mà là những quốc-gia ham chuộng hòa-bình, biết sống trong tinh-thần tri-túc và thương yêu, biết sống đời hướng-thiện. Chúng ta tin rằng Từ-bi sẽ thắng cường-bạo và hòa-bình sẽ trở lại với loài người, nếu ta thực tình mong muốn. Sự truyền-bá tư-tưởng Phật-giáo trong các quốc-gia toàn thế-giới, vì vậy, trở thành một vấn-đề cấp-bách, Một phần nhân-loại đã hầu như hết tin-tưởng. Chúng ta phải đem ánh-sáng của Phật-đà đến để gây niềm tin-tưởng cho họ. Tổ-chức Phật-giáo thế-giới phải hoạt-động mạnh hơn nữa về phương-diện hoằng-pháp giữa các quốc-gia phải được thành-lập. Đại hội Văn-hóa Phật-giáo thế-giới phải xác định lập-trường Phật-giáo trong tình-thế và hoàn-cảnh hiện-tại. Phải có những kế-hoạch tương-trợ, giúp đỡ các nước Phật-giáo tiến mạnh trên các hoạt-động xã-hội, nhất là về giáo-dục và từ-thiện. Phải chú-trọng đến sự tác-thành cho những nền Phật-giáo quốc-gia hiện giờ đang thiếu điều-kiện kinh-tế và chuyên-môn để trưởng-thành.’’

### **đ) Quan-điểm Bửu-Sơn Kỳ-Hương**

Cùng một hệ-thống Phật-giáo, cùng phụng-hành giáo-ly từ-bi bác-ái của Đức Phật, nhưng Bửu-Sơn Kỳ-Hương, trên phương-diện hoằng-dương giáo-pháp có nhiều đặc-điểm đi sát với hoàn-cảnh và trình-độ cơ-cảm của chúng-sanh hơn các tông-phái khác.

Chỗ diêu-dụng của Phật-pháp là nó luôn luôn đối-cơ. Đức Phật đã nói giáo-pháp của Ngài có tám muôn bốn ngàn pháp-môn là vì chúng-sanh đa bịnh. Mỗi chúng-sanh có mỗi căn bịnh, hoàn-cảnh khác nhau, cho nên trong việc chữa trị phải tùy-nghi mà đưa ra giáo-pháp thích-ứng.

Bửu-Sơn Kỳ-Hương là một tông-phái mà từ vị khai-sáng đến các vị truyền-thừa đều là những đấng sáng tỏ, thấu rõ cơ-huyền.

Từ một trăm năm về trước, Đức Phật-Thầy Tây-An đã báo tin rằng đời Hạ-ngươn sắp mãn, cơ tận-diệt hầu kề. Thế nên trong việc hoằng-dương giáo-pháp, muốn cứu-độ chúng-sanh hầu hết căn-cơ thiếu-bạc, không thể nhất thiết áp-dụng những giáo-pháp trường-kỳ hay cao viễn.

Phải làm sao trong một thời-gian rất ngắn, đem chúng-sanh trở lại con đường lành để có đủ điều-kiện sống sót trong thời-kỳ Thượng-ngươn hầu tiếp-tục tu-hành cho đến ngày giải-thoát. Đó là mục-đích cấp-bách của Bửu-Sơn Kỳ-Hương trong thời-kỳ Hạ-ngươn mạt-pháp.

Để đạt đến mục-đích ấy, Bửu-Sơn Kỳ-Hương xướng xuất pháp-môn Tu-nhân Học-Phật. Tu nhân để trở thành con người có đủ tư-cách dự Hội Long-Hoa sống còn trong ngày xây-dựng Thượng-ngươn. Học

Phật để có thể lãnh-hội những giáo-lý cao siêu của Đức Di-lặc trong ba trường thuyết-pháp, hoặc được vãng-sanh về cõi Cực-lạc.

Giải về mục-đích xương-minh Đạo Phật của Bửu-Sơn Kỳ-Hương, tạp-chí Giác-Tiến có đề ra bốn khoản :

1° Duy-trì chánh-giáo của Phật Thích-Ca;

2° Dắt người trở lại con đường lành;

3° Khiến cho mỗi người được tỏ ngộ;

4° Đưa nhân-sanh đến Hội Long-Hoa hay về cõi Cực-lạc.

‘‘Lẽ thứ nhất của cuộc xương-minh đạo Phật là duy-trì chánh-giáo của Phật Thích Ca khiến cho chúng-sanh cùng được giác-ngộ như nhau và cùng hiểu được chân-lý của Phật. Lúc nào họ cũng tôn-thờ kính-phụng mỗi đạo vô-vi của Phật và hiểu luật nhân-quả báo-ứng một cách rõ-ràng, tránh tất cả những thuyết có ẩn ý làm mê-tín lòng người.

‘‘Lẽ thứ hai của cuộc xương-minh đạo Phật là dắt người trở lại con đường lành bằng cách dùng đủ lẽ hay ho để hướng-dẫn những kẻ lầm nghe tà-thuyết, tín-ngưỡng ngoại-đạo, sớm thức-tỉnh trở lại con đường quang-minh của Tổ Thầy đã vạch sẵn. Nhất là làm sao mọi người rút bỏ các việc ác theo làm mọi điều lành, khiến lòng ác độc của con người được bớt lần đi, tức thì họa tham tàn, giết hại, sự đao binh của nhân-loại dần dần ngưng hẳn; rốt hết là sẽ cứu được chúng-sanh lấp xong nguồn sống chết để cùng nhẹ-nhàng siêu-hóa về cõi thanh-tịnh an-cư của chư Phật.

‘‘Lẽ thứ ba của cuộc xương-minh đạo Phật là khiến mỗi người được tỏ ngộ bằng cách phương-tiện dùng phép quyền biến, hoặc chân-thiệt, hoặc mau hoặc chậm để vạch xé ra từ việc một của sự tham-lam, sân-nộ, mê-si, ái-dục không phải là thiệt có, mà chỉ do vọng-niệm vô-minh của mỗi người mà thấy nó dường như có thật. Bởi vọng-niệm vô-minh của chúng-sanh tưởng sắc đẹp là thiệt, tưởng của cải là trường-tồn mới đem lòng tham chấp ghét ưa; nhược bằng hiểu rõ ràng vạn sự của trần là huyễn-ảo bọt bèo, sớm còn tối mất không trường-tồn vĩnh-cửu thì dù nó mất-mát cũng không khờn-mẻ nóng-nao. Chúng-sanh nhận hiểu như thế, rồi tự mỗi người soi-chiếu lại bản tâm của mình, được thấy nó tròn-trịa sáng-sủa như mặt nhật và có đủ công-năng để sử-dụng một cách mẫu-nhiệm; nó có thể hiểu tất cả việc làm, tất cả món không bị mọi cảnh ở bên ngoài ám-ảnh vào mắt, tai, mũi, miệng mình nữa khiến đầu óc chẳng còn mê-muội rối-rắm, vẫn được một màu rỗng-rang sáng tỏ, phân-tách được từ việc một của sự đời hay sự đạo để thật-hành đúng theo chân-lý. Sau hết là khiến cho mỗi người tự tu, tự ngộ lấy mình không ỷ-lại vào sự giúp-đỡ của kẻ khác mà mình không lo lấy thì không khi nào đến chỗ giải-thoát mau lẹ được.

‘‘Lẽ thứ tư của cuộc xương-minh đạo Phật là đưa nhân-sanh đến Hội Long-Hoa hay về cõi Cực-Lạc bằng cách là khiến mỗi người quay

về con đường lành và tỏ ngộ bản-tâm, tức nhiên đến ngày khai mở Long Hoa họ sẽ được đến đó để hầu nghe lời lẽ nhiệm-mầu của chư Phật giảng-giải và họ sẽ được sự ban thưởng của vị Chú-â-thánh. Nếu trong lúc tu-hành, lòng họ chuyên-trì lực tự một cách thuần-chính thì họ sẽ được Đức Phật Di-Đà hiện thân đến tiếp rước về Cõi Cực-lạc hưởng lấy quả an-vui hơn cõi Ta-bà gấp bội. (Theo Tạp-chí Giác-Tiến số 6 năm 1956).

Những mục đích trên đây chẳng riêng Bửu-Sơn Kỳ-Hương mà là phổ-biến cho cả thầy chúng-sanh khắp nơi trong thời-kỳ mạt-hạ. Nhưng cho được thực-hiện trong một thời-gian ngắn-ngủi, phi bậc siêu-phàm thì không thể làm được.

“Thời-kỳ này, các vị Tiên Phật lâm phàm, về phương-diện cứu-độ khác hơn thời-kỳ trước, vì chúng-sanh căn-khí hẹp-hòi, nghiệp dày huệ ít, nên các Ngài phải tùy-nghi giảng-giáo những pháp-môn trung-đạo cho vừa với trình-độ của chúng-sanh hầu khiến cho dễ nhận-thức và thực-hành. Ngoài ra các Ngài còn có sứ mạng hộ-trì tiến-dẫn số người lương-thiện chơn-chánh, đức hạnh trung-trinh, nhất là những kẻ có lòng vị-tha bác-ái được đưa về thính-pháp nơi Hội Long-Hoa, hoặc tồn-tại đến ngày Thượng-nguơn. Đến đó chúng-sanh được an vui không còn đau khổ và tuyệt-nhiên không việc thù-hằn giết hại lẫn nhau gây mỗi thâm kịch trong xã-hội.

“Các vị ấy Đức Ngọc-đế xếp đặt xong, hiện giờ nơi nào cũng có, để chờ đợi thời-kỳ thuận-tiện trở mặt giúp đời. Nhưng trong lúc chờ đợi, các vị không hề xưng hô danh-hiệu cho ai biết, với mỹ ý muốn tránh sự nghi-ngờ hoặc ý-lại của hạng kém cơ-duyên.

“Như vậy buổi Hạ-nguơn này là thời-kỳ chót. Sự dạy dỗ của chư vị Phật Tiên rất dễ nghe dễ hiểu, có thể làm được, nếu người có chút suy-nghi kỹ-lưỡng thì lòng rất vui mừng mà làm theo không mảy nào nghi-ngờ sợ-sệt. Và tưởng sự tu như người muốn có lúa vào bồ thì phải lựa giống, mở đất mà cày sạ, rồi thường ngày bón phân nhổ cỏ, đến mùa-màng bông trái sum mụ, gặt hái đem về chứa đầy kho lẫm thì năm tới khỏi lo thiếu hụt đói khát.”

Và khi hành được việc Tu-nhân và Học Phật thì “ngoài việc tự cứu lấy mình, còn có bổn-phận lo cứu người khác như: Tổ-tiên cha mẹ, dòng-dõi quyến thuộc và cả quần-sanh.”

Chỉ có tu, trở về con đường lành, mới mong sống còn ngày lập đời Thượng-nguơn là một thời-kỳ thanh-bình, muôn dân an-lạc, Tam-giáo qui-nguyên, có bậc Thánh-tài ra đời giáo-hóa, khắp nơi người đều hiền-đức một bực tu-hành.

## **7°.- KẾT LUẬN**

Cao-trào của các đạo-giáo càng ngày càng lên, song song với sự phát-triển của giặc ác. Giữa hai trận doanh: Thiện và Ác, nhân-loại chừng như chột tình cơn ác mộng sau khi quá chán nản với đời sống

vật-dục. Sau những trận thế-giới đại-chiến, các nước Âu Mỹ nhận thấy tai hại của nền văn-minh vật-chất nên bắt đầu phóng tầm mắt ngó về văn-minh Đông-phương. Người ta nhận ra rằng: tiến-bộ vật-chất mà không đi đôi với tiến-bộ tinh-thần là một điều nguy-hại cho nhân-loại, vì nó sẽ biến con người thành những xác không hồn, như bộ máy điều-khiển bởi những đầu óc tham tàn, ích kỷ, lấy sự giết hại đau khổ của con người làm sự vinh-vang vui sướng của mình.

Một xã-hội thiếu đạo-đức là một xã-hội vô-liêm, đê-tiện.

Một con người thiếu luân-lý là một xác chết, một con vật hung tàn.

Một xã-hội hoàn-mỹ là một xã-hội sống với tình-thương.

Một con người đúng với danh-nghĩa làm người là một con người biết nhân-nghĩa.

Nhưng muốn tìm nhân-nghĩa hay muốn đào-luyện nên tinh-thần nhân-nghĩa, thế tất phải nhờ đến công-trình hoằng-hóa của các đạo-giáo.

Các đạo-giáo chân-chánh đều đặt căn-bản giáo-lý trên lẽ thiện. Có thể nói điều thiện là bước đầu của các đạo-giáo. Nó là nấc thang, cánh cửa đưa con người đi vào con đường thành Tiên tác Phật. Các tôn-giáo, mặc dầu có khác nhau về phương-diện hành-đạo, về con đường đạt đến cứu-cánh, nhưng đều gặp nhau ở căn-bản giáo-lý đặt trên lẽ Thiện. Do đó mà người đời đều nhận rằng: '**Tôn-giáo nào cũng tốt cả**, vì chẳng tôn-giáo nào chẳng kêu người bỏ ác về lành, cải tà qui chánh.

Cho nên trên trận-tuyến chống giặc ác, rồi đây các tôn-giáo sẽ đi đến chỗ liên-hiệp, nếu không nói qui-nguyên.

Con người, theo Mạnh-tử, bản tánh vốn lành, nhưng vì tập-nhiệm theo hoàn-cảnh hung ác chung quanh mà thành ra lần lần trở nên xấu. Sở dĩ đời càng trở nên hung ác là vì con người quá say mê những khoái-cảm vật-dục do nền văn-minh máy-móc mang lại, nên mất tin-tưởng đối với đạo-lý cổ-truyền, tinh-thần nội-hướng.

Sự chạy đua theo vật-dục do lòng tham thúc đẩy đã đưa nhân-loại đến con đường bế-tắc ngày nay. Khi quá dong ruổi theo sa-đà vật-dục bên ngoài thì con người không còn trí-óc quay nhìn nội-tại. Tánh thiện vì thế một ngày một lu mờ. Song một khi quá mỏi-mệt hay chán chê mà dừng bước đứng lại thì con người thường đâm ra suy nghĩ xét nét. Tánh thiện nhân đó chợt thức dậy.

Chính đây là cơ-hội tốt cho các đạo-giáo gây mầm gieo giống. Cái quang cảnh phồn-hưng của các đạo-giáo ngày nay đã nói lên được chiều hướng nhân-loại đang quay về nội-tại và đem lại niềm tin-tưởng cho sự thẳng thế của mặt trận thiện chống lại giặc ác để chuẩn-bị ngày tươi sáng của buổi Thượng-nguơn.

Mặc dầu ngày nay số người hướng theo ác còn nhiều, nhưng lẽ tất thẳng vẫn về bên thiện.



Lẽ tất thẳng của đạo-đức, xét ra, không ngoài mấy lẽ chính yếu sau đây :

**Chánh thẳng tà.-** Từ xưa đến nay, lịch sử đã chứng tỏ rằng: Chánh luôn luôn thẳng tà, thiện luôn luôn thẳng ác. Nhưng vì thiện và chánh bao giờ cũng chủ-trương hiền-hòa, nhu hậu, tôn-trọng lễ công-minh, nên tỏ ra yếu đối với chủ-trương dùng sức mạnh, bất kể đạo-đức nghĩa nhân. Sức mạnh thường làm cho người đời khiếp sợ, thế nên kẻ thiện vẫn ít được trọng-thị hơn kẻ bạo.

Song ở đời, "nhu" tuy yếu vẫn thẳng "cang". Đó là luật đào-thải của muôn đời. Kẻ bạo hành, dầu hùng hổ đến đâu, cũng chỉ được một lúc. Còn ai hung hãn bằng Tần-Thỉ-Hoàng, Thành-Cát Tư-Hản nhưng sự tàn ác chỉ gây lấy căm thù và để lại tiếng như muôn thuở. Trái lại kẻ thiện, tuy không làm cho người khiếp sợ, nhưng khiến mọi người kính phục.

Những gương cổ kim đã minh chứng điều đó. Thế nên dù ở tình-thế nào, người đời vẫn tin chắc: chánh sẽ thẳng tà, thiện sẽ thẳng ác.

**Cơ thử-thách lọc lừa.-** Phương chi theo các đạo-giáo, sở dĩ giặc ác càng thanh, đó chẳng qua là cơ lọc lừa thử thách đối với người thiện. Nếu đời vẫn bình-thản, lẽ thiện được hiện hành thì ai ai cũng sống trong lẽ thiện. Giữa người có ác tâm với kẻ có thiện-tâm, không có sự thử thách để định giá thấp cao. Vàng thau lẫn lộn và giá trị của kẻ thiện không được sáng tỏ.

Trong trường hợp mà kẻ ác mạnh thế hơn kẻ thiện, điều tà được thời hơn lẽ chánh thì đương nhiên những kẻ xu-thời, không có thiện-tâm, thảy đều chạy theo bạo-lực. Chỉ có kẻ thiện mới không thối chí ngã lòng, một mực sắt đá kiên-trinh, dù phải chết thân khổ xác.

Đã hiểu đó là một cuộc lọc lừa, những người thờ lẽ thiện, tin chắc ở sự tất thẳng của đạo-đức, nên hiên ngang trước giặc ác, bởi họ biết đó là một hiện-tượng nhất thời của trò thiên-diễn bày ra để trêu người lương-thiện.

Đức Huỳnh Giáo Chủ có viết:

Nấu lọc rành mới biết vàng thau,  
Ai thật tánh ai người giả đạo.

Các đạo-giáo như Cơ-đốc-giáo, Bửu-Sơn Kỳ-Hương, Cao-đài-giáo đều nhận thời-kỳ này là thời kỳ sàng sảy lọc lừa người hiền kẻ thiện.

Ông Sư Vãi Bán Khoai có nói:

Sàng qua sảy lại bằng nay,  
Hết xấu tới tốt, hết vong tới tồn.

Giặc ác sẽ đem lại tàn phá, chết chóc, đau khổ cho nhân-loại. Nhưng chỉ có người kiên-trì lẽ thiện, không xu phụ theo giặc ác mới mong sống còn. Đức Chúa Jésus có dạy các tông-đồ rằng: "Nếu kẻ nào giữ theo lời dạy của ta, người ấy sẽ không bao giờ chết"; và "phương-tiện duy nhất để sống còn đặng vào thế-giới mới trong sạch là đi theo con đường hẹp của Chúa. Người khôn-ngoa sẽ chọn con đường ấy,

tiến bước với sự xét suy, xem chừng từ bước một. Thế nên, từ lâu trên bước tiến hành, nhờ nghe theo lời dìu dắt của Chúa, người ấy không lạc bước trong hầm hố của thế-giới vô-liêm.” (Tạp-chí Tour de garde, số 13 ngày 1/7/1958).

Trong Sấm-giảng, Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng cho biết chỉ có kẻ làm lành mới sống sót trong những ngày biến-thiên sắp tới:

Khổ với thảm ngày nay có mấy,  
Sợ mai sau dòm thấy bay hồn;  
Trừ tà gian, còn thiện chỉ tồn.

**Cùng rồi tới thạnh.**- Nhưng sở dĩ có sự lọc lừa, trong đó kẻ tà gian bị tiêu-diệt, người lương-thiện được sống còn cũng chẳng qua vì luật tuần-hoàn: *hết cùng tới thạnh*.

Trong Đại-thừa Chơn-giáo có nói rằng : “Và đời thường có trị loạn, mà loạn hễ cùng là tất phải trị. Đạo cũng có thạnh có suy mà suy đã cùng thì rồi lại thạnh; sự thành bại hưng-vong ấy cũng bất ngoại là cơ Đạo chuyển.” (Đại-thừa Chơn-giáo tr. 182).

Chỗ khẩn-thiết của các Đạo-giáo kêu gọi nhân-sanh quay về với lẽ thiện để khỏi bị đào thải trong những ngày biến-thiên tới đây, chính vì đã nhận thấy thế-giới loài người đang chuyển mình tiến lên một cuộc đời thánh-triết, trong đó chỉ tồn tại những người lương-thiện.

Cơ-đốc-giáo không dứt cảnh tình người đời về sự thành lập một thế-giới mới, sau khi một phần lớn nhân-loại bị huỷ diệt trong trận chiến-tranh mà kinh Thánh gọi là trận Ha-ma-ghê-đông (Hamaguédon). Sau trận ác chiến này, một thế-giới mới được xây dựng.

“Sự mất dạng hoàn-toàn của sự thống-trị của giặc ác sẽ dọn đất cho thế-giới mới, trong đó công-lý được tôn trọng. Những người sống sót sau trận Ha-ma-ghê-đông, những người chân-thật kính trọng Chúa sẽ truyền-bá một xã-hội của thế-giới mới trên khắp mặt đất tinh-khiết...Nếu còn sót lại chiến xa hay đại-bác hay chiến-cụ giết người của thế-giới cũ thì những vật ấy theo lời Thánh-giáo sẽ biến thành những lưỡi cày và cuốc xuống. Tất cả những dụng-cụ tàn-sát sẽ đổi thành những dụng-cụ kiến-thiết. Trong thế-giới mới quả địa-cầu không còn thấy diễn ra những cuộc phá hại của thế-giới chiến-tranh, đổ máu một cách vô-lý, những sự hung tàn và kết quả bi-thảm của nó. Trong thế-giới ấy, gươm không còn rút ra khỏi vỏ, nước này chống nước kia, người ta sẽ không học nghệ-thuật gây giặc nữa.”

Trong một thế-giới không còn dung túng sự tham-tàn thì hẳn không sao còn đất dung thân cho hạng người ác.

Cao-đài-giáo cũng báo hiệu một thế-giới thánh-triết mới sắp được thành lập để thay thế cõi đời ô-trước này.

Trong Đại-thừa Chơn-giáo có cho biết rằng:” Cái quả địa-cầu của các con ở đây nó gần đúng thời-kỳ tan rã; ấy là Thiên-thơ Thầy định trước ngày giờ, mà cũng vui cho các đấng chúng-sanh được trở

bước lên một nấc thang cao vợi. Hể thế-giới này tiêu-diệt thì linh-hồn nhân-loại tấn-hóa sang qua quả Địa-cầu 67 là nơi tiền-định của Đạo mẫu.

“Thầy đến đây lần chót mà đem các con sang qua thế-giới nhẹ-nhàng, còn những đứa mê-muội, ngỗ-ngang, tội tình thì lại bị tiêu-tan ra gió bụi. Các con phải có ngày tận-tuyệt. Đứa nào thuận Thiên-cơ biết đạo-đức từ-thiện thì Phật, Tiên chực rước, còn đứa nào cứ ác độc, trước-trần khó mà an thân ngày chót.”

Cái thế-giới ấy, quả địa cầu 67 ấy, Bửu-Sơn Kỳ-Hương gọi là đời Thượng-ngươn, nguơn đầu của Tam-ngươn.

Cõi đời vô-cùng đẹp-đẽ ấy chỉ dành riêng cho những người ăn hiền ở lành, sống trong lẽ thiện.

Thì ra điều-kiện để được sống còn trong thời-kỳ Thượng-ngươn chỉ căn-cứ vào có một chữ THIÊN. Như thế lẽ tất thắng chắc-chắn sẽ thuộc về các đạo-giáo, vì rằng các đạo-giáo đặt căn-bản giáo-lý trên lẽ THIÊN./.

